



**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ XÃ NHƯ CỐT**  
**(1946 - 2015)**

DE HOLL  
COLLEGE OF THE CITY OF  
NEW YORK



**ĐẢNG BỘ HUYỆN CHỢ MỚI  
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NHỰ CỐ**

**LỊCH SỬ  
ĐẢNG BỘ XÃ NHỰ CỐ  
(1946 - 2015)**

**XUẤT BẢN NĂM 2018**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ**  
**XÃ NHƯ CỐ (1946 - 2015)**

*Chỉ đạo thực hiện*

**Ban Thường vụ Huyện ủy Chợ Mới**

**Ban Tuyên giáo Huyện ủy Chợ Mới**

*Chịu trách nhiệm nội dung và xuất bản*

**Ban Chấp hành Đảng bộ xã Như Cố**

**(Nhiệm kỳ 2015 - 2020)**

***Ban Chỉ đạo***

<b><i>Đ/c Dương Thanh Mậu</i></b>	Bí thư Đảng ủy	Trưởng ban
<b><i>Đ/c Triệu Văn Chu</i></b>	Phó Bí thư Đảng ủy	Phó ban
<b><i>Đ/c Mai Xuân Huấn</i></b>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Thành viên
<b><i>Đ/c Nguyễn Văn Chính</i></b>	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Thành viên
<b><i>Đ/c Dương Quang Yến</i></b>	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	Thành viên

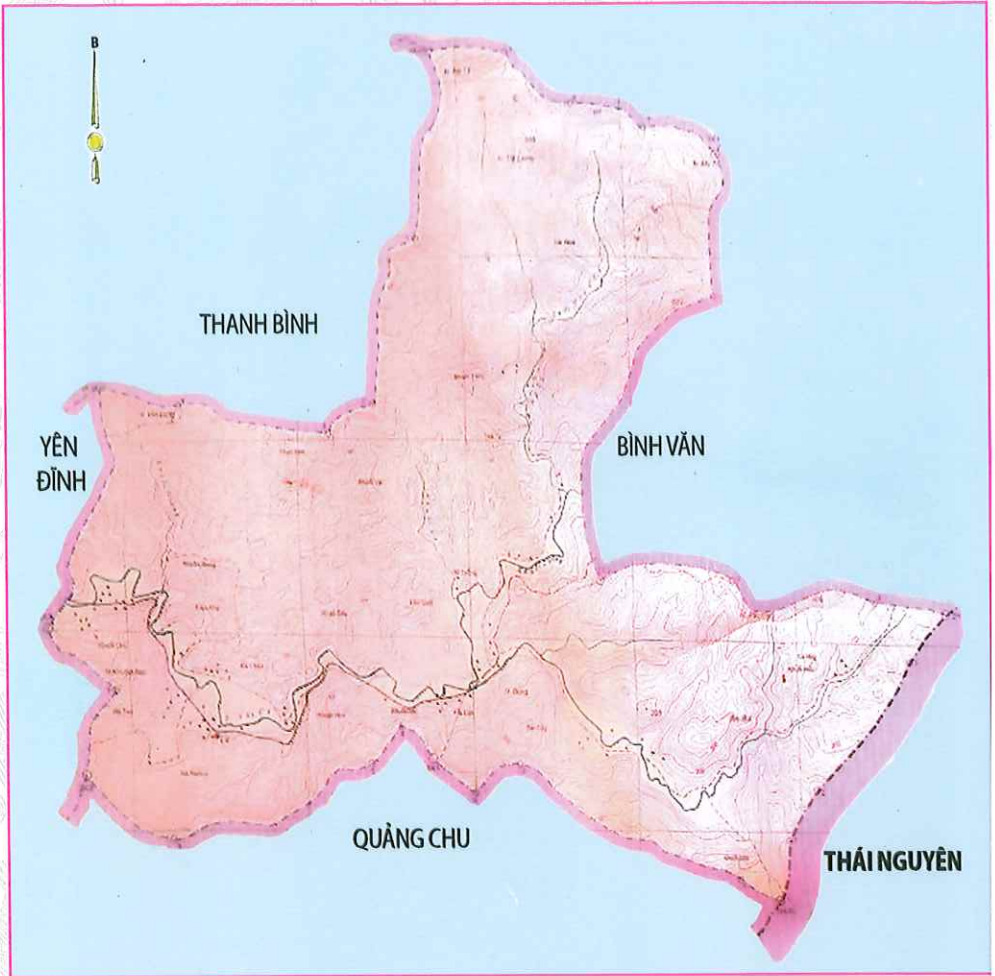
***Tổ Sứ tâm***

<b><i>Đ/c Dương Quang Yến</i></b>	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	Tổ trưởng
<b><i>Đ/c Mai Xuân Hòa</i></b>	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự	Tổ phó
<b><i>Đ/c Hà Thị Lan</i></b>	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên
<b><i>Đ/c Lý Thị Mai Phương</i></b>	Cán bộ Văn phòng - Thống kê	Ủy viên
<b><i>Đ/c Hà Văn Hậu</i></b>	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Ủy viên
<b><i>Đ/c Vũ Thị Thảo</i></b>	Cán bộ Văn hóa - Xã hội	Ủy viên
<b><i>Đ/c Dương Văn Thông</i></b>	Cán bộ Chính sách - Xã hội	Ủy viên



*“Dân ta phải biết sử ta  
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”*

**Chủ tịch Hồ Chí Minh**



Bản đồ hành chính xã Như Cố

## LỜI GIỚI THIỆU

*Như Cố là vùng đất có bề dày lịch sử và truyền thống đấu tranh cách mạng. Tiếp nối truyền thống quê hương, từ ngày thành lập, Chi bộ xã Như Cố tiếp tục lãnh đạo nhân dân địa phương tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, từng bước phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.*

*Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về “Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, đồng thời với nhận thức ghi lại chặng đường lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân là công việc thiết thực và cấp bách nhằm giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ mai sau; tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, sự gắn bó giữa Đảng và nhân dân; rút ra những bài học kinh nghiệm, nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực của cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới..., Ban Chấp hành Đảng bộ xã Như Cố (nhiệm kỳ 2015 - 2020) quyết định nghiên cứu và biên soạn cuốn “**Lịch sử Đảng bộ xã Như Cố (1946 - 2015)**”.*

*Nội dung cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Như Cố (1946 - 2015)” phản ánh: quá trình vận động giành chính quyền; nhân dân trên địa bàn xã Như Cố kháng chiến chống thực dân Pháp, tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước. Từ sau năm 1975, xã bước vào thời kỳ kiến thiết quê hương theo con đường chủ nghĩa xã hội. Gắn với các thời kỳ đó là sự ra đời và trưởng thành của tổ chức Đảng.*

*Cuốn sách được biên soạn khách quan và khoa học theo tiến trình các sự kiện lịch sử diễn ra trên địa bàn xã Như Cố, đồng thời đặt trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc. Cuốn sách là công trình tri ân với lớp cha anh đi trước đã cống hiến, hy sinh vì hòa bình, ấm no của quê hương. Đây là tài liệu chính thống về truyền thống cách mạng, là bản lý lịch tương đối đầy đủ của Đảng bộ và nhân dân địa phương; đáp ứng công tác xây dựng Đảng, góp phần giáo dục, bồi dưỡng truyền thống yêu nước và cách mạng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, đặc biệt là lớp trẻ hôm nay và mai sau.*

*Quá trình sưu tầm, nghiên cứu biên soạn được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Chợ Mới, sự đóng góp của các bậc tiền bối, các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương, đặc biệt là sự tư vấn, chấp bút nghiêm túc của Công ty Cổ phần Sách và Truyền thông Văn hóa Việt. Mặc dù có*

*nhiều nỗ lực để tái hiện lịch sử Đảng bộ xã Như Cố qua các thời kỳ song do tài liệu lưu trữ và các nhân chứng lịch sử mai một nhiều, cuốn sách không tránh khỏi hạn chế. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Như Cố rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các đồng chí cán bộ, đảng viên, nhân dân và bạn đọc để cuốn sách ngày càng hoàn thiện.*

*Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc!*

**T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ NHƯ CỐ**

**BÍ THƯ**

**Dương Thanh Mậu**

The first part of the paper discusses the importance of the study and the objectives of the research. It also outlines the methodology used in the study, including the data sources and the statistical methods employed. The results of the study are presented in the second part, showing the distribution of the variables and the relationships between them. The final part of the paper discusses the implications of the findings and suggests areas for further research.

## THE IMPORTANCE OF THE STUDY

1.1

1.2

The study is important because it provides a comprehensive overview of the current state of research in this field. It also identifies the gaps in the existing literature and suggests areas for further research. The findings of the study have important implications for policy and practice in this area.

# Chương I

## NHƯ CỐ - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

### I. Địa lý tự nhiên và quá trình hình thành, phát triển của làng xã

#### 1. Đặc điểm địa lý và tự nhiên

Như Cố là xã miền núi thuộc phía Đông Nam của huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Năm 2015, xã có tổng diện tích khoảng 45,04km<sup>2</sup>, tổng dân số là 2.834 người. Như Cố tiếp giáp với 6 xã: Phía Bắc giáp 2 xã Thanh Bình, Nông Hạ; phía Đông giáp xã Bình Văn, xã Thần Sa (huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên), phía Nam giáp xã Quảng Chu, phía Tây giáp 2 xã Yên Đĩnh và Thanh Bình.

Cũng giống như các xã khác trong vùng, địa hình Như Cố nằm trong vùng vận động nâng lên của cánh cung Ngân Sơn. Đặc điểm chính trong cấu tạo địa hình của vùng là các dãy núi, thung lũng và các cánh đồng nhỏ hẹp, sông suối dốc và nhỏ. Theo các nghiên cứu địa chất, địa mạo, Như Cố được bao bọc bởi đồi núi cấu tạo từ các loại nham thạch cổ, xen kẽ với các dãy núi đá vôi, trong đó các thành phần chính là granit, rhyonit, phiến sét, thạch anh, đá vôi. Không gian địa hình Như Cố có sự phân hóa theo

hướng Tây Bắc - Đông Nam, các dãy núi tập trung chủ yếu ở phía Bắc, là nơi phân chia ranh giới với các xã Thanh Bình và Nông Hạ, có đỉnh Mu Tồ cao 986,8m so với mực nước biển. Ở Như Cố, các dãy núi có độ dốc trung bình (từ 15 - 20<sup>0</sup>), bị ngăn cách bởi các thung lũng nhỏ. Ở phía Đông của xã là những ngọn đồi thấp hình bát úp, độ cao vừa phải. Một số thung lũng ở phía Nam của xã được khai phá thành những cánh đồng tương đối bằng phẳng dọc theo các triền suối như cánh đồng Nà Chèo, Nà Tào, Nà Ròng...

Trên địa bàn xã có nhiều con suối nhỏ nằm rải rác dọc theo các thung lũng ven đồi, một số con suối nhỏ hợp thành dòng suối lớn nhất là dòng suối Nhì Ca, một phụ lưu phía tả ngạn sông Cầu. Do đa phần là các dòng suối nhỏ, lại nằm ở vùng có địa hình phân hóa theo độ cao, do vậy có độ dốc khá lớn. Về mùa mưa có khả năng xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất, gây ngập úng cục bộ và ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trong xã.

Qua phân tích thổ nhưỡng tại địa bàn, Như Cố có nhiều loại đất khác nhau. Đất nâu đỏ phát triển trên đá phiến sét, diện tích tương đối lớn, đất nâu vàng phát triển trên đá sa thạch, đất bồi tụ (phù sa sông, suối) có độ mùn cao, giàu dinh dưỡng, phân bố dọc theo sông, ngòi, khe suối... Trước đây, nhân dân trong xã sống dựa vào các vùng đất ven sông, suối mà sản xuất nông nghiệp, dù tự cung tự cấp

nhưng điều đó đóng vai trò quan trọng cho nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương trong những năm kháng chiến khó khăn.

Theo các ghi chép trong sách “*Đồng Khánh địa dư chí*”, vùng này “*Khí trời nhiều lạnh rét, khí đất ẩm ướt, cuối xuân còn lạnh, đến mùa hạ mới hơi nóng, đầu thu đã rét, mùa đông rét đậm. Mùa đông và mùa xuân sương mù, khí núi che phủ bầu trời. Trước giờ Tý, sau giờ Thân tứ nhìn quanh không thấy núi*”<sup>(1)</sup>. Ảnh hưởng bởi đặc điểm thời tiết chung của vùng, mùa lạnh ở Như Cố bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, tiết trời giá lạnh, các tháng có nhiệt độ thấp là tháng 12 và tháng 1 năm sau. Cuối mùa lạnh thường xuất hiện mưa phùn, ẩm ướt, đôi khi có cả sương muối. Mùa nóng bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10 hằng năm, nhiệt độ trung bình từ 25 - 28°C, các tháng có nhiệt độ trung bình cao là tháng 6, 7 và 8 (27 - 28°C). Mùa hè trùng với thời gian hoạt động mạnh của gió mùa Đông Nam nhiều hơi ẩm gây ra mưa. Lượng mưa ở Như Cố thuộc loại trung bình, khoảng 1.500 mm/năm. Mưa chủ yếu tập trung vào mùa hè, nhất là các tháng 7 và 8 trong năm.

Rừng là nguồn tài nguyên quý giá và là thế mạnh của Như Cố cả xưa và nay. Thời trước, rừng phủ khắp địa bàn

---

<sup>(1)</sup> *Đồng Khánh địa dư chí, tập I*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr.820.

Như Cố, đa phần là rừng già, có độ đa dạng sinh học cao. Trong rừng có nhiều động thực vật quý như “*tre vầu, mây, nứa, sa nhân, củ nâu, lợn rừng, hươu, nai, có nơi còn có cả chim trĩ, gà lôi...*”<sup>(1)</sup>. Rừng đem đến nguồn lợi to lớn cho những cư dân sinh sống ở vùng Như Cố. Họ dựa vào rừng, khai thác và săn bắn, làm nương rẫy... lâu dần qua thời gian hình thành tập quán sản xuất. Trong những năm kháng chiến giải phóng dân tộc, rừng nơi đây còn là nơi nương náu của dân quân, du kích, là căn cứ của các tổ chức cách mạng địa phương. Tuy nhiên, trước những năm 80 của thế kỷ XX, do khai thác chưa hợp lý, công tác trồng và bảo vệ rừng chưa được coi trọng nên diện tích rừng (phần lớn là rừng tự nhiên) đã bị thu hẹp. Nhận thức được thực trạng đó, trong những năm gần đây, xã Như Cố đã tập trung bảo vệ những diện tích rừng phòng hộ và phát triển việc trồng mới rừng, đặc biệt là rừng sản xuất. Đến hết năm 2015, diện tích rừng của xã là 3.655,45ha, trong đó rừng tự nhiên là 2.741,71ha, chiếm 60,87%. Như Cố được đánh giá là một trong những địa phương đi đầu trong việc trồng và bảo vệ rừng của huyện Chợ Mới.

Là xã nằm ở nơi cửa ngõ khu vực phía Nam tỉnh Bắc Kạn nên mạng lưới giao thông của Như Cố tương đối phát triển. Trước đây, đường đi chỉ là các con đường đất nhỏ

---

<sup>(1)</sup> *Đồng Khánh địa dư chí, tập I*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr.820.

đọc theo các thung lũng ven suối, ven đồi, việc đi lại của cư dân Như Cố khá khó khăn. Trước khi thành lập huyện, trên địa bàn Chợ Mới có Quốc lộ 3 đi qua, là tuyến giao thông huyết mạch, nhưng cũng rất nhỏ hẹp và xuống cấp. Như Cố cách Quốc lộ 3 khoảng 4km. Tuyến đường này cũng là con đường liên huyện nối Như Cố với điểm giao nối với Quốc lộ 3, có thể dễ dàng đi lại ngược lên thị xã Bắc Kạn đi Cao Bằng rồi lên biên giới Việt - Trung. Ở chiều ngược lại, cũng có thể dễ dàng đi xuống phía Nam, qua Thái Nguyên đi Hà Nội. Tỉnh lộ 256 bắt nhánh từ Quốc lộ 3 (tại xã Yên Đĩnh) chạy qua các xóm Khuổi Chủ, Nà Tào, Nà Roòng, Nà Chèo, Bản Quất của Như Cố dài 9km rồi sang các xã Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư<sup>(1)</sup>. Đây là tuyến đường “xương sống” chạy từ phía Tây sang phía Đông của xã, từ đó có các đường nhánh đi vào trong các khu dân cư. Giữ vai trò quan trọng trong việc đi lại, giao lưu nên cư dân tập trung sinh sống ở ven Tỉnh lộ 256 hơn những khu vực khác.

Từ khi thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, hệ thống giao thông trên địa bàn xã không ngừng được tu bổ. Tính đến năm 2015, toàn xã có 39,52km đường giao thông, trong đó có 21,19km đã được cứng hóa.

---

<sup>(1)</sup> Tỉnh lộ 256 dài 65km, chạy tới điểm cuối là xã Hảo Nghĩa, huyện Na Rì.

## ***2. Quá trình hình thành và phát triển của làng xã***

Như Cố là vùng đất có lịch sử lâu đời, phát triển liên tục theo những thăng trầm của dân tộc. Trải qua nhiều lần chia tách, sáp nhập, địa danh Như Cố có sự thay đổi gắn liền với tiến trình lịch sử từng thời kỳ.

Thời nhà Lý, nước ta chia thành 24 lộ, địa bàn Như Cố thuộc lộ Vĩnh Thông. Đến thời nhà Trần chia đất nước làm 12 lộ, 4 trấn và 14 huyện, Như Cố thuộc trấn Thái Nguyên. Trải qua các triều đại tiếp theo, dù có thay đổi tên hành chính nhưng về cơ bản ổn định nằm trong trấn Thái Nguyên. Khi nhà Minh xâm lược Đại Việt, chúng chia nước ta làm 15 phủ, trấn Thái Nguyên đổi thành phủ Thái Nguyên gồm 11 huyện, Như Cố nằm trong địa phận huyện Vĩnh Thông. Đời Lê, năm Hồng Đức thứ 21 (năm 1490) Vĩnh Thông đổi tên thành châu Bạch Thông.

Đến thời Nguyễn, năm Gia Long nguyên niên (năm 1802), vua Nguyễn Thế Tổ đổi Thái Nguyên thừa tuyên thành trấn Thái Nguyên. Năm Minh Mạng thứ 12 (năm 1831), vua Nguyễn Thánh Tổ đổi trấn Thái Nguyên thành tỉnh Thái Nguyên. Như Cố nằm trong tỉnh Thái Nguyên, về cơ bản thuộc phủ Thông Hóa.

Theo sách “*Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX*” thì đầu thế kỷ XIX, địa bàn Như Cố là một trong 6 xã thuộc tổng Nông Hạ, châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa,

xứ Thái Nguyên. Cuối thế kỷ XIX, sau khi hoàn thành việc xâm lược nước ta, thực dân Pháp đặt châu Bạch Thông (phủ Thông Hóa) thuộc tiểu quân khu Cao Bằng, nằm trong đạo quan binh II Lạng Sơn. Lúc này, Như Cố thuộc về tổng Nông Hạ, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Một thời gian sau, tổng Yên Đĩnh được thành lập trên cơ sở tách 5 xã phía Nam của tổng Nông Hạ (Yên Đĩnh, Thanh Bình, Như Cố, Quảng Chu, Du Chu) và cắt về huyện Phú Lương.

Ngày 11/4/1900, thực dân Pháp quyết định tách phủ Thông Hóa ra khỏi tỉnh Thái Nguyên, thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì) và Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Ngày 25/6/1901, tổng Yên Đĩnh được tách khỏi huyện Phú Lương, sáp nhập vào châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Lúc này, Như Cố thuộc về tổng Yên Đĩnh, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 25/3/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 148/SL bỏ các danh từ phủ, châu, tổng, kể từ đó, cấp trên cấp xã và dưới cấp tỉnh thống nhất gọi là huyện. Từ năm 1945 đến cuối năm 1953, xã Như Cố thuộc địa phận của xã Yên Đĩnh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup>Xã Yên Đĩnh khi đó là một xã lớn, gồm địa giới 4 xã ngày nay: Quảng Chu, Như Cố, Thanh Bình, Yên Đĩnh.

Cuối năm 1953, để đáp ứng tình hình mới, theo chỉ thị của cấp trên, xã Yên Đĩnh được chia tách thành 4 xã: Yên Đĩnh, Như Cố, Quảng Chu, Thanh Bình. Đồng thời, theo sự chỉ đạo của cấp trên, xã Như Cố đổi tên là Toàn Thành. Tại thời điểm chia tách, xã Toàn Thành có các thôn Nà Chèo, Nà Tào, Nà Ròng, Bản Quất, Bản Cây, Nà Luống, Khuân Tềng, Khuân Bang, Khuổi Chủ. Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Nghị quyết số 103-NQ/TVQH về hợp nhất tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Lúc này, Như Cố là một trong 28 xã, thị trấn của huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

Ngày 25/3/1967, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 111-QĐ/NV tách 9 xã gồm có: Như Cố, Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Quảng Chu, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, Nông Hạ và 1 thị trấn (Chợ Mới) khỏi huyện Bạch Thông sáp nhập về huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

Ngày 06/11/1996, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 10 ra nghị quyết về việc tách tỉnh Bắc Thái thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Theo đó, Như Cố cùng với 9 xã, thị trấn (Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Quảng Chu, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, Nông Hạ, thị trấn Chợ Mới) chuyển về huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn như trước tháng 3/1965.

Thực hiện Nghị định số 46/1998/NĐ-CP (ngày 06/7/1998) của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, huyện Chợ Mới chính thức được thành lập trên cơ sở chia tách thị trấn Chợ Mới và 15 xã phía Nam huyện Bạch Thông, gồm: Tân Sơn, Hòa Mục, Thanh Vận, Thanh Mai, Mai Lạp, Cao Kỳ, Yên Cư, Nông Hạ, Yên Hân, Nông Thịnh, Bình Văn, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Quảng Chu và Như Cố.

Hiện tại toàn xã có 11 thôn: Nà Chào, Nà Tào, Khuôn Bang (Khuôn Bang), Khuổi Chủ, Bản Cây, Bản Quất, Nà Luống, Khuôn Tềng (Khuôn Tềng), Bản Nứa, Khuổi Hóp, Nà Roòng. Ở Như Cố hiện nay có 3 dân tộc chủ yếu cùng chung sống và sản xuất là: Tày, Dao, Kinh. Trong tổng số 2.834 nhân khẩu của xã, dân tộc Tày có số lượng người sống đông nhất, 1.841 người, chiếm 65% cư dân. Người Tày là những cư dân bản địa sống ổn định và lâu đời trên vùng đất Như Cố. Các dân tộc Dao, Kinh về sau mới di cư đến lập nghiệp, dựng nhà cửa sinh sống, trong đó người Dao là 902 người, chiếm 31%; người Kinh là 71 người, chiếm 2,6%, còn lại là các dân tộc khác.

Đồng bào các dân tộc ở Như Cố sống chia thành từng thôn xóm, trong đó đặc biệt có 4 thôn chỉ có người Dao sinh sống là Khuổi Chủ, Nà Luống, Bản Nứa và Khuổi Hóp. Quá trình quần cư sinh sống và sản xuất đã tạo nên tính cố kết cộng đồng làng xã, tương trợ nhau khi gặp khó

khăn, đoàn kết trong lao động sản xuất. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói và phong tục tập quán khác nhau tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa nhưng đều hòa vào nhịp sống của cộng đồng làng xã. Trong các thời kỳ kháng chiến chống giặc ngoại xâm, với truyền thống cách mạng vẻ vang, nhân dân các dân tộc trong xã luôn đoàn kết cùng với quân dân cả nước đánh đuổi kẻ thù xâm lược. Nhân dân Như Cố luôn tự hào với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương, đất nước.

Thực hiện chủ trương xây dựng kinh tế mới của Đảng, năm 1963, một nhóm cư dân người Kinh từ đồng bằng lên Như Cố làm ăn, sinh sống. Dù điều kiện còn khó khăn, song đồng bào các dân tộc đã nhường cơm sẻ áo, giúp đỡ bà con miền xuôi xây dựng nhà cửa, ổn định cuộc sống mới. Tuy còn nhiều khác biệt về tập quán sản xuất và sinh hoạt, song nhân dân sinh sống chan hòa, chia sẻ cho nhau kinh nghiệm làm ăn, giao lưu văn hóa.

Ngày nay, thực hiện chủ trương cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*", nhân dân các dân tộc xã Như Cố lại phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong sản xuất, cần cù lao động, hăng hái xây dựng quê hương. Những năm qua, kinh tế - xã hội của xã có bước tăng trưởng rõ nét, khắc phục được tình trạng khó khăn kéo dài trước đây và đang chuyển dần sang thời kỳ phát triển. Với những mục tiêu đã được Đảng bộ và chính

quyền xã xác định rõ ràng, cùng với sự nỗ lực, chung tay góp sức của nhân dân, bộ mặt nông thôn của xã Như Cố sẽ có những đổi thay toàn diện, chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương sẽ đạt được nhiều kết quả cao hơn trong thời gian tới.

## **II. Một số đặc điểm kinh tế - xã hội và những nét văn hóa tiêu biểu của dân cư Như Cố**

Như Cố có vị trí tương đối thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội với các xã lân cận. Thêm vào đó, điều kiện khí hậu thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa cây trồng, đặc biệt là các loại cây lâm nghiệp, cây công nghiệp và một số loại cây màu khác. Xã còn có nguồn nhân lực dồi dào, có kinh nghiệm trong lao động sản xuất, là nguồn lực lớn để khai thác tiềm năng đất đai, phát triển kinh tế.

Trải qua bao đời, trồng trọt vẫn là nguồn sống chính của cư dân Như Cố. Trên địa bàn xã có các thung lũng địa thế bằng phẳng được hình thành do quá trình bồi tụ của các dòng suối nên đất đai khá màu mỡ, phù hợp cho việc sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, diện tích canh tác thuận lợi như vậy không nhiều, nhân dân địa phương phải khai thác cả sườn đồi, núi làm nương rẫy. Thời phong kiến, cây lúa là cây lương thực chính và được đặt lên hàng đầu, bên cạnh đó nhân dân còn trồng hoa màu,

chăn nuôi gia cầm, gia súc phục vụ nhu cầu sức kéo và thực phẩm. Tuy nhiên, bị kìm kẹp bởi đủ các loại thuế má, lao dịch của chế độ phong kiến hà khắc nên đời sống cư dân rất khó khăn. Sau cách mạng, đất cày về tay nhân dân, đồng bào các dân tộc Như Cố thi đua hăng hái sản xuất phục vụ nhu cầu nhân dân, đảm bảo hậu phương vững chắc cho kháng chiến chống ngoại xâm, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những năm qua, xã đã chú trọng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, thâm canh tăng vụ. Bên cạnh những giống lúa thuần, xã đã đưa nhiều giống lúa mới cho năng suất và sản lượng cao vào phát triển sản xuất. Cùng với việc duy trì diện tích cây trồng truyền thống như cây lúa, cây ngô (vốn là thế mạnh của xã), để đảm bảo an ninh lương thực, những năm gần đây, cây chè được xác định là cây công nghiệp mũi nhọn của địa phương. Trước đây, cây chè đã được trồng rải rác ở các thôn nhưng còn manh mún, chưa tập trung, chưa có quy hoạch phân vùng cụ thể, do đó để cây chè trở thành sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, xã cần có chủ trương xây dựng vùng sản xuất tập trung quy mô lớn. Hiện nay, Như Cố đã trồng cây chè tập trung tại các thôn Nà Ròng, Nà Tào, Khuôn Bang, Khuổi Chủ, Nà Chèo, Nà Luống. Cây chè chất lượng cao đã mang đến cho nhân dân nguồn thu nhập đáng kể, giúp xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế tại địa phương.

Ngay từ thời xa xưa, với đức tính cần cù và chăm chỉ, người dân Như Cố đã biết xây dựng hệ thống phai đập, mương máng dẫn nước từ khe suối lên các chân ruộng cao. Trước đây, hệ thống cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất trên địa bàn xã chủ yếu là kênh đất, chỉ đảm bảo phục vụ tưới tiêu trong thời điểm nhất định, trong khi đó, quá trình dẫn nước đến khu vực canh tác thường xuyên bị rò rỉ, thất thoát nên nguồn nước thường không đủ để đảm bảo cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Những hồ đập, kè tạm khi có mưa lũ thường bị cuốn trôi. Khắc phục những hạn chế đó, những năm gần đây, với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, địa phương đã tranh thủ các nguồn vốn đầu tư từ Trung ương, địa phương và sự ủng hộ của nhân dân tích cực xây dựng, kiên cố hóa hệ thống công trình thủy lợi nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

Từ lâu hoạt động khai thác rừng và các nguồn lợi từ rừng đã là thế mạnh của cư dân Như Cố. Các sản vật của rừng không những đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân mà còn có giá trị về kinh tế. Hoạt động săn bắn, khai thác rừng trong những năm trước thập niên 80 của thế kỷ XX phần nào đã làm diện tích rừng và tài nguyên rừng suy giảm. Trong những năm gần đây, nhận biết được các giá trị kinh tế từ hoạt động khai thác rừng bền vững, chính quyền và nhân dân Như Cố đã tích cực phủ xanh

diện tích đất trồng, đồi núi trọc. Xã đã thực hiện tốt việc giao đất, giao khoán rừng trồng đến từng hộ gia đình, triển khai thực hiện Dự án 147<sup>(1)</sup>. Dự án đã mang lại cho người dân nguồn thu nhập đáng kể từ chính mảnh đất quê hương. Các loại cây ăn quả như vải, chuối tây hay cây công nghiệp như cây chè đã mang lại lợi nhuận kinh tế cao cho người dân trong vùng.

Trong quá trình lao động sản xuất và đấu tranh chế ngự thiên nhiên, nhân dân các dân tộc Như Cố đã sáng tạo nên nền văn hóa đa dạng. Đồng bào biết tự chế tạo các công cụ thích hợp và các loại cạm bẫy, vũ khí chống thú dữ để bảo vệ sản xuất. Chính từ quá trình lao động và sản xuất, người dân Như Cố đã tạo nên những nét văn hóa riêng có của mình trong sinh sống và sinh hoạt cộng đồng.

Là vùng đất có bề dày lịch sử, hơn nữa lại có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống nên Như Cố là xã có nền văn hóa đa dạng, thể hiện sự giao thoa giữa các dân tộc. Trải qua thời gian, dù là người bản địa đã sinh sống ở đây qua bao thế kỷ hay những dân tộc mới đến sinh cơ ở Như Cố vài chục năm, song đồng bào sống trên địa bàn xã luôn tôn trọng, đoàn kết sát cánh bên nhau trong xây dựng, bảo vệ và phát triển quê hương.

---

<sup>(1)</sup> Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015.

Tập quán sinh sống, làm ăn riêng lẻ theo dân tộc tuy vẫn còn, nhưng phần nào đã được thay thế bằng sự đan xen, hòa quyện không chỉ trong sản xuất mà cả trong quan hệ hôn nhân gia đình. Mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa độc đáo, phong tục tập quán riêng, nhưng đồng thời cũng có những ảnh hưởng giao thoa, tạo nên bức tranh đa dạng. Nhiều giá trị văn hóa vật thể của đồng bào trong xã vẫn còn được giữ gìn, bảo vệ. Từ nếp nhà sàn truyền thống đến những bộ trang phục đậm đà bản sắc dân tộc, các lễ hội, chợ phiên, những món ăn đặc trưng... đều thể hiện rõ ràng những nét đặc sắc trong văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở Như Cố.

Từ xa xưa, dân tộc Tày vốn là những cư dân bản địa ở Như Cố đã có trình độ canh tác nông nghiệp khá cao, đặc biệt là trồng lúa nước. Người Tày sống ở những chân núi thấp, ven sông suối, nơi có những thung lũng màu mỡ thuận lợi cho hoạt động sản xuất, chủ yếu ở các thôn vùng thấp của xã như Bản Quất, Khuân Bang, Nà Chào, Nà Tào, Nà Ròng. Từ lâu, đồng bào đã biết thâm canh và áp dụng các biện pháp thủy lợi như đào mương, bắc máng, đắp phai, làm cọn, lấy nước tưới đảm bảo sản xuất. Do tính chất địa hình, trước đây, để chống xói mòn nương rẫy, đồng bào có tập quán thu lượm cây đã thu hoạch xếp thành hàng ngang ngăn rửa trôi mùn đất và đến vụ gieo cấy thì đốt lấy tro làm phân bón. Ngoài trồng lúa nước, người Tày

còn thành thạo trong việc phát nương trồng lúa rẫy, trồng ngô, khoai, sắn cùng nhiều cây hoa màu khác trên những triền đất dốc và chăn nuôi gia súc vừa làm sức kéo vừa lấy thực phẩm. Trong lao động, họ là những cư dân chăm chỉ và giàu kinh nghiệm. Hiện nay, dân tộc Tày tại địa phương vẫn là những cư dân có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao trong vùng.

Thời phong kiến, cũng giống như các vùng khác người Tày ở Như Cố cũng có xã hội cổ truyền với thiết chế tự quản riêng, dựa trên cơ sở tập quán riêng. Mỗi bản làng của người Tày ở Như Cố xưa kia chỉ có khoảng 20 - 30 nóc nhà, sống quần tụ. Trong thôn đều có nhiều dòng họ cùng chung sống và quan hệ láng giềng được coi là quan hệ chủ đạo. Trong các thôn bản này, người đứng đầu được gọi là trưởng thôn. Về chức năng, trưởng thôn là đại diện cho thiết chế tự quản, thể hiện ý chí của cộng đồng, thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại đối với thôn bản và cấp trên. Tuy nhiên, lâu dần qua thời gian, từ một hình thức phi quan phương, trưởng thôn ở hầu hết các thôn bản của người Tày ở Như Cố đã trở thành một chức quan, một thành phần trong bộ máy cai trị của giai cấp phong kiến.

Người Tày là dân tộc sinh sống lâu đời và đông nhất ở Như Cố, do vậy, nếp sống của họ phần nào đó ảnh hưởng đến các dân tộc khác có mặt muộn hơn. Người Tày trong một họ thường được cố kết theo nhánh, chi. Những dòng

họ người Tày lớn ở Như Cố là họ Dương (Lường) ở Nhì Ca, họ Hà ở Bản Cây, họ Nguyễn ở Bản Quất. Họ có tục làm giỗ tổ, thờ mộ tổ, cũng có những quy định về thành viên cùng họ như một số dân tộc khác. Mộ mả tổ tiên đã phân về nhánh nào, chi nào thì nhánh đó, chi đó thờ cúng và gìn giữ. Các gia đình vừa là anh em, vừa là hàng xóm thì sự cố kết sẽ bền lâu, mặc dù huyết thống đã qua nhiều thế hệ.

Trước kia, nhà của người Tày ở Như Cố hầu hết là nhà bằng gỗ. Tùy thuộc vào địa vực sinh sống và đặc điểm sinh hoạt mà có thể dựng nhà sàn, nhà trệt hay nửa sàn nửa đất. Nhà sàn có thể có 4 hoặc 2 mái, có ván bưng bằng nứa và hoa văn đẹp mắt, sàn lát mai, tre, vầu. Tùy từng nhà mà có từ 4 đến 7 hàng cột đỡ, trên nhà là nơi thờ cúng (người Tày thường đặt bàn thờ tổ tiên ở góc trái của ngôi nhà vì họ quan niệm như vậy thì gia đình mới làm ăn thịnh vượng và phú quý), sinh hoạt chung của gia đình, bếp và buồng ngủ còn dưới sàn là nơi để nông cụ. Trang phục truyền thống của người Tày bằng vải bông tự dệt, nhuộm chàm và hầu như không có hoa văn trang trí. Phụ nữ mặc áo cánh cổ cao, năm thân, cài khuy ở cổ và sườn phải, quần dài, thắt lưng và khăn quấn đầu, vòng cổ, vòng tay bằng bạc.

Tết cũng là nét văn hóa đặc sắc của cộng đồng dân tộc Tày ở đây. Vào ngày 27, 28 tháng Chạp âm lịch, các gia đình dân tộc Tày đã nhộn nhịp thịt lợn, gói bánh chưng.

Những con lợn to nhất được chọn thịt trong ngày Tết. Thịt lợn được chế biến thành nhiều món ăn khác nhau như thịt lam, thịt treo gác bếp, lạp sườn, thịt ướp muối gừng... và một phần để gói bánh chưng. Người Tày không gói bánh chưng vuông như người Kinh mà gói bánh chưng dài. Nhà khá giả nhất định không thiếu được 2 loại bánh làm công phu là pẻng phạ (bánh trời), khẩu shi (bánh bông) trông bên ngoài giống như bông ngô ép mật dưới xuôi nhưng hương vị thì đặc biệt hơn rất nhiều. Trong ngày Tết, họ thường uống rượu, thức uống được ủ từ men lá rừng suốt nhiều tháng. Ngoài ra, trong năm còn một dịp lễ quan trọng khác tổ chức vào ngày 14, 15 tháng 7 âm lịch (tiếng Tày gọi là Chiêng chất). Đồng bào có tập quán gói bánh đậm muối để tạ ơn trâu đã có công giúp nhân dân cày bừa, mùa màng tốt tươi.

Ngoài ngày Tết, người Tày ở Như Cố còn tổ chức lễ hội Lồng tồng (Lồng thông, Lùng tùng..., hay còn gọi là Oóc tồng, nghĩa là xuống đồng (lồng là xuống, tồng là đồng) vào mừng 5 tháng Giêng hằng năm. Người dân địa phương sẽ dâng lên những mâm cỗ do chính tay mình làm, là những sản vật được tạo thành từ mồ hôi công sức của nhân dân. Chủ hội sẽ đích thân làm lễ cúng Thần Nông - vị thần cai quản ruộng đồng, làng xã để cầu ấm no, sức khỏe và hạnh phúc cho mọi người dân trong thôn. Đây là một lễ hội mang đậm dấu ấn của nền sản xuất nông nghiệp từ phần

nghi lễ, các nghi thức, sản vật dâng cúng đến các trò chơi trong lễ hội. Ngoài việc chuẩn bị lễ tế Thành Hoàng làng và Thần Nông, trong lễ hội còn có trồng cây nêu, làm quả còn, làm yến, làm bàn cờ, quân cờ, dây kéo co, chuẩn bị nỏ, mũi tên, hình nộm, cà kheo, đánh đu, đánh khăng, bi đá, bao, đáo... Về lễ vật cúng tế, người Tày chuẩn bị rất chu đáo cẩn thận, các món ăn phải ngon, cầu kỳ, đẹp mắt như: bánh khảo (sla cao), bánh bồng (péng khô), bánh chè lam (péng khinh), bánh chưng Tày (péng tởm, khẩu tởm), gà, lợn. Lễ hội Lồng tồng của người Tày ở Như Cố là một nghi thức đặc trưng của văn hóa vùng, mang tính chất tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng cầu mưa, tín ngưỡng thờ Mặt Trời, chứa đựng nhiều hoạt động tín ngưỡng dân gian đặc sắc. Trong lễ hội, các loại hình nghệ thuật truyền thống của đồng bào Tày ở Như Cố cũng được lưu giữ. Lượn là hình thức sinh hoạt diễn xướng giao duyên, đặc trưng của lượn là đối đáp, đối ca và nối tiếp ca. Đàn tính là loại nhạc cụ có mặt trong tất cả những sinh hoạt văn hóa tinh thần của đồng bào Tày, nó như linh hồn trong nghệ thuật dân ca, dân vũ của dân tộc Tày.

Đồng bào người Dao đã di cư đến sinh sống tại Như Cố từ lâu. Đây là dân tộc có số dân sinh sống đông thứ 2 tại xã. Từ lâu, họ đã là những cư dân nương rẫy, cuộc sống của đồng bào gắn liền với các triền núi do vậy trình độ và kinh nghiệm sản xuất nương rẫy của dân tộc Dao đã ở mức

tương đối. Tập quán sản xuất chính của họ là trồng các loại cây lương thực như cây lúa (cả lúa nếp và lúa tẻ), ngô (là cây lương thực quan trọng thứ 2). Trước đây, người Dao thường di canh di cư, đốt rừng làm nương rẫy, cuộc sống không ổn định nhưng từ những năm 60 của thế kỷ XX, đồng bào đã hưởng ứng thực hiện cuộc vận động định canh, định cư, phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống.

Người Dao là dân tộc đến sinh sống muộn hơn người Tày, cơ cấu xã hội trước kia và ngày nay cũng có những điểm khác biệt so với người Tày. Theo ngôn ngữ của người Dao, bản được gọi bằng từ lồng, cứ 3 nhà trở lên (không phân biệt cùng họ hay khác họ) cư trú trên một khu vực nhất định được gọi là một bản. Trong xã hội truyền thống, người Dao có thiết chế xã hội riêng. Chánh quản, phó chánh quản là những người chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp các mặt trong đời sống của người Dao ở mỗi vùng nhất định. Trước năm 1945, xã Như Cố có một chánh quản thường gọi là Chánh Liềm ở Khuổi Chủ và Bản Quất. Ở cấp thôn là động trưởng - người đại diện cho dân bản giao thiệp với cấp trên, vừa đại diện cho việc thực hiện các phong tục tập quán của cộng đồng bản. Chánh quản và động trưởng là người gương mẫu, hiểu biết về pháp luật và có kinh nghiệm tổ chức sản xuất, chăm lo cho đời sống cộng đồng dân cư, có khả năng vận động nhân dân thực hiện một số công việc mà chính quyền giao.

Ở Như Cố, người Dao tập trung sinh sống ở những khu vực riêng nên những nét văn hóa truyền thống phần nào còn giữ được hầu như nguyên vẹn, chưa bị pha trộn với văn hóa của các cộng đồng khác. Một đặc điểm văn hóa đặc sắc không thể không kể đến đó là lễ hội cầu mùa. Lễ cầu mùa của người Dao được tổ chức trang trọng, có sự tham gia của cả cộng đồng, đồng bào dân tộc sinh sống tại một bản, một vùng vào dịp cuối năm hoặc đầu năm mới. Già làng, trưởng bản, các thầy mo và bà con trong bản họp bàn nhau lại để chuẩn bị cho lễ cúng với các công việc cụ thể như: chọn thầy cúng, chuẩn bị lễ vật, chọn địa điểm và ngày cúng. Lễ cúng thường được tổ chức vào ngày Thìn hoặc ngày Sửu vì theo quan niệm của đồng bào Dao, tổ chức lễ cúng vào ngày này làng bản sẽ gặp nhiều may mắn. Tuy nhiên, tại các bản người Dao ở địa phương ngày nay không còn diễn ra các lễ hội cầu mùa với sự gắn kết của cả cộng đồng người Dao như trước mà chỉ còn thấy múa cầu mùa xuất hiện rất ít trong các lễ hội đầu năm.

Ở Như Cố ngày nay, cùng với các làn điệu sli, lượn của người Tày, điệu múa tấc sinh của người Dao, những năm gần đây các hoạt động thể thao truyền thống như: bắn nỏ, đẩy gậy, kéo co, tung còn, đá cầu... được quan tâm khơi dậy, làm phong phú thêm những giá trị lịch sử văn hóa của cộng đồng các dân tộc Như Cố.

Người Kinh là dân tộc có mặt tương đối muộn trên địa bàn xã, sống chủ yếu tập trung ở vùng thấp, nơi có đường giao thông thuận lợi. Họ di cư từ vùng đồng bằng lên qua nhiều giai đoạn. Những người Kinh đầu tiên đặt chân đến Như Cố là người tản cư trong chiến tranh từ giữa thế kỷ XX, dần dần họ ở lại địa bàn, dựng nhà, định cư sinh sống. Số còn lại di cư đến vào năm 1963, hưởng ứng cuộc vận động đồng bào các tỉnh miền xuôi tham gia phát triển kinh tế miền núi. Người Kinh vốn là nhóm cư dân có trình độ phát triển cao, mang theo những kinh nghiệm sản xuất của miền xuôi lên làm phong phú thêm trình độ canh tác của nhân dân trong xã.

Về hoạt động thương nghiệp, nhân dân trong xã thường đến khu vực Chợ Mới để họp chợ (cứ 5 ngày tổ chức 1 phiên). Đến ngày họp chợ, người dân thường buôn bán các sản vật sản xuất được như: gia súc, gia cầm, gạo, thỉnh thoảng còn bán vải thổ cẩm. Ngoài hoạt động sản xuất nông nghiệp, đồng bào các dân tộc Như Cố còn có các nghề truyền thống, hoạt động thủ công lúc nhàn rỗi. Đồng bào Tày và Dao ở Như Cố có nghề se sợi, dệt vải. Trước đây, phần lớn các gia đình đều tự trồng bông, se sợi, dệt vải. Ngày nay, nghề trồng bông kéo sợi không còn nhiều ở các gia đình, sợi bông được thay thế bằng sợi công nghiệp vì dễ dệt, không mất nhiều thời gian, giá cả hợp lý, người phụ nữ đỡ vất vả hơn. Trước đây, màu nhuộm sợi được tạo

ra từ vỏ các loại cây rừng nhưng hiện nay một phần được thay thế bằng thuốc nhuộm hoặc sợi len màu bán sẵn. Nghề dệt vải của đồng bào đạt đến độ tinh xảo, chất lượng vải thổ cẩm đẹp, màu sắc, hoa văn bắt mắt.

Thời phong kiến, Như Cố có các tổ chức tự nguyện phường phe, phường giáp hoạt động có đóng góp gạo, tiền, công việc chủ yếu làm đám ma, đám hiếu, có bầu tổ trưởng lãnh đạo công việc, có sổ sách ghi chép đóng góp từng hộ hoạt động. Cuộc sống của nhân dân được gắn kết bởi những quy định, hương ước. Đến nay, hương ước cổ đã thất truyền, tuy nhiên, thông qua lời kể của một số cụ cao niên có thể thấy bên cạnh những quy định đã được thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh, một số những tập tục vẫn được giữ gìn như quy định về cưới hỏi, ma chay, giỗ chạp...

Theo những ghi chép còn lại, bộ máy hành chính quản lý làng xã phong kiến có Hội đồng kỳ mục gồm các hương hào danh tiếng có phẩm hàm, học thức hoặc là hưu quan trong xã, những kỳ cựu trong làng đứng đầu. Mọi việc công tư phải trình với tiên chỉ, thứ chỉ và Hội đồng kỳ mục mới được thi hành. Hội đồng kỳ mục có nhiệm vụ bàn bạc, quyết định công việc của làng xã như việc phân bổ thuế, chia cắt lao dịch, binh dịch, quyết định lễ hội, giữ gìn trật tự, giải quyết các tranh chấp, kiện tụng. Cùng với đó, việc coi sóc quân sự, phu phen do trưng tuần điều hành khi có yêu cầu của phó lý, lý trưởng. Trong làng, ai có công việc

gì thì phải mời kỳ mục trước, hàng tổng có việc gì to tát cũng phải mời đến kỳ mục các làng (vì chánh, phó tổng là do các làng bầu). Trước năm 1945, chức Lý trưởng do ông Lưu Văn Quán nắm giữ, Phó lý là ông Lương Đình Phùng. Dưới đến là hàng giáp thường, đây là tổ chức liên thôn, xóm để tổ chức vui xuân, thực hiện công việc chuẩn bị lễ hội Lồng tồng, các trò chơi trong lễ hội...

Xã Như Cố trước đây không có trường dạy học, để đáp ứng nhu cầu học tập của con em trong xã, một số vị cao niên có học vấn tổ chức dạy học như: ông Dương Quang Chu ở thôn Nhì Ca dạy chữ Quốc ngữ; ở thôn Bản Cây có ông Hà Văn Lò mở lớp dạy chữ Hán để nâng cao trình độ văn hóa, phát huy truyền thống hiếu học của địa phương. Con em các dân tộc trong tổng lúc bấy giờ đều về đây nhờ thầy Lò dạy dỗ. Tuy nhiên những lớp học trên cũng chỉ dành cho con em những người có điều kiện, con nhà nghèo không được đi học.

Những năm 1939 - 1940, thôn Bản Nà có ông Ma Văn Tòng tốt nghiệp đến bậc Tú Tài toàn phần đứng ra xin mở lớp dạy chữ Quốc ngữ<sup>(1)</sup>. Đề nghị này được các chức dịch địa

---

(1) Bậc Trung học (Enseignement Secondaire): Còn được gọi là bậc Tú Tài Pháp - Việt, gồm 3 năm. Học xong 2 năm đầu được thi lấy bằng Tú Tài phần thứ nhất (Baccalauréat, 1ère partie). Đậu bằng này được học tiếp năm thứ ba không phải thi tuyển. Từ niên học 1937 - 1938, trên toàn cõi Việt Nam đều áp dụng chương trình Pháp - Việt đủ 3 ban: Toán, Khoa học, Triết. Học xong năm này thi lấy bằng Tú Tài toàn phần (Certificat de Fin d'Études Secondaire Franco-Indigènes). Thông tin do đồng chí Hà Văn Tung cung cấp.

phương ủng hộ, sau được quan Đốc học tỉnh Bắc Kạn chuẩn y. Trường dạy học cho con em địa phương từ lớp 1 đến lớp 3 theo hệ thống giáo dục Pháp - Việt. Từ năm 1940 đến năm 1945, khi phong trào Việt Minh mở rộng hoạt động ở Như Cố thì trường tạm nghỉ. Ông Ma Văn Tòng cũng là cán bộ hoạt động tích cực trong tổ chức Việt Minh tại Như Cố.

Có thể thấy, Như Cố là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa có sự đa dạng trong thống nhất của các dân tộc anh em. Nhân dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, luôn cần cù, chịu khó vượt qua khó khăn, đấu tranh chinh phục tự nhiên. Với truyền thống yêu nước và ý chí quật cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân Như Cố đã vượt qua nhiều thử thách và quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được những thành tích mới.

The first part of the ...  
The second part of the ...  
The third part of the ...  
The fourth part of the ...  
The fifth part of the ...  
The sixth part of the ...  
The seventh part of the ...  
The eighth part of the ...  
The ninth part of the ...  
The tenth part of the ...

The eleventh part of the ...  
The twelfth part of the ...  
The thirteenth part of the ...  
The fourteenth part of the ...  
The fifteenth part of the ...  
The sixteenth part of the ...  
The seventeenth part of the ...  
The eighteenth part of the ...  
The nineteenth part of the ...  
The twentieth part of the ...

## Chương II

# DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN NHƯ CỐ ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

### I. Nhân dân Như Cố dưới ách thống trị của thực dân Pháp và cuộc vận động giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Năm 1858, lợi dụng lúc xã hội phong kiến Việt Nam đang rơi vào khủng hoảng, thực dân Pháp chính thức nổ súng xâm lược, đặt ách thống trị thực dân hơn 80 năm ở nước ta. Từ ngày 17/3 đến ngày 10/5/1884, quân Pháp 3 lần tấn công đánh chiếm Thái Nguyên (lúc này Như Cố đang nằm trong địa phận tổng Nông Hạ, châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, xứ Thái Nguyên). Dù thành Thái Nguyên bị hạ, song thực dân Pháp vẫn không dám chiếm đóng trong thành. Gần 2 tháng sau, tức là ngày 16/5/1884, Trung tá Đon-niê, được lệnh chỉ huy chiếm đóng Thái Nguyên. Sau khi chiếm đóng được thành Thái Nguyên, lấy đó làm căn cứ xuất phát, quân Pháp bắt đầu chiếm đóng các vùng trọng yếu xung quanh. Trong thời gian đó, giặc Pháp xâm

lược đã vấp phải sức kháng cự quyết liệt của nhân dân các dân tộc do các thủ lĩnh địa phương lãnh đạo mà tiêu biểu là nhân dân Chợ Mới, trong đó có nhân dân các dân tộc Như Cố. Cuộc chiến đấu đã cầm chân quân Pháp, không cho chúng dễ dàng mở rộng vùng chiếm đóng ra các địa phương khác trong tỉnh. Do vậy, suốt 3 năm (1886 - 1889), quân Pháp ở Thái Nguyên không thể đánh rộng ra các vùng khác xung quanh.

Không cam chịu sống đời nô lệ, dù nhà Nguyễn đã đầu hàng quân xâm lược, nhân dân Thái Nguyên, Bắc Kạn nói chung, nhân dân Như Cố nói riêng đã anh dũng đứng lên đấu tranh chống xâm lược tập hợp dưới ngọn cờ của Phùng Bá Chỉ (tức Ba Kỳ), Mã Sinh Long (tức Mã Lang)<sup>(1)</sup>.

Ngày 12/01/1889, sau khi đã bình định xong các địa bàn xung quanh Thái Nguyên, quân Pháp tập trung một lượng lớn sỹ quan, lính đánh thuê Âu, Bắc Phi và lính bản xứ cùng nhiều phương tiện, vũ khí chiến thuật... dưới quyền tướng Boóc-hi-đề-boóc (Borgni Débor), có sự giúp sức của Tiểu đoàn trưởng Cút-tơ-de-la Ri-vi-e (chỉ huy đồn Thái Nguyên) mở rộng vùng chiếm đóng lên các huyện phía Bắc. Mục tiêu của chúng là đánh chiếm Chợ Mới, vùng có địa bàn quan trọng, gắn chặt với nơi sinh sống của

---

<sup>(1)</sup> *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Tập I, tr.24.*

đồng bào dân tộc thiểu số, lại có vị trí là nơi cửa ngõ tiến lên phía Bắc.

Chiều ngày 16/01, cánh quân này tiến sát đến Bằng Ninh, tiền đồn đầu tiên của thủ lĩnh Ba Kỳ, cách Chợ Mới 6km. Từ đây, địa thế hiểm trở, quân lính muốn tiến lên Chợ Mới phải men theo một dãy núi đá chạy dài phía bên phải, bên trái là sông Cầu. Ngày 17/01/1889, quân Pháp tiếp cận chiến lũy Bằng Ninh. Nghĩa quân phục kích và chiến đấu quyết liệt, đã gây ra nhiều thiệt hại cho quân giặc. Sau 3 lần tấn công, quân Pháp mới chiếm đóng được thị trấn Chợ Mới. Chiếm được căn cứ này, thực dân Pháp cho xây dựng đồn trại kiên cố án ngữ, khống chế và bắt đầu mở rộng phạm vi ảnh hưởng sang các vùng lân cận. Sau khi rút khỏi chiến lũy Chợ Mới, Ba Kỳ rút quân về gần Khuổi Nhầu (Thanh Bình) ngay sát cạnh đất Như Cố, dựa vào nhân dân địa phương tiếp tục chiến đấu. Phong trào của Ba Kỳ tiếp tục gây ra những cuộc tấn công nhỏ vào đồn bốt của quân Pháp, gây ra nhiều thiệt hại đáng kể. Thời điểm đó, nhân dân Như Cố với lòng yêu nước và tinh thần quật cường đã cùng với nhân dân các xã khác trong huyện tích cực ủng hộ và tham gia vào phong trào. Cuộc khởi nghĩa của Ba Kỳ đã tác động rất lớn đến tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự cường không khuất phục trước kẻ thù của nhân dân các dân tộc Chợ Mới nói chung và nhân dân các dân tộc Như Cố nói riêng. Từ đây, tinh thần yêu

nước của nhân dân Như Cố lại sục sôi, chỉ chờ thời cơ để đứng dậy đánh đuổi kẻ thù. Dù còn có những hạn chế, song cuộc khởi nghĩa này đã có tác động tích cực trong việc hun đúc và giữ gìn truyền thống yêu nước và chống giặc ngoại xâm của nhân dân Như Cố.

Năm 1891, một đơn vị từ Lạng Sơn đến đóng quân ở Yên Lạc (Na Rì). Một năm sau, đơn vị tuần tiểu tiến quân từ Yên Lạc phối hợp với các đơn vị khác xuất phát từ Ngân Sơn, tiến xuống châu Bạch Thông (khi đó xã Như Cố nằm trong châu Bạch Thông) vào ngày 23/01/1892. Năm 1895, đạo quân Pháp do Ga-li-ê-ni (Galiliéni) chỉ huy tiến lên miền thượng lưu sông Cầu, chiếm toàn bộ vùng đất đai và đột nhập vào Khe Thuởng, căn cứ của Ba Kỳ. Từ đó, việc đánh chiếm của thực dân Pháp vào vùng đất Thái Nguyên, Bắc Kạn nói chung và Như Cố nói riêng đã hoàn thành.

Hoàn tất việc chiếm đóng Bắc Kạn, thực dân Pháp chia tỉnh làm 5 châu. Xã Như Cố khi đó nằm trong tổng Nông Hạ, châu Bạch Thông. Sau khi hoàn thành việc chia lại đất đai cho dễ bề quản lý, chúng tiến hành đặt bộ máy cai trị từ trên xuống dưới. Thực dân Pháp giữ nguyên bộ máy cai quản có từ thời phong kiến và biến hệ thống này thành tay sai đắc lực của chúng. Đứng đầu châu Bạch Thông là một viên tri châu, ở các tổng có các chánh tổng và phó chánh tổng. Ở các xã theo lệ cũ, chúng đặt các viên lý trưởng và phó lý để quản lý dân chúng, giúp việc còn có chưởng bạ,

trương tuần... Từ năm 1940, chúng đặt thêm chức tăng thiết để giúp phó chánh tổng trong việc thu thuế. Chính quyền thực dân đặt thêm Hội đồng kỳ mục, có 3 đến 5 người, gồm lý trưởng và các thủ bạ. Đến năm 1941, có thêm chức tổng lộ phụ trách việc làm đường, sửa đường và trông coi dân phu.

Do ở gần trung tâm đồn quân Pháp đóng tại Chợ Mới nên việc quản lý ở Như Cố tương đối hà khắc. Đời sống nhân dân khó khăn, không những bị bọn thực dân đàn áp mà còn bị chèn ép bởi tay sai phong kiến. Thông qua đội ngũ tay sai, chính quyền thực dân thi hành chính sách áp bức, bóc lột hà khắc, ngăn cấm tự do hội họp, nghiêm cấm thành lập đảng phái. Những quy định đó làm cho đời sống nhân dân Như Cố thêm ngột ngạt, nhân dân không được hưởng quyền lợi về chính trị.

Nhằm thực hiện âm mưu chia rẽ đoàn kết giữa các dân tộc, thực dân Pháp còn đặt bộ máy cai trị riêng theo thành phần dân tộc. Đối với dân tộc Dao, chúng đặt chế độ quản chiểu, động trưởng. Quản chiểu là chức quan cai trị người Dao trong toàn châu, ở các xã có động trưởng. Nham hiểm hơn, chúng còn định ra một số quy định cụ thể có tính chất phân biệt đối xử, nhằm gây ra thù hằn giữa các dân tộc tại địa phương. Lý trưởng người Tày bắt người Dao phải đến phục dịch trong các ngày giỗ, Tết, ma chay, cưới xin. Người Dao muốn làm nương thì phải nộp tiền cho bọn lý trưởng,

nếu không, bọn chúng dọa sẽ báo lên trên. Ngay trong đội ngũ quan lại cũng có sự phân biệt rõ rệt. Chẳng hạn, quản chiếu cai quản người Dao trong toàn châu Bạch Thông khi đó không có lương. Nhưng tri châu không những được hưởng lương mà còn có lính bảo vệ và phục dịch.

Ngoài những hình thức bóc lột kinh tế theo lối tư bản, thực dân Pháp còn đặt ra vô số thứ thuế, đặc biệt là thuế đinh và thuế điền. Thuế đinh là thuế đánh vào tất cả những người đàn ông từ 18 - 60 tuổi và chia thành hai loại. Loại nội tịch (những người có tài sản), mỗi đầu người phải nộp 3 đồng. Loại ngoại tịch (những người không có tài sản hoặc ở nơi khác đến cư trú), mỗi đầu người phải nộp 1 đồng rưỡi trong 1 năm. Thuế điền là loại thuế đánh vào ruộng đất và chia làm 3 hạng: nhất đẳng điền (7 đồng/mẫu), nhị đẳng điền (5 đồng/mẫu), tam đẳng điền (4 đồng/mẫu). Cách phân chia này đã gây nên nhiều hành vi tham nhũng trong công việc bố thuế. Bọn quan lại, chức sắc tìm mọi cách để tăng thuế, bòn rút của nhân dân. Thông thường chúng dùng thủ đoạn “gia đẳng”: Đối nhị đẳng điền thành nhất đẳng điền, tam đẳng điền thành nhị đẳng điền, hoặc đóng thuế khổng thụ, nghĩa là ruộng ít mà phải chịu thuế nhiều<sup>(1)</sup>. Những tên cường hào cũng ra sức bóc lột nhân

---

<sup>(1)</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông, *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, 1996, tr.27.

dân, nhất là vào những dịp thu thuế với nhiều hình thức phụ thu, lạm bổ. Nông dân Như Cố còn phải nộp các khoản tô phụ dưới hình thức lễ lạt, biếu xén...

Ngoài 2 loại thuế trên, người dân Như Cố còn phải chịu nhiều loại thuế khác. Thuế môn bài đánh vào những người buôn bán, thậm chí người dân ở nhà của mình cũng phải chịu thuế nền nhà... Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai, thực dân Pháp tăng thuế môn bài lên 4 lần, thuế thân tăng lên 3 lần, thuế điền tăng lên 50%. Đời sống bà con đồng bào dân tộc vốn điều kiện sinh hoạt đã khó khăn, ruộng đất ít ỏi, canh tác gặp nhiều bất lợi song vẫn phải nộp đầy đủ tất cả các loại thuế. Mỗi lần đến kỳ nộp thuế là mỗi lần người dân Như Cố khốn đốn. Gặp những năm hạn hán, mất mùa thì tai họa ập xuống đầu người dân nghèo khổ. Vì không có tiền nộp thuế, nhiều người bị tù đày, đánh đập tàn nhẫn, nhiều người phải bán cả ruộng nương, đi ở không công trả nợ.

Ngoài các khoản thuế là phu phen tạp dịch, theo quy định của chính quyền thực dân, hằng năm, mỗi nam công dân ở Như Cố phải đi phu 2 lần, mỗi lần từ 10 - 20 ngày và phải tự túc lương thực. Dân phu phải làm công việc rất nặng nhọc, lại còn bị đánh đập dã man.

Do những chính sách hà khắc, bóc lột thậm tệ, người dân Như Cố lâm vào cảnh đói rách. Tuyệt đại đa số các gia

đình đều thiếu ăn từ 6 - 8 tháng/năm. Nhân dân phải lên rừng đào củ, hái măng để kiếm sống.

Kinh tế Như Cố trong những năm trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 về cơ bản là nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu phụ thuộc nhiều vào chính sách của bộ máy cai trị thực dân. Ruộng đất ít ỏi, đời sống vốn đã khó khăn nay lại càng rơi vào vòng khốn đốn.

Để dễ bề cai trị, thực dân Pháp thi hành chính sách kìm hãm nhân dân ta trong vòng dốt nát, lạc hậu. Toàn Như Cố, thậm chí toàn tổng Nông Hạ xưa đều không có trường học, Mãi đến khoảng những năm 1939 - 1940 mới có một lớp dạy chữ Quốc ngữ do ông Ma Văn Tòng mở ra, để dạy học cho con em địa phương. Còn lại, chính quyền thực dân không hề quan tâm tới việc giáo dục và dạy học cho nhân dân Như Cố. Thực dân Pháp rêu rao "*Khai hóa văn minh*" nhưng chúng lại thi hành chính sách ngu dân, vì thế, đại bộ phận dân số Như Cố không biết chữ, trình độ dân trí rất thấp.

Bên cạnh đó, các phong tục tập quán lạc hậu, tệ nạn xã hội được chính quyền thực dân, phong kiến duy trì và khuyến khích. Các tục lệ xấu trong ma chay, cưới hỏi, bói toán, mê tín dị đoan được dung dưỡng, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân. Hội hè kéo dài làm ảnh hưởng xấu tới sản xuất và sinh hoạt. Tục lệ ma to, cưới lớn là tình trạng

phổ biến. Thực dân Pháp đặc biệt khuyến khích các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện... nhằm lôi kéo, ru ngủ tinh thần dân tộc trong nhân dân, nhất là tầng lớp thanh niên, khiến họ mê muội, quên mất nỗi nhục mất nước.

Dưới ách cai trị của thực dân, việc chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân cũng không được chú trọng. Toàn xã không có thầy thuốc, nhân dân ốm đau không có thuốc thang cứu chữa. Trẻ em sinh ra không được chăm sóc chu đáo, tình trạng "*hữu sinh vô dưỡng*" là phổ biến. Người ốm chỉ uống nước lá rừng và trông cậy vào các thầy cúng, thầy tào cúng ma. Trong điều kiện như vậy, nhân dân chỉ biết trông chờ vào số phận. Hơn nữa, vốn sinh sống ở vùng rừng thiêng, nước độc, dịch bệnh dễ phát sinh, lại ăn ở thiếu vệ sinh, hằng năm dịch bệnh cướp đi sinh mạng của nhiều người, nhất là trẻ em và người già.

Như vậy, dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Như Cố nói riêng chịu cảnh khổ cực, lầm than, sống trong đời tăm tối, nô lệ. Lòng căm thù đối với quân giặc cướp nước, bẻ gãy tay sai bán nước được nung nấu. Nhân dân Như Cố sẵn sàng cùng nhân dân cả nước đứng lên đánh đuổi quân xâm lược, đánh đổ bọn tay sai, giành lại độc lập cho quê hương.

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào

Việt Nam. Những tư tưởng tiến bộ dần mở lối dẫn dắt con thuyền cách mạng nước ta. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, mở ra một bước ngoặt vĩ đại cho phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Sự ra đời của Đảng đã thức tỉnh nhân dân ta, soi đường cho dân tộc đứng lên tự giải phóng và giành lại độc lập, tự do. Sau Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao, Trung Quốc (tháng 3/1935), nhiều cán bộ, đảng viên của Đảng đã được cử về nước xây dựng cơ sở, đào tạo cán bộ, chỉ đạo phong trào cách mạng ở vùng núi rừng Việt Bắc. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 tại Pác Bó (Cao Bằng), phong trào cách mạng bắt đầu phát triển lan xuống Bắc Kạn. Đến cuối năm 1943, phong trào cách mạng lan rộng ra hầu khắp các huyện trong tỉnh. Tuy vậy, do nằm gần các trục giao thông quan trọng, lại sát thị trấn, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện, tỉnh vùng đất Chợ Mới luôn là nơi tập trung cao độ bộ máy bạo lực của chính quyền thực dân nên các cơ sở cách mạng chưa lan rộng tới đây.

Ngày 23/01/1944, Tỉnh đội Việt Minh Bắc Kạn được thành lập<sup>(1)</sup>. Sự kiện này có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng tại Bắc Kạn nói chung và Như Cố nói riêng.

---

<sup>(1)</sup> Tỉnh đội Việt Minh Bắc Kạn gồm các đồng chí: Đồng Văn Bằng, Doanh Hằng, Nông Công Tú.

Khoảng tháng 8/1944, đồng chí Hoàng Văn Miên - một cán bộ Việt Minh, từ Định Hóa sang bắt liên lạc và gây dựng cơ sở cách mạng tại Nhì Ca (Như Cố), kết nạp một số quần chúng vào hội Việt Minh<sup>(1)</sup>. Có thể khẳng định, Như Cố là một trong những địa phương đầu tiên ở huyện Bạch Thông xưa, nay là Chợ Mới xây dựng được cơ sở cách mạng của Đảng. Sự kiện này có ý nghĩa quan trọng, từ đây, nhân dân Như Cố đã được tập hợp dưới ngọn cờ Việt Minh, được giáo dục ý thức cách mạng, truyền bá các tư tưởng tiến bộ, sẵn sàng đứng lên đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

Sau khi con đường liên lạc từ trung tâm cách mạng Việt Bắc được nối thông, phong trào cách mạng đã lan truyền mạnh mẽ đến các địa phương lân cận, trong đó có địa bàn Như Cố. Trong thời kỳ này, tại Như Cố còn nhận sự tác động từ những cuộc đấu tranh cách mạng sôi nổi tại Võ Nhai, Thái Nguyên. Những luồng tư tưởng tiến bộ thông qua các cán bộ cốt cán được tuyên truyền và phổ biến, có tác động tích cực đến nhân dân, nhất là tầng lớp dân nghèo. Mặt trận Việt Minh vận động nhân dân không nộp thóc gạo cho Nhật, Pháp, đấu tranh giảm tô thuế...

Tháng 10/1944, 2 đồng chí Nông Văn Quang và Long Giang, sau là thành viên trong Đội Việt Nam Tuyên truyền

<sup>(1)</sup>Huyện ủy Bạch Thông, *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, Nhà máy in Quân đội, 1996.

Giải phóng quân tiếp tục đến Nhì Ca củng cố phong trào cách mạng<sup>(1)</sup>. Tại Nà Roòng, Nhì Ca, đồng chí Quang đã tuyên truyền, giác ngộ được đồng chí Hoàng Văn Vương và giao nhiệm vụ cho đồng chí Vương vận động phát triển quần chúng, gây dựng cơ sở Việt Minh tại đây. Tại Như Cố, nhiều quần chúng đã được giác ngộ và trở thành hội viên Việt Minh như: Lương Đình Hồng, Lương Văn Học, Dương Thị Cúc, Trần Thị Hân, Dương Văn Thi, Lương Đình Thu, Lương Đình Ngân, Lương Đình Hựu, Dương Văn An, Lương Đình Phúc, Dương Văn Xuân, Nguyễn Văn Hoa, Hà Văn Chí, Hà Văn Cát. Từ Như Cố, cơ sở cách mạng phát triển nhanh ra các xã Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, thị trấn Chợ Mới, Yên Đĩnh, Cao Kỳ... Nhân dân Như Cố cùng với nhân dân trong vùng phấn khởi ủng hộ gạo, muối nuôi giấu cán bộ. Nhân dân còn vận động thu nhật quyên góp thuốc súng, diêm tiêu cho tự vệ chế tạo đạn dược. Phong trào quần chúng diễn ra tại Như Cố khá sôi nổi.

Căn cứ vào khu vực hoạt động, nhằm đảm bảo yếu tố bí mật để tiến hành các hoạt động cách mạng, đồng chí Nông Văn Quang quyết định lấy Thấm Trà, bản Nà Roòng, thôn Nhì Ca là nơi hội họp, bàn bạc và tổ chức thi hành các chủ trương, đường lối của Đảng và Mặt trận Việt Minh.

---

<sup>(1)</sup> *Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2012)*, Nxb. Đại học Thái Nguyên, 2013, tr.28.

Tháng 12/1944, dưới sự chủ trì của đồng chí Nông Văn Quang, Chi hội Mặt trận Việt Minh xã Như Cố được thành lập do ông Hoàng Văn Vương làm Chi hội trưởng, ông Lương Đình Hồng làm Chi hội phó. Ngay sau khi thành lập, Mặt trận Việt Minh xã Như Cố vận động nhân dân ủng hộ gạo, muối để nuôi giấu cán bộ, xây dựng lực lượng tự vệ du kích kháng Nhật. Sau một thời gian ngắn, nhận thấy phong trào tại Như Cố ngày càng lên cao, các cán bộ của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, cứu quốc quân đã đến giúp đỡ để thành lập đội du kích tự vệ kháng Nhật gọi tắt là đội du kích kháng Nhật xã Như Cố. Đội này do đồng chí Lương Văn Học làm Đội trưởng, đồng chí Dương Văn Lý (cai Lý) làm Đội phó, đồng chí Hà Văn Cát làm Tham mưu.

Ngay sau khi thành lập, đội du kích được nhân dân Như Cố ủng hộ 10 khẩu súng kíp cùng nhiều thuốc súng, 1 khẩu súng 2 nòng, 2 khẩu súng Zeep 1 (súng khai hậu) do Xã Hào nộp và 1 nôi 10 do ông Hà Văn Lo ủng hộ. Các hộ dân có con em thanh niên khỏe mạnh đều tự nguyện tham gia vào đội du kích kháng Nhật.

Về tổ chức, theo sự chỉ đạo của cấp trên, đội du kích chia làm 2 lực lượng: một là tổ chức bảo vệ và hướng dẫn nhân dân làm lán trại, chuẩn bị sẵn sàng sơ tán vào rừng, cất giấu lương thực, thực phẩm khi địch càn quét vào xã; hai là lực lượng xung kích cơ động, có nhiệm vụ bám sát

nơi xung yếu, những nơi quân Nhật hay hành quân qua, tổ chức canh gác tuần tra 24/24 giờ.

Ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Tại Bắc Kạn, bộ máy quân sự của Pháp nhanh chóng tan rã. Ngày 17/3/1945, quân Nhật vào chiếm thị xã Bắc Kạn. Thời gian này, phong trào cách mạng có những chuyển biến nhanh chóng, bắt kịp với nhịp độ phát triển phong trào chung của tỉnh. Được sự cổ vũ của phong trào cách mạng toàn quốc, theo Chỉ thị: *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*, sự hỗ trợ của đơn vị cứu quốc quân, nhân dân các dân tộc Như Cố cùng với các xã khác trong huyện hăng hái tham gia vào các đoàn thể của tổ chức Việt Minh. Các phong trào thanh niên, phụ nữ, nông dân cũng phát triển nhanh chóng.

Bên cạnh việc tổ chức kết nạp thêm thành viên, đội du kích được tập trung học tập chiến thuật đánh du kích bằng phương pháp bắn tỉa, phục kích, đánh chặn. Bằng sự nhanh nhạy và mưu trí, dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Lương Văn Học, tháng 3/1945, du kích Như Cố đã tổ chức cắt đường dây điện thoại đường Quốc lộ 3. Đúng như dự đoán, khi quân Nhật đến nối dây thì du kích Như Cố từ 2 bên tổ chức phục kích, bắn tỉa diệt địch, trận này du kích xã đã diệt được 2 tên địch.

Ngay sau đó, quân Nhật và bảo an tiến hành càn quét từ xã Quảng Cố qua Như Cố ra Chợ Mới. Nắm được tình hình, quân và dân Như Cố trong đó nòng cốt là lực lượng du kích dưới sự chỉ huy của đồng chí Lương Văn Học đã tổ chức đánh chặn, đón lõng phục kích địch tại khe Cốc cướp. Địch dồn dân đi trước để đề phòng bất trắc, làm bia đỡ đạn cho chúng. Cuộc chiến không cân sức, quân du kích ta vũ khí thô sơ, lại không được trang bị chiến thuật nên thất bại. Trong trận càn này, đồng chí Lương Văn Học đã anh dũng hy sinh.

Ngày 17/3/1945, nhân dân Như Cố đón đơn vị cứu quốc quân do Đội Thượng (tức Hoàng Thượng) chỉ huy đến bàn bạc kế hoạch phối hợp đánh đồn Chợ Mới. Theo sự chỉ huy của đồng chí Thượng, kế hoạch đánh địch đã được vạch ra, đội du kích xã Như Cố chia làm 2 tổ: tổ 1 có nhiệm vụ chặt cây từ trên đồi Chá Lác (Khuổi Húng, Yên Đĩnh) để tạo chướng ngại vật, nhằm cản đường ứng cứu đồn Chợ Mới của địch từ thị xã Bắc Kạn về. Tổ này do đồng chí Dương Văn Ma (tức Ma Siêu) chỉ huy. Tổ 2 dưới sự chỉ huy của đồng chí Hà Văn Cát cùng Đội cứu quốc quân do đồng chí Hoàng Thượng chỉ đạo trực tiếp tấn công vào đồn Chợ Mới. Cũng trong thời gian này, một đơn vị cứu quốc quân do đồng chí Phạm Duy Tiến chỉ huy đến xây dựng lực lượng tại xã Cao Kỳ (cách Như Cố khoảng 8km về phía Bắc).

Tranh thủ điều kiện thuận lợi, trong lúc quân Pháp bỏ chạy, quân Nhật chưa đến, bọn tay sai đang hoang mang, 2 giờ sáng ngày 18/3/1945, theo kế hoạch đã định, đội du kích địa phương phối hợp với các đơn vị cứu quốc quân do đồng chí Hoàng Thượng và Phạm Duy Tiến chỉ huy đã tập kích đồn Chợ Mới. Với lực lượng mạnh kết hợp yếu tố bất ngờ, bọn lính tay sai trong đồn Chợ Mới hoảng sợ, tên bang tá Tuyển chỉ huy đồn trước đây rất hung hăng, nhưng bị quân ta tấn công, không dám chống cự, toàn bộ quân địch hạ vũ khí đầu hàng. Đồn Chợ Mới bị diệt, ta thu 10 súng Zeep và 600 viên đạn.

Đúng như kế hoạch đã định từ trước, ngay sau khi đội du kích xã và cứu quốc quân nổ súng đánh đồn Chợ Mới thì quân địch từ thị xã Bắc Kạn đã tiến xuống chi viện. Gần sáng 18/3/1945, khi đến đoạn đồi Chá Lác, gặp chướng ngại vật do tổ đội 1 đặt từ trước, toán xe địch buộc phải dừng lại. Ngay lúc đó, dưới sự chỉ huy của đồng chí Dương Văn Ma, tổ đội du kích đồng loạt nổ súng vào đội hình địch. Quân địch hoảng loạn, bắn loạn xạ. Nghe tiếng súng nổ, tổ đội du kích và cứu quốc quân rút ra khỏi Chợ Mới an toàn.

Sau chiến thắng này, chính quyền thực dân ở các xã phía Nam Bạch Thông, trong đó có Như Cố sụp đổ hoàn toàn. Lý trưởng, phó lý đều nằm im không dám phản kháng.

Khoảng tháng 5/1945, ở Như Cố, các đồng chí đội Vy, đội Thương, đội Thịnh, đội Ngân đến tổ chức các đội vũ trang đánh Nhật diệt cường hào gian ác được nhân dân đồng tình và ủng hộ.

Tháng 6/1945, quân đội Nhật từ Chợ Mới, qua Yên Đĩnh tổ chức càn quét vào xã Như Cố. Quân đội Nhật và lính bảo an bắt nhiều dân chúng, uy hiếp buộc đồng chí Hoàng Văn Vương - cán bộ Việt Minh ra trình diện. Đồng chí Vương bị bắt đưa lên tỉnh lỵ Bắc Kạn giam giữ, bị đánh đập, tra tấn nhưng không khai nhận. Vài tháng sau, do không có căn cứ gì để giam giữ, buộc quân địch phải thả đồng chí Vương về.

Trước diễn biến nhanh chóng của tình hình, để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, một cuộc họp quan trọng của tỉnh được triệu tập vào cuối tháng 4/1945 tại Ngân Sơn. Hội nghị đã đề ra một số chủ trương lớn cho các địa phương trong tỉnh như sau: Tích cực bao vây địch, không cho chúng lập hệ thống ngụy quyền; tiểu trừ bọn Việt gian để bảo vệ cơ sở và phong trào cách mạng; tranh thủ lôi kéo tầng lớp trên và gây cơ sở liên lạc trong thị xã, chuẩn bị mọi mặt tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Thực hiện chủ trương trên, cán bộ cách mạng ở Như Cố đẩy mạnh các hoạt động, phối hợp tuyên truyền, tổ chức quần chúng, mở rộng ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh với việc vạch trần

thủ đoạn lừa bịp của Nhật. Đồng thời vận động nhân dân không nộp thuế cho Nhật, không bán hàng cho Nhật.

Khoảng tháng 6/1945, tại bến nước Thoi Pài Cá (Nhì Ca, Như Cố), đã diễn ra cuộc mít tinh biểu dương lực lượng của nhân dân Như Cố. Dưới sự chủ trì của đồng chí Long Giang, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Như Cố được thành lập<sup>(1)</sup>. Đồng chí Lương Đình Phùng được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Ủy ban, đồng chí Lương Đình Tiện được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban, đồng chí Dương Thị Lạ làm Ủy viên. Cuộc họp cũng tổ chức bầu Ban Việt Minh xã Như Cố do đồng chí Hà Văn Cát làm Chủ nhiệm, đồng chí Hoàng Văn Vương làm Phó Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Văn Hoa làm Ủy viên. Sau cuộc mít tinh, một số đồng chí xung phong gia nhập quân giải phóng được chấp thuận như: Lương Đình Hựu, Dương Văn An, Hà Văn Thanh, Hà Văn Hạc, Dương Văn Tần, Hoàng Văn Nghi (Hoàng Tân), Dương Văn Lý.

Tháng 7/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Như Cố được đón tiếp một tổ Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Bé Xuân Cương dẫn đầu về làm nhiệm vụ trấn áp và tiêu trừ bọn lý trưởng, kỳ hào gian ác và tay sai chỉ điểm. Tại Như Cố, Ủy ban nhân dân

---

<sup>(1)</sup>Theo tư liệu do đồng chí Hà Văn Tung (Bản Cây) cung cấp và đã được thống nhất tại Tọa đàm Lịch sử Đảng bộ xã Như Cố ngày 26/4/2017.

cách mạng lâm thời, Mặt trận Việt Minh xã và đông đảo nhân dân đã tổ chức mít tinh thị uy sức mạnh. Đồng chí Bé Xuân Cương tuyên bố xóa bỏ hoàn toàn chính quyền tay sai, tịch thu sổ sách, ấn chiện. Các tên Lưu Văn Quán - Lý trưởng, Lưu Văn Tần - tay sai chỉ điểm trước đây có nợ máu với nhân dân và cách mạng đều bị đưa ra xử tử hình, tịch thu tài sản chia cho dân nghèo.

Các tổ chức đoàn thể của xã Như Cố cũng được kiện toàn và dần đi vào hoạt động. Hội Phụ nữ cứu quốc do bà Dương Thị Cúc làm Bí thư, Ma Thị Nhạ làm Phó Bí thư. Đoàn Thanh niên cứu quốc do Dương Văn Ân làm Bí thư, Dương Văn Tiếp làm Phó Bí thư. Hội Phụ lão cứu quốc do ông Hà Sỹ Tương làm Hội trưởng, ông Hoàng Văn Bảo làm Hội phó, ông Hà Văn Lo làm Ủy viên. Các đoàn thể cứu quốc tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tăng gia sản xuất, xây dựng quê hương và thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp trên giao.

Như vậy, xã Như Cố là địa phương đầu tiên ở phía Nam huyện Bạch Thông (nay là Chợ Mới) hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xóa bỏ chính quyền thực dân, phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng dân chủ nhân dân.

Ngày 14/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, quân Nhật ở Việt Nam hoang mang cực độ, chính quyền tay sai gần như tê liệt. Trước đó, ngày

13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào ra quyết định lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền. Ngày 16/8/1945, Quốc dân Đại hội họp đồng ý chủ trương Tổng khởi nghĩa, đồng thời thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng. Ngày 02/9/1945 - ngày trọng đại đối với lịch sử Việt Nam - tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản "*Tuyên ngôn độc lập*" khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, nhân dân Như Cố đã giành được chính quyền, làm chủ vận mệnh của mình. Khắp nơi, nhân dân hăng hái đóng góp lương thực, thực phẩm, tích cực giúp đỡ phong trào cách mạng phát triển. Với truyền thống yêu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân Như Cố đã được thử thách và tích lũy kinh nghiệm, sẵn sàng cùng nhân dân cả nước bước vào công cuộc kháng chiến cứu nước.

## **II. Nhân dân Như Cố xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng và chuẩn bị kháng chiến (8/1945 - 12/1946)**

Thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra một chương mới trong lịch sử nước ta, đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ trở thành những người làm chủ vận mệnh của chính mình, làm chủ đất nước. Cách mạng thành công mở ra một thời đại mới của độc lập, tự do. Nhân dân Như Cố sau bao năm sống dưới ách nô lệ, áp bức, bóc lột của

thực dân, phong kiến nay được sống cuộc đời tự do. Cùng hòa trong tinh thần phấn khởi đó, nhân dân xã sục sôi khí thế xây dựng quê hương, chính quyền mới.

Tuy nhiên, sau khi giành được chính quyền, nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân các dân tộc Như Cố nói riêng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh.

Hậu quả chính sách cai trị của thực dân, phong kiến tay sai gần một thế kỷ đã làm cho nền kinh tế nước ta trong tình trạng hết sức lạc hậu và thấp kém. Thêm vào đó, chính sách bắt dân ta phải nhổ lúa trồng đay, trồng thầu dầu, phục vụ cho nhu cầu của chiến tranh thế giới thứ hai của Nhật đã gây ra nạn đói cuối năm 1944, đầu năm 1945 làm hơn 2 triệu đồng bào ta chết đói. Tại Như Cố, tuy không ghi nhận việc quân Nhật bắt dân phải nhổ lúa trồng đay hay cướp thóc gạo song vì ruộng đất lúc này nằm trong tay của một bộ phận dân cư, hầu hết nông dân khi đó không có ruộng, phải làm thuê, đời sống đói kém. Từ chính sách ngu dân của chính quyền thực dân, phong kiến, hơn 95% người dân ở Như Cố khi đó không biết chữ. Nạn đói cũng trở thành quốc nạn, một thứ giặc cản trở quá trình xây dựng chính quyền nhân dân. Người dân ngu dốt lại bị trói buộc bởi hủ tục và tư tưởng phong kiến cũ kỹ duy trì cả trăm năm qua. Nhân dân Như Cố không

nằm ngoài tình hình chung, cuộc sống hết sức khó khăn, đời sống nhân dân các dân tộc đói kém, lại ở vùng có điều kiện tự nhiên không mấy thuận lợi nên cái khổ vẫn đè nặng lên vai của người dân.

Ngoài giặc đói và giặc đốt, nhân dân ta cũng phải lo đối phó với giặc ngoại xâm đang lăm le thủ tiêu thành quả của Cách mạng tháng Tám. Theo thỏa thuận của các nước lớn trong phe Đồng minh tại Hội nghị Pôxtam, đầu tháng 9/1945, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào miền Bắc nước ta làm nhiệm vụ tiếp nhận đầu hàng và giải giáp quân đội Nhật, nhưng thực chất chúng nhằm mục đích tìm cách tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, phá tan Mặt trận Việt Minh, lật đổ Chính phủ cách mạng lâm thời do Hồ Chủ tịch lãnh đạo và dựng lên chính phủ tay sai. Theo sau quân Tưởng là 2 tổ chức phản động Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội (Việt Cách) do các tên Nguyễn Trường Tam, Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Hải Thần cầm đầu. Trước tình hình trên, ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời xác định nhiệm vụ trọng tâm lúc này là diệt giặc đói, giặc đốt và chuẩn bị lực lượng chống giặc ngoại xâm.

Ở miền Nam, ngày 06/9/1945, quân đội Anh đến Sài Gòn, bám gót quân Anh là những đơn vị bộ binh và xe bọc thép thuộc quân đoàn viễn chinh Pháp. Ngày 23/9/1945,

được quân Anh yểm trợ, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, rồi sau đó đánh rộng ra các tỉnh ở Nam Bộ.

Chính quyền non trẻ của nhân dân ta vừa mới giành được đang đứng trước những thử thách to lớn, trong thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Đứng trước tình thế khó khăn như vậy, nhưng công cuộc đấu tranh nhằm xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng ở Như Cố cũng có những thuận lợi cơ bản. Đó là lòng tin tưởng tuyệt đối của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch. Toàn thể đồng bào các dân tộc Như Cố đoàn kết một lòng, kiên quyết đứng lên bảo vệ thành quả cách mạng.

Ngày 25/11/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “*Kháng chiến kiến quốc*”, vạch ra đường lối cơ bản cho toàn thể nhân dân trong tình hình mới. Chỉ thị khẳng định cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Bản Chỉ thị cũng nhấn mạnh: “*Việc giành chính quyền càng dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu*”<sup>(1)</sup>.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “...*phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất... Mở một cuộc lạc quyền.*”

<sup>(1)</sup> Văn kiện Đại hội Đảng, *Chỉ thị kháng chiến kiến quốc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.9.

Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại phát cho người nghèo<sup>(1)</sup>, với truyền thống “lá lành đùm lá rách”, nhân dân Như Cố đều hăng hái tham gia “Ngày đồng tâm”, thi đua lập “Hũ gạo cứu đói”. Để giải quyết tình trạng ngân sách trống rỗng, thực hiện chủ trương “Tuần lễ vàng”, nhân dân Như Cố đã cùng đồng bào cả nước đóng góp tiền mặt, vàng, bạc trắng, đồ trang sức..., một số gia đình tại xã còn đóng góp cả trâu, bò như: hộ các ông Hà Văn Lò, Nguyễn Văn Đường, Dương Văn Xuân, Dương Văn Hiệu, Lương Đình Thọ... Để giải quyết triệt để nạn đói, phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm được phát động. Với phương châm “Không để một tấc đất bỏ hoang”, nhân dân Như Cố ra sức khai hoang, khôi phục lại diện tích đã bị bỏ hoang trước đó, ngoài cấy lúa còn trồng thêm các loại cây ngắn ngày đáp ứng nhu cầu lương thực trước mắt của nhân dân.

Sau cách mạng, đa phần nhân dân ta không biết chữ, đây là lực cản lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền non trẻ của nhân dân. Đứng trước tình hình đó, Hồ Chủ tịch đã kêu gọi: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị phát động ngay một chiến dịch

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.16.

để chống nạn mù chữ<sup>(1)</sup>. Ngay sau đó, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch phát động phong trào “*Bình dân học vụ*” lan rộng khắp các thôn, bản, thu hút nhiều thành phần nhân dân. Các hội phụ nữ, thanh niên, thiếu niên cứu quốc đã tích cực vận động nhân dân tham gia. Để phát động quần chúng, lớp học đầu tiên được mở vào năm 1946, tại tầng 1 của gia đình ông Hà Văn Chí. Với khẩu hiệu “*học ngày không đủ tranh thủ học đêm*”, nhân dân ngày lao động sản xuất, tối hăng hái học tập. Ban thanh toán nạn mù chữ Như Cố sau đổi tên là Ban bình dân học vụ đã huy động thanh niên, thiếu niên đã được học chữ Quốc ngữ với thầy Ma Văn Tòng đến từng thôn bản dạy học ngày 3 buổi. Học sinh không phân biệt thành phần, lứa tuổi. Buổi sáng dạy học cho thiếu niên, buổi chiều là phụ nữ, buổi tối dạy học cho các lão nông... Phong trào đã huy động được nhiều người tham gia, khí thế rất sôi nổi nên chỉ sau một thời gian ngắn, phong trào đã thu được những kết quả tích cực. Về cơ bản, trong 3 năm từ năm 1946 đến năm 1949 đã thanh toán xong nạn mù chữ cho đồng bào Như Cố, trong đó Làng Cây được tặng cờ “*Thôn kiểu mẫu diệt dốt*”<sup>(2)</sup>. Nhiều thầy giáo tiêu biểu có thể kể đến lúc

<sup>(1)</sup> *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.8.

<sup>(2)</sup> Thông tin do đồng chí Hà Văn Khai (Bản Cây) cung cấp và đã được thống nhất tại Tọa đàm Lịch sử Đảng bộ xã Như Cố ngày 26/4/2017.

này ở Như Cố là các ông Hà Văn Chúc, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Trọng Khang, Ma Văn Trưởng, Nguyễn Đình Hải (Ma).

Đồng thời, hưởng ứng lời kêu gọi xây dựng nếp sống mới của Chính phủ, khắp các thôn, bản đẩy mạnh phong trào bài trừ mê tín dị đoan, xóa bỏ dần các thủ tục lạc hậu, tổ chức đám hiếu, hỷ linh đình gây lãng phí. Chính quyền còn vận động nhân dân thực hiện lối sống vệ sinh, tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, không bói toán, cầu cúng khi gia đình có người ốm hoặc chết. Nhờ đó, các tệ nạn giảm dần, nếp sống vui tươi, lành mạnh dần được hình thành. Công tác vận động nhân dân tuy có gặp những trở ngại nhất định, song với sự quyết tâm và sự tin tưởng của đồng bào vào Chính phủ, ở Như Cố đã dần xóa bỏ được các tệ nạn như cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện, không tổ chức hội hè kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt.

Nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, cuối năm 1945, trên cơ sở sáp nhập 4 xã Thanh Bình, Quảng Chu, Yên Đĩnh và Như Cố, xã Yên Đĩnh được thành lập. Theo chủ trương của cấp trên, đồng chí Ma Ngọc Tinh được chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban hành chính, đồng chí Hà Văn Cát làm Phó Chủ tịch.

Ngày 08/9/1945, Chính phủ lâm thời công bố Sắc lệnh số 14/SL về việc tổ chức Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc

hội trong cả nước. Đây là ngày hội lớn, những người nông dân Việt Nam trải qua gần một thế kỷ sống đời nô lệ, nay được cầm trên tay lá phiếu, khẳng định sống một cuộc sống tự do, là công dân của một nước độc lập, bầu ra người đại biểu cho mình vào cơ quan quyền lực cao nhất. Nhận thức rõ đây là cuộc vận động chính trị lớn, có tác dụng động viên mạnh mẽ toàn dân hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cùng với việc tuyên truyền phổ biến mục đích của cuộc Tổng tuyển cử, trách nhiệm của công dân đối với dân tộc, chính quyền cách mạng ở Yên Đĩnh đã xây dựng kế hoạch bảo vệ cuộc Tổng tuyển cử, đảm bảo an ninh và an toàn tại các điểm bỏ phiếu. Đồng thời lực lượng tự vệ, du kích tại Yên Đĩnh cũng như các xã khác trong huyện Bạch Thông cũng tích cực chủ động theo dõi, ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại cuộc Tổng tuyển cử. Nhờ đó, cuộc Tổng tuyển cử diễn ra an toàn, hầu hết nhân dân đã đi bỏ phiếu bầu đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cử tri Yên Đĩnh cùng toàn thể cử tri Bắc Kạn đã bầu 2 đồng chí Nông Văn Lạc và Hoàng Hùng Sơn đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước.

Thực hiện chủ trương chung, dưới sự lãnh đạo của Huyện bộ Việt Minh và chính quyền huyện, tháng 4/1946, cùng nhân dân toàn tỉnh Bắc Kạn, nhân dân xã Yên Đĩnh tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp (tỉnh và xã).

Các điểm bầu cử được trang hoàng, treo cờ Tổ quốc. Danh sách cử tri được niêm yết ở nơi công cộng và điểm bầu cử. Ban bầu cử hướng dẫn cử tri lựa chọn những người có uy tín, năng lực ra gánh vác việc của thôn xóm. Rút kinh nghiệm từ công tác đấu tranh, bảo vệ an toàn cho cuộc Tổng tuyển cử, tự vệ và du kích Yên Đĩnh phối hợp cùng lực lượng vũ trang của huyện tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp. Sau cuộc bầu cử, trong kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân xã Yên Đĩnh, Ủy ban hành chính xã Yên Đĩnh được bầu ra. Đồng chí Mã Ngọc Tinh làm Chủ tịch, đồng chí Hà Văn Cát làm Phó Chủ tịch, đồng chí Bảo Văn Hành làm Ủy viên Thư ký.

Trước những diễn biến nhanh chóng, để chuẩn bị cho kháng chiến, giữa năm 1946, Ủy ban hành chính xã Yên Đĩnh cùng các địa phương khác trong huyện được thành lập, thành phần gồm 1 Ủy viên Ủy ban hành chính, 1 Ủy viên đại diện lực lượng vũ trang và Ủy viên Hội đồng nhân dân cùng cấp. Cơ quan này có nhiệm vụ trấn áp phản động, giữ gìn trật tự an ninh, chấn chỉnh lực lượng tự vệ. Ủy ban này do các đồng chí Vi Văn Nôm, Dương Tiến Sĩ đảm nhiệm.

Sau thời gian xây dựng cuộc sống mới hòa bình, thực dân Pháp nối gót quân Anh vào nước ta, ngày càng lộ rõ mưu đồ xâm lược nước ta một lần nữa. Sau khi chúng nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, hành động của chúng ngày càng trắng

trộn phá hoại nền độc lập mà nhân dân ta vừa giành được. Dù Đảng và Chính phủ ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều nhân nhượng, tỏ rõ thiện chí mong muốn giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp thông qua thương lượng hòa bình bằng việc ký kết Hiệp định Sơ bộ (ngày 06/3/1946) và Tạm ước (ngày 14/9/1946). Tuy nhiên, thực dân Pháp lại ngang nhiên phá vỡ các thỏa ước chúng đã ký với ta, liên tiếp gây ra các hoạt động khiêu khích, xâm lược nhiều nơi. Tình hình trên buộc Đảng ta phải có những nhận thức để đáp ứng diễn biến mới, ngày 19/10/1946, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng họp tại Hà Nội nhận định: *"không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình nhất định phải đánh Pháp"*<sup>(1)</sup>. Sau hàng loạt các sự kiện Pháp giành thu thuế quan với ta ở cảng Hải Phòng (ngày 20/11/1946), gây xung đột, chiếm đóng các vị trí quan trọng ở thành phố Hải Phòng (ngày 27/11/1946), bằng các hành động trên, Pháp đã chính thức gây ra cuộc chiến tranh xâm lược lần hai vào nước ta.

Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"* được phát đi cả nước, khẳng định ý chí sắt đá của nhân dân ta: *"Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!"*. Hưởng

<sup>(1)</sup> Văn kiện quân sự Đảng, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tập 2, tr.64.

ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, nhân dân Như Cố cùng nhân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược một lần nữa. Dù gian khổ, song nhân dân ta nhất định không chịu cúi đầu làm thân phận của một người dân mất nước một lần nữa.

Như vậy, sau hơn 1 năm giành lại được chính quyền, bước đầu xây dựng và củng cố chính quyền, nhân dân Như Cố đã góp phần đáng kể vào công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân non trẻ vừa giành được, chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, lâu dài và cam go trong lịch sử dân tộc. Tuy gặp nhiều trở ngại, song vượt qua mọi gian khổ đó, chính quyền và nhân dân Như Cố đã đoàn kết vượt qua khó khăn, đạt được những thành tích đáng kể, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Trong những thành quả đó có sự lãnh đạo của cán bộ cấp trên và chính quyền địa phương, những cơ sở cách mạng của Đảng đã luôn đi đầu, nêu cao vai trò là đội ngũ tiên phong, chỉ đường và lãnh đạo quần chúng, xây dựng những tiền đề đầu tiên để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

### Chương III

## CHI BỘ ĐẢNG TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN NHƯ CỐ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1954)

#### I. Thành lập Chi bộ Đảng, trực tiếp lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1949)

Sau “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*” của Hồ Chủ tịch, nhân dân Như Cố đã tích cực thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng và Chính phủ, tiến hành công tác chuẩn bị kháng chiến trên tất cả các mặt. Để chiến thắng kẻ thù mạnh, có vũ khí trang bị hiện đại, theo sự chỉ đạo của cấp trên, nhân dân tích cực chuẩn bị mọi công tác nhằm bước vào một giai đoạn mới trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Địa bàn Như Cố thuộc vùng Việt Bắc - nơi có vị trí chiến lược quan trọng “*tiên có thể đánh, lui có thể giữ*”, như nhận xét của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Rừng núi ở đây hiểm trở có thể che mắt và ngăn cản sự hoạt động của kẻ địch; ngược lại, tạo điều kiện cho các hoạt động của ta. Nhân dân Như Cố nói riêng, Chợ Mới nói chung vốn có truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh

chống ngoại xâm qua nhiều thế hệ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, truyền thống đó lại càng được phát huy cao độ. Địa bàn này được chọn để xây dựng khu căn cứ, là địa bàn tiếp nhận các cơ quan của Trung ương và Liên khu 1 chuyển đến.

Sau cách mạng, theo chỉ đạo của cấp trên, Như Cố cùng với các xã Quảng Chu, Yên Đĩnh, Thanh Bình sáp nhập lại thành xã Yên Đĩnh. Công tác xây dựng Đảng vì thế cũng được Huyện ủy tích cực triển khai. Dù là một trong những địa phương đầu tiên gây dựng được cơ sở cách mạng ở Bạch Thông, song do những yếu tố khách quan và chủ quan phải đến năm 1946 thì chi bộ Đảng mới được thành lập. Để phát triển phong trào cách mạng và tạo lực lượng lãnh đạo nhân dân địa phương trong cuộc kháng chiến sắp tới, Huyện ủy Bạch Thông đã nhất trí quyết định thành lập Chi bộ Yên Đĩnh (trong đó có 7 đảng viên Như Cố<sup>(1)</sup>). Sự ra đời của Chi bộ xã Yên Đĩnh đã đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào cách mạng ở địa phương. Trước đây, tại Như Cố đã có sự lãnh đạo của Đảng nhưng phải thông qua Mặt trận Việt Minh, nay Đảng đã trực tiếp lãnh đạo, đưa hoạt động đấu tranh cách mạng của nhân dân Như Cố và xã Yên Đĩnh lên một bước mới.

---

<sup>(1)</sup> 7 đảng viên là: Hà Văn Chí, Dương Văn Chu, Hà Văn Thố, Nguyễn Văn Hoa, Hà Văn Cát, Ma Phúc Hỷ, Ma Văn Lương.

Chi bộ Đảng ra đời đã lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Dù còn non trẻ song trước tình hình đang diễn biến nhanh chóng, Chi bộ đã kịp thời đề ra những biện pháp cấp bách, phát động nhân dân đứng lên chiến đấu chống Pháp. Các đảng viên trở thành hạt nhân trong tổ chức chính quyền, phụ trách các đoàn thể quần chúng, lực lượng dân quân, du kích thôn, xóm; một số đồng chí đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng. Chi bộ Đảng đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ thời chiến, lựa chọn những thanh niên tích cực, hăng hái tham gia các phong trào để bồi dưỡng, thử thách và kết nạp Đảng.

Đầu năm 1947, thực hiện cuộc vận động chính trị “*Thi đua phát triển Đảng*”, chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy về công tác bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới, toàn Chi bộ đã triển khai đợt phát triển đảng viên. Qua đợt phát động này nhiều quần chúng đã được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đây là tiền đề quan trọng để Chi bộ tiến hành kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang.

Bên cạnh đó, Mặt trận Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám là lực lượng nòng cốt tập hợp quần chúng tham gia đấu tranh giành chính quyền. Sau khi cách mạng thành công, lực lượng Việt Minh tiếp tục được tổ chức để phát huy vai trò của mình. Tại xã Yên Đĩnh, trong những

năm đầu xây dựng chính quyền nhân dân các đoàn thể như: Hội Nông dân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Đoàn Thanh niên cứu quốc... có vai trò quan trọng trong việc tập hợp mọi lực lượng, thành phần nhân dân để củng cố và bảo vệ thành quả của cách mạng, đối phó với các lực lượng phản động, chuẩn bị với tình hình chiến sự đang diễn ra.

Thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh và huyện Bạch Thông, nhân dân Như Cố đã làm tốt công tác “*triệt để phá hoại để kháng chiến*” nhằm hạn chế khả năng cơ động và ưu thế về vũ khí hiện đại của địch, cản bước tiến của kẻ thù. Dưới sự hướng dẫn của Huyện ủy Bạch Thông, Ban phá hoại các xã được thành lập, do đồng chí Trương Phúc Sáng - cán bộ thuộc cơ quan quân sự huyện Bạch Thông được cử làm Trưởng ban. Đúng như lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “*Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào cũng như một viên đạn của chiến sỹ bắn vào kẻ địch vậy*”<sup>(1)</sup>. Các hầm, hố rộng, sâu cắt ngang mặt đường được đào đắp. Nhiệm vụ “*Tiêu thổ kháng chiến*” được cán bộ, đảng viên và nhân dân tiến hành khá toàn diện.

Đầu năm 1947, Chi bộ nhận nhiệm vụ do cấp trên giao đã huy động nhân dân xây dựng nhà xưởng để đón nhận Nhà máy Cơ khí Việt Bắc (Nhà máy Quân giới số 1 Quân

---

<sup>(1)</sup> *Những sự kiện lịch sử Đảng (1945 - 1954) - tập II*, Nxb. Sự thật, tr.114.

khu I) đặt tại Thấm Chà, Nhì Ca, xã Yên Đĩnh. Trong thời gian 4 tháng với sự quyết tâm cao độ của hơn 100 nhân công là đồng bào các dân tộc, công trình nhà xưởng đã hoàn thành, đảm bảo chất lượng phục vụ nhà máy cơ khí sản xuất vũ khí cho chiến trường. Bên cạnh đó, chính quyền xã còn huy động nhân dân tham gia vận chuyển máy móc, khí tài, khuôn vác hàng chục tấn máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất vũ khí và lương thực, thực phẩm phục vụ cho công nhân làm việc.

Cùng với đó, nhiệm vụ xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, tăng cường thực lực quân sự cũng được địa phương quan tâm. Trong đó, nhiệm vụ hàng đầu là củng cố và từng bước kiện toàn cơ quan chỉ huy quân sự của xã. Việc xây dựng lực lượng vũ trang của xã Yên Đĩnh theo tinh thần của Huyện ủy đã được triển khai nhanh chóng. Xã đội Yên Đĩnh thời kỳ này do ông Hoàng Văn Tân làm Xã đội trưởng. Về tổ chức, lực lượng vũ trang xã Yên Đĩnh được sắp xếp làm 2 thành phần chính:

*Một là*, lực lượng du kích được biên chế thành một đại đội do đồng chí Hoàng Văn Tân làm Đại đội trưởng. Ở cấp thôn, là các trung đội du kích do một trung đội trưởng chỉ huy. Lực lượng này có nhiệm vụ cơ động, tập luyện và sẵn sàng tổ chức phục kích đánh địch khi có yêu cầu của cấp trên. Trung đội du kích Như Cố do ông Hà Văn Hiền làm

Trung đội trưởng, Nguyễn Văn Đạo làm Trung đội phó, ông Hà Văn Đăng làm Chính trị viên.

*Hai là*, lực lượng dân quân rộng rãi nhiều thành phần ở các thôn, bản, có nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu khi có yêu cầu.

Cấp ủy cũng xác định rõ nhiệm vụ trước mắt của Xã đội là củng cố và phát triển lực lượng du kích, dân quân địa phương, huấn luyện kỹ thuật chiến đấu (cách sử dụng các loại súng bộ binh, cách đánh giáp lá cà, cắm chông, phá hoại giao thông...) cho dân quân, sẵn sàng chiến đấu và phối hợp chiến đấu đánh địch, bảo vệ quê hương. Xã đội cử nhiều đồng chí trực tiếp tham gia các đợt huấn luyện quân sự do Huyện đội tổ chức tại Pác San, Yên Đĩnh. Về thông tin liên lạc, Xã đội tổ chức đường dây liên lạc ký hiệu, mã hiệu từ xã đến thôn bản, đảm bảo nhanh chóng và thuận tiện cho việc chỉ huy kho có những diễn biến đột xuất. Đồng thời, xã Yên Đĩnh khi đó cũng được Bộ Chỉ huy Khu 1 cấp 10 quả mìn dừa, 30 quả mìn muối và lựu đạn. Cuối tháng 9/1947, còn được cấp thêm súng kíp, lựu đạn chày và các nguyên liệu chì để chế đạn súng kíp.

Bước vào giữa năm 1947, dù địch đã làm chủ được vùng đồng bằng nhưng chúng vẫn không đạt được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh. Lại thêm sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng Việt Minh nên trước tình hình đó, chúng quyết

định mở chiến dịch tấn công quân sự lên căn cứ địa Việt Bắc, đánh vào đầu não của Việt Minh để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Đòn tiến công quân sự lớn có tính chất quyết định này được dự kiến vào mùa thu năm 1947. Mục đích của Pháp trong đợt tiến công này là: *"Bịt kín biên giới, ngăn chặn không cho Việt Minh tiếp xúc với Trung Quốc; loại trừ mọi chi viện từ ngoài vào; truy lùng Việt Minh đến tận sào huyệt, đánh cho tan tác mọi tiềm lực kháng chiến của họ"*. Nắm vững bản chất, âm mưu và chiến lược của chúng, Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ III đã dự đoán địch có thể *"khai những cuộc tiến công lớn để chiếm đóng những vị trí chiến lược trong tay ta"*. Ngày 15/7/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị vạch rõ các nhiệm vụ quan trọng trước mắt *"về mặt quân sự, tích cực chuẩn bị chiến dịch mùa đông về mọi mặt... đặng đối phó với cuộc tiến công có thể lan rộng và ác liệt của quân đội Pháp sau mùa mưa này. Chuẩn bị công tác cuộc đánh xuyên mũi dùi, đánh vòng thật rộng, nhậy dù đổ bộ sau lưng ta"*<sup>(1)</sup>. Cùng ngày, Ban Thường vụ Trung ương Đảng cũng ra chỉ thị *"Sửa soạn phá những cuộc tiến công lớn của địch"*.

Nằm trên địa bàn căn cứ địa, quân Pháp có thể tấn công bất cứ lúc nào, nên Chi bộ Yên Đĩnh đã tích cực thực hiện các chỉ thị của cấp trên. Triển khai khẩn trương mọi mặt,

<sup>(1)</sup> Văn kiện quân sự của Đảng, Nxb. Quân đội nhân dân, tr.151.

tập trung sức người, sức của vào những việc cần kíp, tăng cường thực lực sẵn sàng chống lại những cuộc tàn sát của kẻ thù, góp phần cùng quân và dân các địa phương khác bảo vệ cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ.

Tháng 4/1947, để chống quân Pháp nhảy dù xuống khu vực Chợ Mới, Ủy ban hành chính xã Yên Đĩnh đã huy động dân quân, du kích, thanh niên tích cực cắm chông nhằm bảo vệ tốt nhất cho nhân dân, các cơ quan, nhà máy đóng trên địa bàn đồng thời cản bước quân thù. Nhân dân, du kích xã khai thác, vận chuyển hơn 4.300 cây tre, nứa các loại. Cây chông được vót nhọn, cắm theo kiểu 3 chạc, mật độ cách nhau khoảng 0,6 - 1m. Chỉ trong thời gian 1 tháng, các bãi chông đã được cắm ở khắp bãi đất trống, nhất là ở cánh đồng sau sân vận động Chợ Mới - Yên Đĩnh.

Đầu tháng 10, nhân dân Như Cố đón nhận 10 hộ dân đồng bào dân tộc Nùng từ Lạng Sơn và 7 hộ đồng bào Tày từ xã Huyền Tung, huyện Bạch Thông về sơ tán ở thôn Bản Cây và Bản Quất. Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã tạo điều kiện mọi mặt, giúp đỡ đồng bào về nhà cửa, san sẻ ruộng đất để đồng bào sản xuất, ổn định cuộc sống.

Tháng 7/1947, khi tình hình chiến sự đang cận kề, nắm bắt được âm mưu tấn công lên khu căn cứ địa, đặc biệt là

các cơ quan, công sự kháng chiến, nhà máy, xí nghiệp... tiêu diệt lực lượng ta, triệt phá các nhà máy sản xuất vũ khí. Đồng thời, có thể Pháp sẽ cho quân nhảy dù xuống Chợ Mới, càn quét sâu vào các xã dọc Quốc lộ 3. Nhận được chỉ thị của Cục trưởng Cục Quân giới Trần Đại Nghĩa, sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, chính quyền xã Yên Đĩnh phối hợp cùng đồng chí Đắc - Giám đốc Nhà máy Quân giới số 1 đã nhanh chóng triển khai nhiều biện pháp đối phó, đảm bảo an toàn cho công nhân viên và máy móc, trang thiết bị. Tháng 8/1947, Ủy ban kháng chiến hành chính xã Yên Đĩnh và Nhà máy Quân giới số 1 Quân khu I tổ chức họp bàn đề ra các phương án đối phó. Sau cuộc họp, đồng chí Hà Văn Cát - Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã cùng đồng chí Đắc đã tiến hành khảo sát thôn Bản Cây để chuyển nhà máy về đây. Qua nghiên cứu, các đồng chí nhận thấy địa điểm này (đoạn từ Nà Cốc Pái đến Pác Rèn, Pác Ván) có nhiều thuận lợi cho việc xây dựng nhà xưởng, địa thế khá bằng phẳng, xung quanh có núi cao, rừng bao quanh lại có suối chảy qua, đường ra vào khá hiểm trở (eo Kẹm Cặp) có khả năng che khuất công trình nhà máy.

Ngày 07/10/1947, Pháp bắt đầu mở màn chiến dịch, cho quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn; chiều cùng ngày chúng thả gần 300 quân dù xuống đánh chiếm thị trấn Chợ Mới, chính thức mở màn cuộc tấn công quy mô quân

sự lớn vào căn cứ Việt Bắc. Trước tình thế gấp rút, để đối phó với cuộc tấn công càn quét của địch, ngay chiều ngày 07/10, tại bản Áng (xã Dương Quang, huyện Bạch Thông), 2 đồng chí Nông Văn Lạc - Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh và Nguyễn Hồng Kỳ - Tỉnh đội trưởng, cùng một số cán bộ các cơ quan tỉnh Bắc Kạn họp bàn, thống nhất những nhiệm vụ cấp bách triển khai; chỉ thị cho các Huyện đội nhanh chóng trở về địa bàn tập hợp dân quân, tự vệ chuẩn bị đánh địch.

Ngày 08/10/1947, Hồ Chủ tịch ra thư kêu gọi đồng bào và các lực lượng vũ trang ra sức chiến đấu chống địch. Người chỉ rõ: *“địch mạnh về 2 gọng kìm, gọng kìm gãy thì ô cup xuống sẽ trở thành ô rách”*. Tiếp đó, ngày 15/10, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *“Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”* chỉ rõ phương hướng hoạt động của địch, điểm mạnh, điểm yếu của giặc Pháp và phương hướng chiến đấu của ta.

Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, chỉ thị của Trung ương và tỉnh, huyện, nhân dân Như Cố nói riêng, Yên Đĩnh nói chung đã nêu cao tinh thần quyết tâm đánh thắng giặc Pháp xâm lược, sẵn sàng hy sinh để tranh thủ được độc lập, thống nhất nước nhà, ủng hộ Chính phủ kháng chiến. Chi bộ chỉ đạo các lực lượng, dốc toàn lực, tập trung mọi biện pháp, chặn đứng cuộc càn quét của thực dân Pháp nếu chúng tấn công lên địa bàn xã.

Ngày 08/10/1947, trung đội du kích Như Cố dưới sự chỉ huy của đồng chí Hà Văn Hiền đã tập trung lực lượng, phối hợp với trung đội chống chiến xa (Tiểu đoàn 49), có trang bị súng Bazoka tổ chức phục kích đánh địch khi chúng từ thị trấn Chợ Mới tỏa ra thu dù ở bãi sông và khu vực các cánh đồng xung quanh. Từ phía bờ sông Cầu, quân ta nổ súng mạnh vào những toán lính địch đang đi nhặt dù khiến chúng hoảng sợ tháo chạy. Ngay đêm hôm đó, du kích Yên Đĩnh cùng một tiểu đội du kích Chợ Mới và Trung đội chống chiến xa chủ động áp sát, quấy rối các vị trí đóng quân của địch.

Ngày 09/10/1947, địch cho gần 1 đại đội hành quân càn quét khu vực bắc Chợ Mới, phát hiện kho quân nhu, quân giới của ta ở Bản Tềng, chúng huy động lực lượng tới cướp phá. Quyết tâm bảo vệ kho hàng, 2 tiểu đội du kích xã Yên Đĩnh và thị trấn Chợ Mới phối hợp cùng trung đội chống chiến xa đánh chặn địch ở cánh đồng Yên Đĩnh diệt 5 tên địch, làm bị thương 6 tên, buộc địch phải quay trở lại Chợ Mới. Ngày hôm sau, địch cho máy bay lên bắn phá Bản Tềng nhưng dân quân và du kích đã kịp thời chuyển kho hàng đi nơi khác, tránh thiệt hại do địch gây ra.

Những ngày tiếp theo, du kích Yên Đĩnh, Chợ Mới và bộ đội tổ chức phục kích địch tại khu vực Khuổi Tao<sup>(1)</sup> (đoạn

---

<sup>(1)</sup> Huyện ủy Bạch Thông, *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, 1996.

km125 - km128 trên Quốc lộ 3) đánh các toán giặc lùng sục cướp phá vào các vùng Bản Tềng, Pác San... diệt một số tên địch. Ngày 13/10, một toán lính địch càn dọc Quốc lộ 3, từ Chợ Mới lên phía Bắc, đến đoạn km125 - km128, thì bị du kích Yên Đĩnh chặn đánh, diệt một số tên, buộc địch phải quay lại Chợ Mới.

Tình hình chiến sự tiếp tục có những diễn biến phức tạp trong những ngày tiếp theo. Do nằm trên địa bàn chiến lược quan trọng, nên các thôn trong xã Yên Đĩnh đều phải đối đầu với những cuộc càn quét có quy mô lớn. Chấp hành chỉ thị của cấp trên, Chi bộ lãnh đạo nhân dân kiên cường, tận dụng tốt địa thế, khoét sâu vào những hạn chế của địch, phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân quân, du kích các xã lân cận và bộ đội, tổ chức nhiều trận đánh trên địa bàn xã, làm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Đêm 15/10/1947, du kích xã Yên Đĩnh và du kích thị trấn Chợ Mới đã phối hợp với Tiểu đoàn 15 (mới được điều động từ xã Cù Vân, huyện Đại Từ lên) tổ chức tấn công quân địch ở thị trấn Chợ Mới - một vị trí tiền tiêu, án ngữ đường phía Nam của tỉnh, trục đường giao thông chính từ Thái Nguyên lên Bắc Kạn. Tại vị trí này, địch có một đại đội tăng cường, phần lớn là lính Pháp và được trang bị mạnh. Quân Pháp đóng thành 2 cụm, có thể ứng cứu lẫn nhau. Một cụm đóng ở thị trấn Chợ Mới, cụm thứ hai đóng ở gần cầu Ổ Gà. Theo kế hoạch, lực lượng ta tổ chức thành

4 bộ phận: Bộ phận chủ công đánh vào thị trấn; bộ phận thứ 2 tiến công quân địch ở cầu Ổ Gà; bộ phận thứ 3 được trang bị hỏa lực mạnh bố trí tại các điểm cao bên ngoài thị trấn; bộ phận thứ 4 ở vòng ngoài làm nhiệm vụ chặn quân tiếp viện của địch từ thị xã xuống. Đây là trận đánh lớn của quân và dân xã Yên Đĩnh (trong đó có phần đóng góp đáng kể của quân và dân Như Cố) phối hợp cùng bộ đội và du kích các xã lân cận.

Đêm 15/10/1947, bộ đội và du kích chiếm lĩnh các vị trí xuất phát. Rạng sáng ngày 16/10, trận đánh bắt đầu. Sau nửa giờ nổ súng, ta tiêu diệt được một điểm hỏa lực của địch, nhưng chưa chiếm được những vị trí trọng yếu vì hỏa lực địch còn mạnh, hệ thống phòng thủ còn vững chắc. Mũi xung phong phía Đông vào được thị trấn, nhưng mũi phía Tây phải dừng lại do hiệp đồng không tốt. Để tránh thương vong lớn ta phải tạm rút ra ngoài để củng cố lực lượng và điều chỉnh phương án. Sau khi dùng hỏa lực mạnh từ trên núi cao bắn áp chế vào vị trí địch, ta tổ chức xung phong lần 2. Các mũi xung phong vừa diệt địch, vừa đốt kho quân nhu của chúng. Đây là trận đánh đầu tiên chủ lực và du kích phối hợp tấn công vào một vị trí đã được bố phòng khá vững chắc cả về vũ trang và hỏa lực. Sau trận đánh lớn này, du kích Yên Đĩnh, Chợ Mới và bộ đội đã diệt 50 tên địch, đốt 1 kho quân nhu, phá một số nhà ở của lính. Cũng qua trận đánh này, lực lượng vũ trang địa phương đã rút ra

nhiều bài học quan trọng về việc tạo thế bất ngờ, sử dụng hỏa lực và bố trí, tổ chức hiệp đồng chiến đấu...

Nối tiếp chiến công đó, dưới sự lãnh đạo và tổ chức của Chi bộ, du kích Yên Đĩnh tiếp tục phối hợp chiến đấu ngoan cường. Cuối tháng 10/1947, nhiều đoàn xe của địch chở quân từ Bắc Kạn về Chợ Mới. Sáng ngày 03/11/1947, khoảng 800 tên địch có trang bị hỏa lực mạnh, có đại bác, Moóc-chê, súng máy chia làm 3 toán hành quân, càn quét theo đường mòn Chợ Mới - Đèo Vai xuống đến Đu. Vừa đi chúng vừa bắn phá bừa bãi vào các làng bản hai bên đường để uy hiếp nhân dân. Phán đoán địch có thể lúng lúng, cướp phá khu vực Đèo Vai, đồng chí Hoàng Văn Tân - Đại đội trưởng đại đội du kích xã Yên Đĩnh chỉ huy 14 chiến sỹ du kích phục kích tại khu vực khe Vài Nòn. Trận địa phục kích là một đoạn đường nhỏ, độc đạo, dài khoảng 200m, một bên là núi đất cao, cây cối rậm rạp, bên kia là sát bờ sông Cầu, vực sâu chảy xiết. Du kích xã Yên Đĩnh đào công sự chiến đấu tại bãi bồi, có cây cối che phủ, đối diện đoạn đường được chọn làm trận địa phục kích. Khoảng 9 giờ sáng, khi toán quân đi đầu lọt vào trận địa, Đại đội trưởng Hoàng Văn Tân ra lệnh cho tổ 1, tổ 2 nổ súng vào giữa đội hình địch. Bị đánh bất ngờ, một số tên chết, nhiều tên la hét âm ỉ, số còn sống nằm rạp xuống đất. Ngay lúc đó, tổ 3 bắn chéo cánh sẻ vào đội hình địch, hỗ trợ cho tổ 1, tổ

2 vận động đến gần tiêu diệt địch. Sau mấy phút hoang mang, địch tìm cách thoát khỏi khu vực phục kích, tổ chức phản kích, dùng súng và Móc-chê bắn dữ dội về trận địa của ta. Sau gần 3 giờ chiến đấu, ta rút lui an toàn. Kết quả ta đã tiêu diệt tại chỗ 20 tên, bắn bị thương nhiều tên khác. Đây là trận phục kích đạt hiệu suất chiến đấu cao của du kích Yên Đĩnh.

Nhiều trận đánh khác được tổ chức khắp các địa bàn mà quân Pháp đặt chân tới, vì vậy, trước sức ép của ta, ngày 25/11/1947, Pháp phải rút quân khỏi Chợ Mới về thị xã Bắc Kạn. Tuy nhiên, đến ngày 27/11, địch càn quét lên Chợ Mới, nhằm đánh lạc hướng quân ta. Ngày 29/11, chúng rút quân từ Chợ Mới về Tràng Xá. Trung đội du kích xã Yên Đĩnh nắm được tình hình, khẩn trương tổ chức phục kích địch. Trận địa phục kích được bố trí tại cánh đồng Pắc San, nơi địa hình hiểm yếu, có núi bao quanh. Du kích đã nổ súng vào giữa đội hình địch, buộc chúng phải lúng túng đối phó, tạo điều kiện cho số dân bị bắt đưa đi khuôn vác đồ đạc cho chúng chạy thoát. Sau đó, du kích đã truy kích quân địch cho đến tận Đèo Vai.

Sau hơn 2 tháng đưa quân lên Việt Bắc, thực dân Pháp ngày càng sa chân vào thế bị bao vây, chia cắt về mọi mặt. Quân số, vũ khí ngày càng bị tiêu hao, đi đến đâu cũng bị quân và dân ta chặn đánh. Trung tuần tháng 12/1947,

Pháp phải rút quân khỏi Việt Bắc. Để góp phần không nhỏ vào những thành quả đó, quân và dân xã Yên Đĩnh, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng đã kiên cường, sáng tạo và thực hiện sát sao những chỉ đạo của cấp trên, rút ra nhiều kinh nghiệm trong công tác chống địch.

Sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947, xã Yên Đĩnh nằm ở vùng tự do, Chi bộ Đảng tiếp tục lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống địch tăng cường trở lại, chỉ đạo nhân dân tuyệt đối không lơ là mất cảnh giác, đề phòng với những âm mưu mới của địch. Đầu năm 1948, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ Yên Đĩnh đẩy mạnh xây dựng lực lượng dân quân, du kích. Cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng dân quân, du kích của xã được thay phiên tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn ngày về chính trị và quân sự. Thanh niên không phân biệt nam, nữ nhiệt tình tham gia vào lực lượng vũ trang. Do là Chi bộ của một xã có địa bàn rất rộng, lực lượng cần có sự tổ chức và phân bổ phù hợp, nên một số đồng chí là đảng viên được cử tham gia vào lực lượng du kích của xã.

Thực hiện chủ trương của Hội nghị Quân - Dân - Chính toàn tỉnh lần thứ nhất và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh tháng 6/1948, cấp ủy, chính quyền xã Yên Đĩnh chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng bằng việc phân công đảng viên tham gia lãnh đạo, giữ những vị trí chủ chốt trong lực lượng vũ trang. Sang năm 1949, thực

hiện chủ trương thành lập bộ đội địa phương của Bộ Tổng Tư lệnh, đơn vị du kích của xã được chuyển thành bộ đội địa phương. Thời kỳ đầu, do còn nhiều hạn chế nên công tác đảm bảo nhu yếu phẩm cho sinh hoạt và chiến đấu gặp khá nhiều khó khăn. Ngay lập tức, phong trào toàn dân ủng hộ, giúp đỡ lực lượng vũ trang đã được phát động. Tại xã Yên Đĩnh, nhân dân đã đóng góp nhiều lương thực, quần áo, chăn màn cho bộ đội.

Quân và dân Yên Đĩnh tiếp tục phối hợp với bộ đội ngày đêm bao vây, quấy rối, tập kích, đánh chặn các cuộc càn quét, làm tiêu hao và diệt nhiều tên địch tại các điểm chúng chiếm đóng; bức hàng, bức rút từng toán quân, từng điểm chốt.

Trong những năm 1947 - 1948, lực lượng quân Pháp còn tìm cách móc nối mua chuộc bọn tay sai thân Tưởng trong tổ chức "*Nam dương Hoa kiều Hiệp hội*" và ráo riết thành lập chính quyền tay sai. Chúng còn sử dụng các chức sắc người thiểu số và Hoa kiều để dễ bề khống chế dân chúng, phá hoại kháng chiến của ta. Tại xã Yên Đĩnh, đã xuất hiện mầm mống của tổ chức phản động "*Việt Nam phục quốc hội*" do 3 tên cầm đầu: Lương Đình Tàng (cựu Chánh tổng), Ma Văn Tòng (cựu Chánh tổng), La Cát Kim (cựu Thủ bạ ở xã Đào Lâm - đang trú ở xã Yên Đĩnh). Tổ chức này hoạt động và phát triển thông qua con đường đưa người vào các đoàn vận tải lên Đào Lâm, sau đó lan đến

Cao Hòa, Nông Hạ và Sáu Hai. Thành phần của “Việt Nam phục quốc hội là những tên tay sai thời Pháp thuộc”<sup>(1)</sup>.

Trước tình hình đó, Chi bộ Đảng dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy đã nhanh chóng đối phó với những âm mưu của địch về chính trị (như dựng lại bộ máy tay sai, chia rẽ dân tộc; ly gián hàng ngũ kháng chiến, phá hoại khối đại đoàn kết của nhân dân ta). Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị đại biểu tỉnh họp lần thứ hai về công tác “*phổ biến chính sách đại đoàn kết*” của Đảng thật sâu rộng, kịp thời đập tan những luận điệu xuyên tạc gây chia rẽ dân tộc của địch, Chi bộ đã tiến hành những hoạt động thiết thực, tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng ta về công tác đại đoàn kết dân tộc, cùng chung nhiệm vụ đánh đuổi kẻ thù, giành độc lập dân tộc. Nhờ đó, khối đại đoàn kết dân tộc được tăng cường, làm thất bại thủ đoạn chính trị của địch.

Vì tập trung vào công tác quân sự, hơn nữa lại nằm trong vùng hoạt động rất tích cực của các tổ chức phản động nên công tác phát triển Đảng ở Yên Đĩnh chưa tương xứng. Chi bộ chủ trương không kết nạp thêm đảng viên mới vì tình hình của địa phương rất phức tạp, có thể dễ lọt những thành phần phản động, Việt gian vào Chi bộ. Trước

---

<sup>(1)</sup> Theo Báo cáo 590 ngày 21/11/1948 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Kạn.

thực trạng đó, ngày 04/4/1949, Tỉnh ủy Bắc Kạn ra Chỉ thị số 5-CT/ĐVBC về “*Bổ khuyết công tác phát triển Đảng của huyện Bạch Thông*”. Chỉ thị nêu rõ “*cần phải điều động cán bộ khá vào gây dựng cơ sở quần chúng và cơ sở Đảng*” ở khắp mọi nơi, mọi thành phần. Thực hiện Chỉ thị, Chi bộ Yên Đĩnh đã tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm vì sự chậm trễ trong công tác phát triển Đảng, chỉ rõ nguyên nhân, những hạn chế, khuyết điểm của Chi bộ. Sau đó, các chương trình củng cố và chọn lựa quần chúng ưu tú, có những đóng góp tích cực cho phong trào cách mạng đã được triển khai. Nhờ đó, trong một thời gian ngắn, năng lực hoạt động và uy tín của các cán bộ được nâng lên, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

Trên mặt trận kiến quốc, ngay sau khi Pháp rút khỏi địa bàn Yên Đĩnh vào cuối năm 1947, Chi bộ Đảng xã Yên Đĩnh đã tập trung vào khắc phục hậu quả về kinh tế, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, nhằm tăng cường tiềm lực, chuẩn bị đối phó với địch. Ngay từ khi bước vào cuộc chiến, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, các nội dung phát triển kinh tế đã được Chi bộ chú trọng. Phương châm của thời kỳ này là đẩy mạnh sản xuất theo hướng tự cấp, tự túc, chống âm mưu lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của địch. Từ khi thực dân Pháp chiếm, một số cánh đồng của xã bị bỏ hoang hóa vì bị địch hay tuần tiễu, phá phách. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu sức kéo, thời tiết khắc

nghiệt cũng ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất của nhân dân, sản lượng lương thực và hoa màu sụt giảm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Chi bộ nhanh chóng phát động nhân dân tích cực tập trung sản xuất, giặc đi thì lại tiếp tục làm việc, thi đua với bộ đội trên chiến trường, nhân dân các dân tộc trong xã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, tích cực sản xuất để tự túc và đóng góp cho kháng chiến. Chi bộ cũng phân công du kích gắn nhiệm vụ chiến đấu tiêu hao sinh lực địch với việc bảo vệ đồng ruộng, bảo vệ sản xuất.

Ngay từ đầu năm 1948, Tỉnh ủy và Huyện ủy đã ra nghị quyết nhằm đẩy mạnh và hướng dẫn thực hiện chương trình tăng gia sản xuất, Chi bộ và chính quyền xã Yên Đĩnh đã khuyến khích và tổ chức làm đổi công thu được nhiều kết quả. Với tinh thần lao động cần cù, những khó khăn ban đầu đã dần được khắc phục. Xã cũng hoàn thành chỉ tiêu giao nộp lương thực, thực phẩm phục vụ kháng chiến, từng bước ổn định đời sống nhân dân.

Phong trào quyên góp ủng hộ kháng chiến giúp đỡ nhau về lương thực, đồ dùng sinh hoạt được phát động sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Dù còn nhiều khó khăn thiếu thốn song với tinh thần *"tất cả vì kháng chiến"*, nhân dân các dân tộc xã Yên Đĩnh luôn hưởng ứng và thực hiện đầy đủ các phong trào lạc quyên.

Bên cạnh nhiệm vụ lao động sản xuất giữ vững đời sống và đóng góp vào cuộc kháng chiến, Chi bộ Đảng cũng đẩy mạnh các công tác văn hóa - xã hội. Sau ngày cách mạng thành công, phong trào ình dân học vụ đã được phát động và tiếp tục được triển khai. Dù là trong thời kỳ chiến tranh, nhưng công tác bồi dưỡng và bổ túc văn hóa vẫn được giữ vững và phát triển hơn trước. Cùng với việc nâng cao trình độ văn hóa, việc chăm lo sức khỏe cho nhân dân cũng được xã chú ý. Các cuộc vận động ăn ở sạch sẽ, hợp vệ sinh được triển khai, bước đầu cấp, phát thuốc cho nhân dân.

Như vậy, ngoài nhiệm vụ trung tâm là trực tiếp chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân các dân tộc xã Yên Đĩnh vẫn ra sức thi đua đẩy mạnh sản xuất, các hoạt động văn hóa - xã hội vẫn được giữ vững và phát triển. Trong kháng chiến, dù còn gặp những khó khăn nhất định, song không vì thế mà ngừng trệ. Ngược lại, Chi bộ quyết tâm cùng nhân dân tăng gia sản xuất, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và một phần đóng góp nghĩa vụ cho kháng chiến.

Giữa năm 1949, tình hình chiến sự ở Bắc Kạn ngày một diễn ra nhanh chóng. Theo sự chỉ đạo của cấp trên, quân và dân Yên Đĩnh tiếp tục bước vào chiến dịch mới, giải phóng toàn bộ tỉnh Bắc Kạn. Công việc cho chiến dịch được triển khai khẩn trương. Biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của toàn dân, nhân dân các dân tộc xã Yên Đĩnh lại hăng say bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ

mới. Cùng với quân và dân toàn tỉnh, quân và dân Yên Đĩnh trong đó có vùng đất Như Cố sẵn sàng bước vào chiến dịch. Theo kế hoạch, “Chiến dịch đường số 3” được mở đầu bằng một trận đánh ở Đèo Giàng, rồi phát huy thắng lợi đó sẽ tiến công diệt địch ở Phủ Thông và Bắc Kạn. Nhưng do địch phát hiện được kế hoạch trong quá trình quân ta chuẩn bị triển khai, để tránh đòn đánh mạnh của quân ta, địch sợ hãi và vội vã rút quân khỏi 2 vị trí đó (ngày 09/8/1949). Đến đây, toàn tỉnh Bắc Kạn hoàn toàn giải phóng, nhân dân Yên Đĩnh dưới sự lãnh đạo của Đảng lại tiếp tục bắt tay vào quá trình khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện cho chiến trường; ra sức củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang để bảo vệ quê hương và bổ sung quân số cho các đơn vị bộ đội chủ lực; giữ vững mạch máu giao thông từ hậu phương ra tiền tuyến.

## **II. Lãnh đạo nhân dân xây dựng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1950 - 1954)**

Ngay sau khi được hoàn toàn giải phóng, cùng với nhân dân các xã trong toàn tỉnh, nhân dân xã Yên Đĩnh hào hứng và phấn khởi bước vào giai đoạn cách mạng mới với 2 nhiệm vụ trọng tâm: xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt; chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến đánh thắng hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược.

Để có bộ máy chính quyền đủ sức lãnh đạo nhân dân, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, công tác chấn chỉnh và kiện toàn chính quyền và các đoàn thể đã được nhanh chóng tiến hành. Giống như các xã khác trong huyện, Hội đồng nhân dân xã được bầu vào tháng 5/1949 có đủ các thành phần giai cấp, dân tộc nhưng đa số là thân hào và trung nông, thành phần cơ bản còn ít, hoạt động của Hội đồng không đều và không thống nhất. Năm tình hình, Huyện ủy đã chỉ đạo việc huấn luyện các thành viên Hội đồng nhân dân cấp xã về nhiệm vụ, quyền hạn và phương pháp hoạt động của Hội đồng. Qua đợt học tập này, vai trò của Hội đồng nhân dân xã đã nâng lên đáng kể.

Đầu năm 1950, hưởng ứng phong trào thi đua "*Rèn luyện Đảng tính*" do Trung ương phát động, Chi bộ Yên Đĩnh đã chỉ đạo và phối hợp với cấp trên tổ chức cho đảng viên học tập tài liệu về tư cách người đảng viên, tinh thần đấu tranh cách mạng, phê bình và tự phê bình trong sinh hoạt Đảng.

Thu - Đông năm 1950, chiến dịch giải phóng Cao - Bắc - Lạng toàn thắng, nhân dịp này, Chi bộ và nhân dân xã Yên Đĩnh vinh dự được đón đoàn đại biểu của Quốc hội về thăm Xưởng Cơ khí Quân giới đóng tại địa bàn thôn Nhì Ca (nay thuộc Như Cố). Đoàn công tác gồm các đồng chí: Bùi Bằng Đoàn - Trưởng ban Thường trực Quốc hội làm Trưởng đoàn; Phan Kế Toại - Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Vi Văn

Định - đại biểu Quốc hội. Đồng chí quản đốc của phân xưởng là đồng chí Phan Kế Bảo (con trai của đồng chí Phan Kế Toại) đã báo cáo tình hình sản xuất, giới thiệu một số nét chính và mời đoàn đến hòn đá Hìn xem bắn thử nghiệm súng Bacoda. Sau khi tham quan, xem bắn thử nghiệm, đoàn đã khen ngợi, động viên cán bộ, công nhân phân xưởng, nhân dân trong xã, đồng thời yêu cầu cán bộ, nhân dân phải làm tốt hơn nữa công tác sản xuất, đảm bảo có đầy đủ súng, đạn gửi ra chiến trường. Chiều cùng ngày, theo yêu cầu của đồng chí Bùi Bằng Đoàn, chính quyền xã đã bố trí cho đoàn nghỉ tại nhà ông Hà Văn Eng - hộ nghèo nhất thôn. Công tác bảo vệ được Xã đội lên phương án, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho đoàn. Ngày hôm sau, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã tổ chức lực lượng dẫn đường, võng cáng phái đoàn ngược dòng suối Hón vượt đèo Tát Kheo an toàn sang An toàn khu Định Hóa.

Năm 1951, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã lần lượt được tham dự các lớp huấn luyện do huyện tổ chức. Nhận thấy công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện của chính quyền còn nhiều yếu kém, năm 1952, Huyện ủy Bạch Thông đã cử đoàn công tác xuống củng cố lại hệ thống chính quyền của xã Yên Đĩnh theo hướng "*tăng cường các cán bộ có năng lực*". Đoàn công tác chú trọng bồi dưỡng và đưa cán bộ thuộc dân tộc ít người, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số vào bộ máy chính quyền xã.

Tháng 02/1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II tuyên bố Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam. Đó là sự kiện lớn, khích lệ và là động lực mạnh mẽ tinh thần cách mạng của toàn thể đảng viên. Tiếp đó, tháng 12/1951, Trung ương có chỉ thị mở rộng cuộc vận động chính đốn Đảng nhằm “*nâng cao trình độ tư tưởng, ý thức công tác cán bộ, đảng viên, đồng thời chính đốn tổ chức các chi bộ nông thôn*”. Theo sự chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ xã Yên Đĩnh đã khẩn trương triển khai một đợt học tập nghiêm túc, các đồng chí cán bộ chủ chốt được học tập trước ở các lớp tổ chức ở huyện, kết quả là đảng viên trong Chi bộ được nâng cao nhận thức về tình hình, nhiệm vụ kháng chiến cứu nước trong giai đoạn mới, nêu cao vai trò, nhiệm vụ, tính gương mẫu, tiên phong trong tự phê bình của đảng viên.

Quán triệt chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến với 2 nguyên tắc: “*vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung tự cấp về mọi mặt*”<sup>(1)</sup>, Chi bộ đã vận động nhân dân tích cực khôi phục và phát triển kinh tế.

Sau giải phóng, ruộng đất canh tác của xã tuy nhiều nhưng phần lớn là bị bỏ hoang. Đứng trước thực trạng đó, Chi bộ đã phát động phong trào khẩn trương phục hóa các diện tích đã bỏ hoang, làm tốt công tác thủy lợi, đảm bảo

---

<sup>(1)</sup> Trường Chinh, *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb. Sự thật, tr.39.

nước tưới tiêu cho các diện tích đất nông nghiệp, kiên quyết không bỏ hoang thửa ruộng nào. Song song với công tác phục hóa, Chi bộ phát động phong trào tích cực tăng gia sản xuất cứu đói với phương châm tận dụng mọi khả năng về vốn, giống, sức kéo... khai hoang phục hóa đến đâu trồng cấy ngay đến đó. Các biện pháp khoa học kỹ thuật cũng bước đầu được ứng dụng, hướng dẫn nhân dân cấy đúng thời vụ, đắp bờ giữ nước, tăng cường bón phân, bảo vệ và thu hoạch kịp thời. Các giống lúa năng suất cao đã được đưa vào trồng cấy thay thế dần các giống lúa cũ dài ngày. Nhờ đó, năng suất và sản lượng lúa nhanh chóng phục hồi và tăng cao hơn trước, không chỉ đáp ứng nhu cầu nhân dân mà bước đầu đã đóng góp cho kháng chiến.

Từ năm 1951, khi nền kinh tế của xã đã dần được phục hồi và thu được những kết quả khá thì những khó khăn mới lại nảy sinh. Đó là lũ lụt, sâu bệnh, giặc giã đã làm thiệt hại không ít cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương. Vượt qua những khó khăn đó, Chi bộ đã vận động nhân dân tiếp tục thực hành tiết kiệm và khẩn trương tăng gia sản xuất nên đời sống nhân dân trong xã tiếp tục được ổn định.

Không chỉ động viên nhân dân tích cực lao động, Chi bộ Đảng và chính quyền còn nhanh chóng phổ biến cho nông dân chủ trương, chính sách mới của cấp trên về nông nghiệp. Tháng 5/1951, chính sách thuế nông nghiệp được

Chính phủ ban hành. Chi bộ đã tổ chức cho nhân dân học tập chính sách thuế, ý nghĩa của việc đóng thuế và quyền lợi, nghĩa vụ của người nông dân. Tuy nhiên, do chính sách mới, nhân dân hầu hết chưa hiểu hết tính cấp bách của chính sách là nhằm phục vụ tích cực cho cuộc kháng chiến của toàn dân tộc, được thực hiện công bằng dựa trên tài sản cơ hữu là ruộng đất canh tác nên còn nhiều băn khoăn. Mặt khác, cũng như nhiều địa phương trong huyện, đời sống của nhân dân Yên Đĩnh còn nhiều khó khăn. Trước thử thách đó, Chi bộ đã trực tiếp xuống từng hộ dân vận động, tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ, đứng về chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và Chính phủ.

Để hưởng ứng cuộc vận động sản xuất, tiết kiệm chống đói do Tỉnh ủy phát động, phong trào sản xuất của đồng bào các dân tộc Yên Đĩnh tiếp tục được duy trì, phát triển. Các cuộc vận động “*Hũ gạo nuôi quân*” và “*Mùa đông binh sỹ*” đã được hưởng ứng nhiệt tình. Gạo, chăn ấm, áo, những vật dụng cần thiết đã được gửi ra tiền tuyến cho các chiến sỹ.

Từ năm 1952, huyện đã cử cán bộ xuống xã Yên Đĩnh để huấn luyện xây dựng tổ đổi công của xã. Lúc đầu, mỗi gia đình có 1 người tham gia tổ đổi công, chủ yếu là đảm bảo sản xuất, không bình công tính điểm. Phong trào tiếp tục phát triển dần đến hình thức cao. Các tổ đổi công đã lập kế hoạch đổi công cho từng vụ, sau có bình công chấm

điểm. Dù còn có những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý, nhưng rõ ràng các tổ đổi công đã phát huy tác dụng của nó trong điều kiện sản xuất còn khó khăn của Yên Đĩnh. Nhiều gia đình thiếu nhân lực, cày bừa, sức kéo đã được giúp đỡ cấy, gặt kịp thời vụ, qua đó đã làm tăng thêm tinh thần đoàn kết tương trợ, tương thân tương ái giữa các hộ, các dân tộc anh em.

Ngoài việc tăng gia sản xuất, chi viện cho tiền tuyến, thì công tác tuyển quân cũng được triển khai. Do tập quán sinh hoạt và văn hóa của cộng đồng dân cư vùng cao, công tác tuyên truyền chưa nghiên cứu đầy đủ kỹ lưỡng, đôi chỗ còn thực hiện một cách qua loa, dập khuôn, rồi lập danh sách gọi nhập ngũ, lại báo trước có vài ngày nên nhiều người bị động, không chuẩn bị kịp, một số cán bộ có biểu hiện nể nang, gây ra tình trạng suy bì, thắc mắc trong nhân dân... Để khắc phục tình trạng này, theo sự điều chỉnh của Tỉnh ủy, các đợt học tập rộng rãi trong cán bộ và nhân dân về chế độ quân vụ được triển khai. Công tác tuyển quân phải gắn với hoàn cảnh từng người, đảm bảo công bằng giữa các gia đình, nhờ đó, những yếu kém trong công tác này dần được khắc phục. Số thanh niên tự nguyện nhập ngũ trong giai đoạn cũng tăng lên.

Bên cạnh đó, công tác bình dân học vụ tiếp tục được Chi bộ triển khai. Nhân dân đều tích cực tham gia phong trào bổ túc văn hóa, học để tránh tái mù chữ. Giáo dục

phát triển tạo điều kiện cho nhân dân từng bước xây dựng đời sống văn hóa mới ở thôn bản. Những quy định mới về sinh hoạt cộng đồng được thực hiện, tệ mê tín dị đoan giảm hẳn, công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ đã góp phần tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo không khí vui tươi, mới mẻ, lành mạnh cho địa phương.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhân dân cũng được quan tâm. Dù còn có nhiều hạn chế về cơ sở vật chất và đội ngũ nhân lực y tế, nhưng các khóa huấn luyện cứu thương, vệ sinh, cấp cứu được cấp trên tổ chức phần nào cũng đã mở rộng tới xã tạo những thay đổi quan trọng trong nhận thức của nhân dân. Trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành y tế lúc này còn khó khăn, thì việc vệ sinh phòng trừ dịch bệnh là rất quan trọng. Ý thức được điều đó, chính quyền xã đã tổ chức các đội vệ sinh phòng dịch tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện “*ăn chín uống sôi*”, “*vệ sinh thôn quê*”, “*sạch làng tốt ruộng*”. Bên cạnh công tác phòng bệnh là chữa bệnh. Kết hợp với các đoàn thể, ngành y tế đã vận động nhân dân bài trừ nạn bói toán cầu cúng khi bị bệnh. Khai thác nguồn thuốc, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan cấp trên, các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn, khám và chữa bệnh, cấp phát thuốc cho nhân dân. Vì vậy, trong điều kiện kháng

chiến gian khổ, phương tiện vật chất còn nghèo nàn nhưng sức khỏe của nhân dân đã được cải thiện đáng kể.

Tháng 01/1953, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 4 đã họp quyết định phát động quần chúng giảm tô (bao gồm cả thoái tô), thực hiện giảm tức, căn cứ vào hoàn cảnh của từng địa phương mà kết hợp giảm tô, giảm tức với chính lý thuế nông nghiệp. Đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn là dựa hẳn vào bản, cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, trung lập với phú nông, có chính sách phân biệt đối với từng hạng địa chủ và cương quyết trừng trị bọn Việt gian, phản động, cường hào gian ác. Sau đợt học tập trung, cuộc phát động quần chúng thực hiện giảm tô chính thức được tiến hành. Cuối năm 1953, xã Yên Đĩnh cùng xã Cao Hòa được chọn làm 2 xã tổ chức thí điểm để rút kinh nghiệm trong toàn huyện. Qua giảm tô tại xã Yên Đĩnh đã quy địa chủ cho 2 người là: ông Lương Đình Tàng (nguyên Chánh tổng - Ủy viên Việt Nam phục quốc hội), Lương Đình Thọ (Ủy viên Việt Nam phục quốc hội). Quy thành phần phú nông cho 1 người là ông Hà Văn Mão (nguyên Phó lý).

Đồng thời, chấp hành chủ trương của cấp trên, xã Yên Đĩnh chia tách thành 4 xã như trước năm 1946 và đổi tên một số xã, trong đó Như Cố đổi tên là xã Toàn Thành. Sau khi tách xã, theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, căn cứ số lượng đảng viên tại địa bàn xã, nhằm đáp ứng yêu cầu phải có

tổ chức Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân địa phương, Chi bộ Đảng lâm thời xã Toàn Thành được thành lập. Đồng chí Dương Văn Hồ làm Bí thư Chi bộ lâm thời, đồng chí Hà Văn Cát làm Phó Bí thư. Sự ra đời của Chi bộ Đảng là mốc son đánh dấu sự trưởng thành của cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Toàn Thành.

Đầu năm 1954, Chi bộ Đảng Toàn Thành tiến hành Đại hội lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1954 - 1956). Đại hội nhìn nhận lại những thành quả đã đạt được trong những năm kháng chiến chống Pháp, tổng kết đúc rút kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo và vạch thảo ra phương hướng trong thời kỳ mới. Thông qua Đại hội, các khuyết điểm, yếu kém trong công tác lãnh đạo, triển khai các nghị quyết của cấp trên được Đại hội thẳng thắn nhận rõ, thông qua đó đề ra những nhiệm vụ trong những thời kỳ tiếp theo. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa I, Ban Chấp hành bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Dương Văn Hồ được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Văn Cát được bầu làm Phó Bí thư, đồng chí Hà Sỹ Nghiêm làm Ủy viên.

Để đảm bảo giao thông theo tinh thần Chỉ thị “*Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển sang tổng phản công*” (tháng 01/1950) của Trung ương, tỉnh Bắc Kạn phát động Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất. Ban Huy động dân công của xã được thành lập do ông Hà Văn Cát làm Trưởng ban. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền xã, nhân

dân Yên Đĩnh đã tích cực cùng nhân dân trong toàn tỉnh tham gia dân công, sửa chữa cầu đường. Tại xã, rất nhiều người đã tham gia mở đường tuyến Bắc Sơn - Thái Nguyên trong 6 tháng từ năm 1952 - 1953.

Sau thắng lợi của chiến dịch biên giới, Quốc lộ 3 trở thành tuyến đường huyết mạch của ta. Nhân dân dọc tuyến đường được Trung ương Đảng giao nhiệm vụ bằng mọi giá phải bảo vệ tuyến đường, giữ vững mạch máu giao thông trên tuyến đường huyết mạch này. Nắm rõ tinh thần chỉ đạo của cấp trên, cán bộ, đảng viên và nhân dân Yên Đĩnh quyết tâm bảo vệ đoạn đường đi qua địa bàn xã. Nhận thấy rõ tầm quan trọng của con đường này, thực dân Pháp đã huy động một lực lượng lớn máy bay bắn phá ác liệt. Tuy nhiên, nhân dân Yên Đĩnh cũng như các địa bàn xã khác có tuyến đường đi qua, luôn quyết tâm bảo vệ, nhanh chóng khôi phục tuyến đường, đảm bảo thông suốt trong thời gian ngắn nhất. Thực hiện sự chỉ đạo của huyện, chính quyền xã tiến hành phân loại dân công theo Điều lệ dân công của Chính phủ và theo tình trạng sức khỏe từng người. Những người có sức khỏe loại A được xếp vào đơn vị dân công cơ động, có nhiệm vụ bảo đảm giao thông ở những điểm khó khăn. Những người có sức khỏe loại B, C được xếp vào đơn vị dân công phục vụ ngay tại địa phương. Lực lượng dân công luôn chấp hành mệnh lệnh, sẵn sàng làm nhiệm vụ chiến đấu và hoàn thành công việc được giao.

Từ năm 1952 đến năm 1953, tình hình chiến sự có sự chuyển biến mau lẹ, nhất là vào cuối năm 1953, chiến sự ở chiến trường Tây Bắc đang chuyển biến nhanh chóng. Tháng 9/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Đông Xuân năm 1953 - 1954, sau đó tháng 12/1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Do vậy, yêu cầu chi viện cho chiến trường là rất lớn. Đã có nhiều quần chúng tham gia dân công hỏa tuyến hay tham gia trực tiếp phục vụ chiến dịch. Nhiều lá đơn tự nguyện xin gia nhập quân đội được gửi tới chính quyền. Chi bộ đã tập trung lãnh đạo nhân dân chú trọng tăng gia sản xuất, đảm bảo đời sống và khắc phục mọi khó khăn, đóng góp xứng đáng cho tiền tuyến.

Ngày 13/3/1954, trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ được mở màn. Chiến sự diễn ra rất ác liệt, gần 2 tháng sau, ngày 07/5/1954, toàn bộ Bộ Chỉ huy của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ra đầu hàng. Thất bại tại đây là hồi chuông báo tử cho chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên toàn thế giới. Sau trận thắng lịch sử này, Chính phủ ta đã ngồi vào bàn đàm phán tại Giơ-ne-vơ để bàn về hòa bình, độc lập cho dân tộc ta.

Trong những năm chống Pháp, toàn xã đã có 32 người tham gia trực tiếp cầm súng trên chiến trường trong đó có 1 nữ chiến sỹ. Bên cạnh đó, nhân dân Yên Định còn đóng góp sức đi dân công hỏa tuyến, vận chuyển, tiếp lương, tải

đạn, tham gia phục vụ các chiến dịch Biên Giới (thu - đông năm 1950), Trung du (1950 - 1951), Đường số 18 (năm 1951), Hòa Bình (đông - xuân năm 1951 - 1952), đông - xuân năm 1953 - 1954 và đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ.

Chín năm kháng chiến (1945 - 1954) bền bỉ và anh dũng, cùng nhân dân cả nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Yên Đĩnh (trong đó không thể không kể đến nhân dân các dân tộc Như Cố) dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức của Đảng, đã nỗ lực phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ "*kháng chiến kiến quốc*", góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Dù phải trải qua rất nhiều khó khăn, thử thách song dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, quân và dân đã vượt qua và đạt được những thành tựu quan trọng cả về sản xuất chi viện cho tiền tuyến lẫn trực tiếp cầm súng đứng lên đánh đuổi giặc ngoại xâm. Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương không ngừng được củng cố, phát triển. Trong cuộc trường chinh vệ quốc vĩ đại, nhiều người con của xã đã ngã xuống, trở thành một phần bất tử của đất nước. Với trách nhiệm đối với sự nghiệp giải phóng đất nước, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể quần chúng, nhân dân Như Cố (trước năm 1954 là Yên Đĩnh) luôn chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội, chuẩn bị tốt nhất tiềm lực, chuẩn bị bắt tay vào giai đoạn mới của cách mạng.

## Chương IV

# CHI BỘ ĐẢNG XÃ TOÀN THÀNH - NHƯ CỐ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC, CẢI TẠO KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI (1954 - 1965)

### I. Chi bộ Đảng xã Toàn Thành lãnh đạo nhân dân tiến hành khôi phục, cải tạo kinh tế, văn hóa - xã hội (1954 - 1960)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 07/5/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam sau 9 năm kháng chiến gian khổ. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng nhưng miền Nam vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh chống lại đế quốc Mỹ xâm lược. Xác định nhiệm vụ ở 2 miền Nam - Bắc, Bộ Chính trị nhận định: Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, miền Bắc tiến hành khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế đi lên theo con đường chủ nghĩa xã hội. Về nhiệm vụ của miền Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa II) tháng 8/1955 khẳng định: *“Điều cốt yếu là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam. Miền Bắc là chỗ đứng*

*của chúng ta, bất kể trong tình hình nào, miền Bắc cũng được củng cố".* Với nhiệm vụ to lớn đó, từ năm 1954, miền Bắc bắt đầu bắt tay vào công cuộc khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Đảng đề ra.

Trong khí thế vui mừng, phấn khởi, cũng như nhân dân cả nước, nhân dân toàn xã Toàn Thành bước vào thời kỳ khôi phục, cải tạo kinh tế với nhiều khó khăn và thuận lợi.

Về thuận lợi, sau năm 1954, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, vì thế nhân dân rất vui mừng, phấn khởi, hăng hái thi đua sản xuất. Hơn nữa từ sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, Toàn Thành nằm trong vùng tự do, vì vậy, xã có thời gian hòa bình sớm hơn các địa phương khác để thực hiện nhiệm vụ củng cố và phát triển kinh tế - xã hội. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng được tôi luyện trong kháng chiến đã trưởng thành vững mạnh, nhân dân càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết tâm đem hết sức mình tiến hành thành công các nhiệm vụ khôi phục và cải tạo kinh tế.

Tuy nhiên, mặc dù từ năm 1947, cũng như một số xã khác của huyện Bạch Thông, dù nằm trong vùng tự do nhưng tình hình sản xuất phát triển kinh tế của Toàn Thành gặp không ít khó khăn như: trong sản xuất nông

nghiệp, diện tích đất đai của xã bị hoang hóa nhiều; quy mô sản xuất còn nhỏ bé, kỹ thuật canh tác lạc hậu, phần lớn ruộng đất trong xã thời gian này đều chỉ cấy được một vụ lúa mỗi năm, nhiều nơi đất đai khô cằn, khó cải tạo, độ dốc cao nên khó sản xuất; chăn nuôi chưa phát triển; các hoạt động thương mại hầu như chưa có; mật độ phân bố dân cư trên địa bàn còn thưa thớt và không đồng đều; giao thông, đi lại còn nhiều khó khăn, cách trở, nhất là vào mùa mưa lũ; trình độ dân trí còn thấp, văn hóa - xã hội chưa thực sự phát triển, nhiều tập tục mê tín dị đoan vẫn còn tồn tại; công cuộc giảm tô bắt đầu từ năm 1953 cũng chỉ mới được thực hiện bước đầu, người nông dân tuy được giải phóng khỏi ách thống trị nhưng chưa hoàn toàn thoát khỏi chế độ chiếm hữu ruộng đất, đòi hỏi toàn thể nhân dân xã Toàn Thành phải hết sức nỗ lực để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ trong tình hình mới.

Căn cứ vào tình hình, thực hiện chủ trương của huyện, xã Toàn Thành tiếp tục thực hiện giảm tô, giảm tức được tiến hành từ năm 1953, nhằm xóa bỏ hoàn toàn giai cấp bóc lột ở Như Cố. Để thực hiện công tác giảm tô hiệu quả, an toàn, các lực lượng dân quân tự vệ, Ban Công an xã đã phối hợp chặt chẽ với Đội giảm tô, thực hiện trấn áp ngăn chặn sự chống đối của giai cấp bóc lột và các phần tử phản cách mạng, đảm bảo an ninh, trật tự cho công tác giảm tô, giảm tức trên địa bàn diễn ra thuận lợi. Bên cạnh đó, Chi

bộ xã cũng chỉ đạo sát sao công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân, góp phần làm cho công cuộc giảm tô trên địa bàn xã hoàn thành thắng lợi.

Công cuộc giảm tô diễn ra đến đầu năm 1955 được hoàn thành, giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ hoàn toàn, chế độ chiếm hữu ruộng đất bằng phương thức bóc lột bị xóa bỏ, ước mơ “*Người cày có ruộng*” của nông dân xã Toàn Thành đã trở thành hiện thực. Sức sản xuất to lớn ở nông thôn đã được giải phóng, quan hệ sản xuất ở nông thôn đang đổi mới, vai trò, vị thế của người nông dân, nhất là người nông dân thuộc các thành phần bản, cổ nông ở Toàn Thành được xác lập. Người nông dân thoát khỏi ách áp bức bóc lột của địa chủ phong kiến trở thành người chủ thực sự của xã hội, khối đoàn kết liên minh công - nông được củng cố, do đó, sản xuất nông nghiệp bước đầu được đẩy mạnh, đời sống nhân dân bước đầu được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những thắng lợi cơ bản, trong quá trình thực hiện giảm tô, do Đội giảm tô được cắt cử xuống xã không nắm rõ tình hình đặc điểm của địa phương, tiến hành dập khuôn, máy móc đã dẫn tới tình trạng đấu tố quy oan, quy sai thành phần cho nhiều người, nhiều gia đình. Tình hình nông thôn xã Như Cố sau giảm tô hết sức phức tạp. Hiện tượng đảng viên, quần chúng nhân dân mất đoàn kết, không tin tưởng, nghi kỵ lẫn nhau diễn ra ở các thôn xóm.

Tháng 9/1956, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 10, ra Nghị quyết *“Kiên quyết sửa sai trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được”*<sup>(1)</sup>. Tiếp đó, tháng 11/1956, Trung ương Đảng ra Chỉ thị cho các địa phương *“Phải coi công tác sửa chữa sai lầm là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”*<sup>(2)</sup>. Thực hiện chủ trương sửa sai của Trung ương, sau hội nghị cán bộ, đảng viên các cơ quan huyện Bạch Thông học tập chính sách của Đảng về sửa sai cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức (ngày 21/11/1956), các Đội sửa sai đã trực tiếp về các cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo hướng dẫn cấp ủy, chính quyền các xã tiến hành sửa sai. Tại Toàn Thành, Đội sửa sai đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền xã, tiến hành tổ chức cho các đồng chí đảng viên, nhân dân học tập chính sách sửa sai của Đảng. Thông qua đợt sửa sai này, những thành phần phú nông bị quy sai đã được hạ thành phần, người dân bị oan được khôi phục lại danh dự, dần dần người dân và những cán bộ bị quy sai đã hiểu rõ hơn đường lối, chính sách của Đảng, phấn khởi trở lại tham gia các hoạt động của địa phương và hợp tác với Đội sửa sai để hoàn thành công tác, đạt kết quả tốt. Tại Toàn Thành, các trường hợp bị quy là địa chủ đều được

<sup>(1, 2)</sup> Qua Ninh và Văn Đình, *Vấn đề dân cày*, tr.191.

hạ thành phần. Như vậy, sau đợt sửa sai diễn ra sâu rộng trên toàn địa bàn, xã Toàn Thành đã hoàn thành xong công tác sửa sai.

Năm 1956, Đại hội Chi bộ xã Toàn Thành lần thứ II (nhiệm kỳ 1956 - 1959) được tổ chức. Đại hội nghiêm túc kiểm điểm công tác lãnh đạo trên các mặt trong nhiệm kỳ trước, trên cơ sở đó vạch thảo ra phương hướng và các mục tiêu trong giai đoạn phát triển tiếp theo. Đại hội đã bầu đồng chí Dương Văn Hồ làm Bí thư Chi bộ.

Song song với công tác thực hiện giảm tô trên địa bàn, Chi bộ Đảng Toàn Thành tiến hành lãnh đạo toàn thể nhân dân thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất, phục hồi kinh tế. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ xã Toàn Thành tổ chức nhiều hội nghị bàn về công tác lãnh đạo, trong đó vấn đề trọng tâm trước mắt là thực hiện tốt công tác khôi phục, cải tạo kinh tế và củng cố, phát triển tổ đổi công.

Khôi phục kinh tế là một nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong những năm đầu khi hòa bình lập lại. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ Đảng xã Toàn Thành đã tiến hành tổ chức các buổi học tập và tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên, các ban ngành, đoàn thể và quần chúng nhân dân về nhiệm vụ kế hoạch 3 năm (1955 - 1957). Công tác tuyên truyền

được xã thể hiện dưới nhiều hình thức như: đăng áp phích, pa-nô; tổ chức các buổi văn nghệ; thi sáng tác thơ ca trong xã viên; thi sáng tạo các khẩu hiệu tuyên truyền dễ thuộc, dễ nhớ.

Để hoàn thành nhiệm vụ kinh tế đề ra, công tác thủy lợi được Chi bộ Đảng đề cao và chú trọng nhất là thời gian này, tình hình thời tiết có nhiều chuyển biến bất thường, nắng hạn liên tiếp xảy ra nên ngay sau khi chiến tranh kết thúc, Chi bộ Đảng xã đã đề nghị tỉnh hỗ trợ xây dựng công trình đập thủy lợi thôn Nhì Ca. Bên cạnh đó, cấp ủy huy động nhân dân đóng góp hàng ngàn ngày công lao động tiến hành vận chuyển đất đá, đắp đập, dẫn nước để chống hạn, bảo đảm sản xuất mùa vụ. Sau thời gian khẩn trương xây dựng, hòa chung niềm phấn khởi với nhân dân, lễ khánh thành công trình đập thôn Nhì Ca vui mừng chào đón nhiều đồng chí lãnh đạo đến dự: Thượng tướng Chu Văn Tấn - Bí thư Khu ủy Việt Bắc, đồng chí Ma Doãn Thành - Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh. Tại lễ khánh thành, được sự đồng ý của các đồng chí lãnh đạo, nhân dân các dân tộc xã Toàn Thành đề nghị đặt tên cho đập thủy lợi thôn Nhì Ca là đập Chu Văn Tấn. Từ năm 1955 trở đi, công tác chống hạn lại càng trở nên bức thiết và trở thành nhiệm vụ trọng tâm của nhân dân toàn xã. Thực hiện khẩu hiệu "*Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa*", nhân dân trong xã đã tiến hành nhiều biện pháp như khơi thông

mương, phai, đào giếng, gánh nước tưới... để quyết tâm đưa nước vào đồng ruộng.

Cùng với công tác thủy lợi, Chi bộ Đảng xã đã rất chú ý đến việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất từ khâu gieo mạ thưa, cấy dày, nhỏ danh đến việc sử dụng các công cụ sản xuất tiên tiến như dùng cày 51; cào cỏ Nghệ An; bón phân theo đúng độ tuổi trưởng thành của cây trồng; làm phân xanh, phân chuồng bón ruộng; làm quây ủ phân; thực hiện tốt khẩu hiệu “*sạch làng, tốt ruộng*”; ngâm mạ nước nóng 3 sôi 2 lạnh... được thực hiện phổ biến trong nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 21/10/1957 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*Về việc ra sức củng cố, khôi phục và phát triển tổ đổi công*”, Chi bộ xã Toàn Thành đã lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng các tổ đổi công. Trước đây, nhân dân địa phương vốn có tục lệ “*bái nà*”<sup>(1)</sup>, nên Chi bộ Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng tổ đổi công diễn ra khá thuận lợi. Sau 1 năm, trong toàn xã đã xây dựng được 7 tổ đổi công ở tất cả các thôn bản. Sự xuất hiện của tổ đổi công đã giúp người nông dân giải quyết những khó khăn về nhân lực, sức kéo, nông cụ để thực hiện các khâu sản xuất giữa các hộ nông dân, đồng thời

---

(1) “*Bái nà*” là tục lệ nhân dân giúp đỡ nhau trong công việc đồng áng mà không trả công bằng tiền, chỉ mời cơm nhau.

tạo dần ý thức và kinh nghiệm sản xuất tập thể. Tổ đổi công là hình thức lao động tập thể, tiền thân của các hợp tác xã sau này. Sự ra đời của tổ đổi công, sau là tổ hợp công đánh dấu sự thay đổi ban đầu trong nhận thức của nhân dân về con đường làm ăn tập thể, theo xu hướng phát triển từ thấp lên cao kể cả về quy mô và tính chất (từ vài hộ đến cả thôn, từ đổi công theo vụ, theo việc đến hợp sức sản xuất trong cả một vụ). Đây là điều kiện căn bản, bước tập dượt cho cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở Toàn Thành trong những năm sau.

Tuy nhiên, do kinh tế còn khó khăn, ảnh hưởng của công cuộc giảm tô nên công tác củng cố tổ đổi công trong thời gian này chưa thực sự được quan tâm đúng mức, còn nhiều hạn chế và tồn đọng xảy ra trên địa bàn.

Nhờ áp dụng tốt các biện pháp kỹ thuật và sự hăng say lao động trong nhân dân, trải qua hơn một năm thực hiện khôi phục kinh tế, đời sống nhân dân đã được cải thiện ổn định hơn trước. Đến cuối năm 1957, năng suất lúa bình quân đạt 20 - 25 tạ/ha. Cả xã đã cơ bản thoát khỏi tình trạng thiếu đói trầm trọng, vì vậy đã tạo thêm tinh thần phấn khởi cho nhân dân, tích cực hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Cùng với phát triển trồng trọt, xã cũng thúc đẩy chăn nuôi gia súc, gia cầm, tập trung đề phòng dịch bệnh và vệ

sinh chuồng trại đảm bảo sự phát triển của đàn vật nuôi. Vì thế ngành chăn nuôi của xã cũng có những chuyển biến tích cực.

Bên cạnh những thành tựu về khôi phục kinh tế, công tác văn hóa, giáo dục, y tế của xã cũng có những bước phát triển. Năm 1958, xã đã xây dựng được trường cấp I tại Mồ Hạ, Bản Cây. Năm học 1959 - 1960, điểm trường chuyển ra chợ Pác Rạt, Bản Quất. Mặc dù còn thiếu thốn, nghèo nàn, nhưng đội ngũ giáo viên và học sinh hết sức nỗ lực thi đua phong trào “*Day tốt, học tốt*”, nhờ đó công tác giảng dạy và học tập dần đi vào nền nếp. Trong thời gian này, công tác bình dân học vụ tiếp tục được duy trì. Xã đã kết hợp chặt chẽ với các ngành, các giới, nhất là Đoàn Thanh niên, đẩy mạnh phong trào thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân. Một số thôn có phong trào tốt như: thôn Khuổi Chủ, Bản Cây, Nhì Ca, Khuôn Bang.

Công tác y tế trong xã cũng được đẩy mạnh và chú trọng. Năm 1958, trạm xá xã được xây dựng với 3 cán bộ y tế<sup>(1)</sup> về cơ bản đáp ứng cho công tác thăm khám sức khỏe ban đầu của nhân dân.

Sau 3 năm tiến hành khôi phục kinh tế và hoàn thành công cuộc giảm tô, từ năm 1958, nhân dân toàn xã cùng

---

<sup>(1)</sup> Các cán bộ ban đầu của trạm xá là: Dương Thị Lá, Nguyễn Trung Ý, Hà Thị Chúc.

với nhân dân cả nước bước vào thực hiện nhiệm vụ mới: thực hiện kế hoạch kinh tế 3 năm (1958 - 1960), mà nhiệm vụ trọng tâm là tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế.

Quán triệt Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 (tháng 11/1958) và Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 16 (tháng 4/1959), Chi bộ Đảng xã Toàn Thành đã họp bàn về kế hoạch thực hiện chủ trương của Đảng, phân tích đánh giá tình hình thực tế của địa phương, chỉ ra những hạn chế yếu kém và những thành tựu đã đạt được, từ đó tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi công cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, từng bước phát triển cải thiện đời sống nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, từ năm 1958, phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp được thực hiện. Nhận thức rõ ý nghĩa và vai trò của cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, xã đã tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ trong xã, cũng như xóm học tập về bình công, chấm điểm, về chính sách hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp. Phong trào hợp tác hóa phát triển nhanh, đến cuối năm 1960, toàn xã thành lập 8 hợp tác xã quy mô thôn, đó là: hợp tác xã Bản Cây, hợp tác xã Bản Quất, hợp tác xã Nà Chà, hợp tác xã Nà

Roòng, hợp tác xã Nà Tào, hợp tác xã Khuân Bang; hợp tác xã Nà Luống, hợp tác xã Khuổi Chủ<sup>(1)</sup>.

Bằng việc tham gia lao động hợp tác xã, nhân dân đã tích cực sử dụng các biện pháp cải tiến trong sản xuất, nhất là trong công tác làm thủy lợi, cải tạo đất đai, áp dụng khoa học kỹ thuật đã thúc đẩy phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Với sức mạnh làm ăn tập thể, vụ mùa năm 1960, nhân dân các hợp tác xã đã cấy vượt mức diện tích, năng suất tăng 20 kg/sào so với vụ mùa năm 1958. Thắng lợi bước đầu của các hợp tác xã đã giúp cho toàn thể nhân dân trong xã nhận thấy sức mạnh to lớn của tập thể, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nông dân Toàn Thành xin vào hợp tác xã ngày càng đông.

Để củng cố hợp tác xã và tăng thêm niềm tin trong nhân dân, năm 1960, xã cũng đẩy mạnh phong trào “*Chiến dịch cò hồng*” do Huyện ủy tổ chức, tạo nên không khí thi đua sôi nổi trên mặt trận sản xuất. Các công tác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cũng được đẩy mạnh. Công tác thủy lợi được coi là biện pháp quan trọng hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp và thực sự đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp cũng được sử dụng như: cày sâu, bừa kỹ,

---

<sup>(1)</sup> Các hợp tác xã Nà Luống và Khuổi Chủ là hợp tác xã định canh định cư.

cây dày, dùng phân bón, dùng cày, bừa cải tiến... được áp dụng rộng rãi hơn những năm trước.

Ngoài hợp tác xã nông nghiệp, 2 hợp tác xã mua bán và tín dụng cũng được thành lập vào năm 1960. Chủ nhiệm hợp tác xã tín dụng trong giai đoạn đầu là ông Trần Bảo Tín; Thủ quỹ là ông Nguyễn Văn Đạo và Kế toán là ông Nguyễn Văn Thường. Hợp tác xã tín dụng đã thu hút được nhiều người dân tham gia, lập quỹ tín dụng giúp cho nhân dân có thêm vốn đầu tư vào sản xuất, chăn nuôi. Hợp tác xã mua bán do ông Đinh Văn Lạ làm Chủ nhiệm, ông Dương Văn An làm Phó Chủ nhiệm. Hợp tác xã mua bán đảm bảo cung ứng những mặt hàng thiết yếu cho nhân dân.

Toàn Thành là một xã miền núi nên có nhiều điều kiện phát triển lâm nghiệp và cây trồng công nghiệp. Tuy nhiên, do khai thác rừng chưa được kiểm soát tốt nên rừng bị khai thác bừa bãi chỉ còn lại nửa tép, rừng nương ót... Trước thực trạng đó, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, từ những năm 1959 - 1960, xã đã phát động trồng cây gây rừng rộng rãi từ các cơ quan, đoàn thể, trường học đến tận các thôn xóm trong đó chủ yếu trồng cọ, tre, mai, cây ăn quả... Đi đôi với việc trồng cây gây rừng, công tác tuyên truyền cho nhân dân ý thức bảo vệ rừng cũng được coi trọng. Năm 1960, xã tiến hành khoanh rừng, được nhân dân bảo vệ và chăm sóc. Tình hình chặt gỗ bừa bãi

về cơ bản được khắc phục, việc phá rừng làm nương dần bị hạn chế, thực hiện theo sự hướng dẫn của xã.

Song song với trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng được thúc đẩy phát triển. Do làm tốt khâu chăm sóc và vệ sinh chuồng trại, nên đàn gia súc, gia cầm nhìn chung tiếp tục tăng qua các năm.

Cùng với phát triển kinh tế, những năm 1958 - 1960 cũng đánh dấu bước phát triển mới về công tác giáo dục, y tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ ngày càng trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân. Ở các thôn bản đã thành lập được đội văn nghệ quần chúng, thường xuyên duy trì hoạt động, phục vụ nhân dân địa phương, góp phần thiết thực vào xây dựng cuộc sống vui tươi, lành mạnh.

Trong thời gian này, xã cũng tiến hành đẩy mạnh công tác giáo dục. Trường cấp I được củng cố và hoàn thiện hơn. Trường được di chuyển đến địa điểm mới - thuộc xóm Bản Quất (địa điểm thuộc trường Tiểu học Như Cố I hiện nay), gần trung tâm hơn để thuận tiện cho việc đi lại học tập của con em thuộc 2 xã Toàn Thành và Quảng Cố. Trong giai đoạn này, xã cũng mở thêm lớp 1 và lớp 2 tại Đon Càn (Nà Chào ngày nay); năm 1959, mở thêm lớp 1, lớp 2 tại khu Khuổi Luông (thuộc thôn Khuổi Chủ).

Đối với lĩnh vực y tế, hằng năm, xã đã tích cực tổ chức các buổi tuyên truyền về việc phòng bệnh, chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho toàn thể nhân dân. Phong trào phòng bệnh, thực hiện vệ sinh phòng bệnh dịch cũng đạt được những kết quả bước đầu như: xây dựng các công trình vệ sinh giếng nước; hố xí; xây chuồng trâu xa nhà; uống nước đun sôi; nằm ngủ mắc màn; tử thuốc cá nhân... Trạm xá xã cũng tổ chức tuyên truyền cho các chị em phụ nữ hiểu biết thêm về cách thức chăm sóc trong thai kỳ và trẻ em. Năm 1960, xã có 3 y tá và 2 nữ hộ sinh<sup>(1)</sup>. Trạm xá được trang bị những dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết, đảm bảo cho việc chữa các bệnh thông thường.

Những kết quả đạt được trong công tác cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa trong 3 năm (1958 - 1960) của xã Toàn Thành bắt nguồn từ sự trưởng thành của Chi bộ Đảng. Để nâng cao vai trò lãnh đạo của Chi bộ đối với địa phương, xã đã chú trọng nâng cao trình độ giác ngộ cho cán bộ, đảng viên, tổ chức các buổi học tập đường lối, chính sách của Đảng; nghị quyết của tỉnh, huyện một cách thường xuyên, qua đó, cán bộ xã đã nhận thức rõ hơn đường lối quan điểm của Đảng về việc thực hiện con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó nâng cao ý thức, lập

---

<sup>(1)</sup> Y tá là: Lục Thị Thơm, Lương Thị Mùi, Hoàng Thị Mười; 2 hộ sinh là: Lương Thị Chúc, Lương Thị Địa.

trường, trách nhiệm của người đảng viên với nhân dân, với Đảng, với Nhà nước.

Trải qua những năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, Chi bộ Đảng được củng cố, đảng viên được thử thách, nhiều quần chúng ưu tú đã từng rèn luyện, hoạt động tích cực qua các phong trào được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng như đồng chí Dương Văn An, Nguyễn Văn Được, Đinh Văn Lạ... từ đó nâng cao sức chiến đấu trong Đảng.

Năm 1960, Chi bộ Đảng Toàn Thành lãnh đạo nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội khóa II. Công tác tuyên truyền được triển khai tích cực, khẩu hiệu, pa-nô, áp phích được kẻ vẽ ở khắp các thôn bản động viên nhân dân đi bầu cử. Nhân dân trong xã đã phấn khởi tham gia bầu cử, bầu ra những đại diện cho ý chí và nguyện vọng của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất.

Bộ máy chính quyền và các đoàn thể cũng được kiện toàn. Chính quyền xã làm tốt vai trò là cơ quan điều hành các công việc của địa phương, trực tiếp triển khai các nghị quyết, văn bản của Chi bộ. Thời kỳ này, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã do đồng chí Dương Văn Hồ đảm nhiệm, đồng chí Hà Sĩ Nghiên làm Phó Chủ tịch.

Công tác củng cố khối đại đoàn kết dân tộc của Mặt trận Tổ quốc cũng có nhiều hoạt động tích cực. Mặc dù còn khó khăn, song Mặt trận Tổ quốc xã đã làm tốt các công

tác tuyên truyền nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan; thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng...

Hoạt động của Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân... cũng có nhiều tiến bộ. Thanh niên là lực lượng xung kích đi đầu trong nhiều phong trào làm thủy lợi, làm phân xanh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Chị em phụ nữ tham gia tích cực trong các phong trào như: làm phân bón, tăng gia sản xuất, động viên chồng con lên đường ra trận, đảm nhiệm vai trò hậu phương vững chắc.

## **II. Chi bộ xã Toàn Thành - Như Cố lãnh đạo nhân dân tiến hành thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)**

Để phục vụ cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, theo sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và sự cho phép của Huyện ủy Bạch Thông, đầu năm 1960, Chi bộ xã Toàn Thành đã tổ chức Đại hội lần thứ III (nhiệm kỳ 1960 - 1964). Đại hội đã tổng kết những kết quả mà Chi bộ và nhân dân xã Toàn Thành đạt được từ sau ngày miền Bắc giải phóng. Đại hội đánh giá: Trong 5 năm qua, xã đã có những bước phát triển căn bản, quan trọng, đánh dấu sự thay đổi rõ rệt trên quê hương Toàn Thành. Bằng sự quyết tâm cao, với niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng quang vinh, đồng bào các dân tộc trong xã đã vượt

lên trên cái đời để từng bước khắc phục khó khăn do thiên tai gây ra, phục hồi và phát triển kinh tế, dần xác lập quan hệ sản xuất mới. Sự ra đời của các tổ đổi công, sau là tổ hợp công và phát triển hơn nữa là các hợp tác xã (dù còn là hợp tác xã bậc thấp) đã mở đầu cho quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa của địa phương. Cùng với đó, nền văn hóa mới cũng đang được xây dựng, nhân dân được học hành, quan tâm tới sức khỏe hơn trước, đời sống tinh thần phong phú, đa dạng hơn. Những kết quả này không tách rời vai trò lãnh đạo của Chi bộ và chính quyền, càng không thể thiếu sự cố gắng, nỗ lực và ủng hộ của nhân dân. Tuy nhiên, cũng đã nhìn nhận những hạn chế trong nhiệm kỳ vừa qua đó là sự phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững trên tất cả các mặt... Từ những nhận định trên, Đại hội xác định nhiệm vụ cho những giai đoạn cách mạng tiếp theo, trước mắt là thời kỳ 1960 - 1964. Đại hội đã bầu đồng chí Hà Văn Cát làm Bí thư Chi bộ. Sau Đại hội, các đồng chí được tin nhiệm đã phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tạo được sự tin nhiệm đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác lãnh đạo. Các đồng chí được đánh giá là những cán bộ có năng lực, nhiệt tình trong công tác<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> *Huyện Chợ Mới - Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2012)*, Nxb. Đại học Thái Nguyên, 2013, tr.88.

Tháng 9/1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III được tổ chức. Đại hội đã đề ra chủ trương mới là: Thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Tại Toàn Thành, sau 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1958 - 1960) đã có những chuyển biến mới. Đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa của đại đa số nhân dân đã được tăng lên. Chi bộ Đảng từng bước được kiện toàn, củng cố và phát triển. Qua thực tiễn, đội ngũ cán bộ từng bước được trưởng thành. Đây là những bước chuẩn bị quan trọng để Chi bộ Đảng xã Toàn Thành bước vào thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965).

Căn cứ vào chủ trương của Đảng và sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ Đảng đã phân tích tình hình cụ thể của địa phương và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho thời kỳ mới là: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, lấy sản xuất lương thực làm khâu chính, trên cơ sở đó mà phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng cùng các nghề phụ khác, nhằm phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao dân trí, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi; củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Trước nhận thức đó, Chi bộ xã Toàn Thành đã rất chú trọng đến công tác củng cố và phát triển hợp tác xã. Từ năm 1961 đến năm 1965, xã đã cất cử những cán bộ chủ chốt làm công tác quản lý trong hợp tác xã tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các Ban quản trị hợp tác xã, nhất là từ năm 1963 đến năm 1965, qua 2 vòng cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp của Huyện ủy Bạch Thông, các cán bộ xã, cán bộ hợp tác xã được củng cố, bồi dưỡng học tập nghiệp vụ quản lý sản xuất, quản lý nhân lực, tài vụ, nên phong trào hợp tác xã có bước tiến về tổ chức. Năm 1961 đến năm 1965, 2 hợp tác xã nhỏ Nà Roòng, Nà Tào hợp lại thành 1 hợp tác xã lớn đặt tên là hợp tác xã Nhất Tâm. Chủ nhiệm là ông Dương Văn Mèo, Phó Chủ nhiệm là ông Dương Văn Chấm. Thời kỳ này, xã cũng thành lập được tổ sơn tràng và tổ trồng dâu nuôi tằm<sup>(1)</sup>. Hoạt động của tổ sơn tràng chủ yếu tập trung vào các công việc như: khai thác gỗ theo đúng quy định; trồng cây công nghiệp trên các vùng đồi núi như: sắn, bạch đàn.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác hóa trong thời gian này cũng có những khó khăn. Nguyên nhân là do trình độ nhận thức của cán bộ quản lý hợp tác xã còn thấp nên mắc phải một số những sai lầm như: không để cho nhân dân tự suy nghĩ chọn lựa trên lưng cây của họ; không tôn trọng 3

---

<sup>(1)</sup> Thông tin do đồng chí Hà Văn Tung cung cấp.

nguyên tắc của hợp tác xã<sup>(1)</sup>; quản lý nhân lực và tài vụ còn lúng túng; phong trào cải tiến kỹ thuật tuy có áp dụng rộng rãi, nhưng thiếu đồng bộ và thường xuyên nên năng suất lao động không cao, sản lượng lương thực bình quân không tăng nhiều dẫn đến phong trào hợp tác hóa lên xuống thất thường.

Cùng với công tác đẩy mạnh phát triển hợp tác hóa, xã cũng đẩy mạnh phát triển kinh tế, mở rộng sản xuất, tăng năng suất cây trồng, đáp ứng nhu cầu lương thực trong nhân dân và hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước. Từ đầu năm 1961, xã Toàn Thành tích cực phát động phong trào: “Đèo Giàng anh dũng - Đông xuân quyết thắng”, vụ chiêm năm 1961, toàn xã đã cấy vượt kế hoạch gieo trồng. Trong đó, xã đã đưa giống lúa Nam Ninh mới vào sản xuất, phù hợp với thổ nhưỡng và cho năng suất cao.

Xã cũng tiếp tục áp dụng triệt để khoa học kỹ thuật như sử dụng công cụ lao động tiên tiến, cày sâu, cấy dày, nhỏ dảnh, làm cỏ, bón phân... tiến hành làm nhiều công trình thủy lợi như đào và khơi thêm nhiều kênh mương mới, bảo đảm nguồn nước tưới cho khắp các cánh đồng. Ngoài việc trồng lúa nước, lúa nương, hoa màu cũng được chú trọng phát triển với phương châm “Đưa cây màu xuống ruộng”, đã mang lại kết quả tốt, góp phần to lớn vào việc giải quyết vấn đề lương thực tại địa phương.

<sup>(1)</sup> Ba nguyên tắc của hợp tác xã: tự nguyện, quản lý dân chủ, cùng có lợi.

Để đảm bảo sức kéo và nguồn phân bón phục vụ cho nông nghiệp, xã cũng rất chú trọng đến việc phát triển đàn trâu. Tuy nhiên, do công tác chăm sóc chưa được đảm bảo, nên số nghé nuôi được sau khi đẻ đạt tỷ lệ rất thấp, chỉ đạt 56,1%, do vậy, năm 1962, đàn trâu trên địa bàn xã giảm 4,7%. Tuy nhiên, những năm 1963 - 1964, sau khi họp bàn kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nhất là nhờ chế độ công điểm hợp lý, thực hiện chủ trương phân tán đàn trâu về với từng hộ gia đình, đã khuyến khích người dân chú ý hơn đến sức khỏe đàn trâu cày, nên đàn trâu lại phát triển bình thường và tăng cao hơn trước.

Về chăn nuôi lợn, do vấn đề giống không đủ cung cấp, các kỹ thuật chăn nuôi không được phổ biến đầy đủ và thường xuyên cùng với chính sách quản lý thị trường (không cho nhân dân bán lợn ra ngoài địa bàn huyện) và giá cả thu mua không hợp lý, nên đàn lợn trong 2 năm (1961 - 1962) có chiều hướng giảm sút. Trước thực trạng đó, xã đã có những chỉ đạo tích cực và cụ thể tới từng hộ gia đình, trong đó, tập trung vào việc nâng cao chất lượng con giống; phổ biến rộng rãi kỹ thuật chăn nuôi; điều chỉnh phương thức quản lý và giá cả phù hợp với lợi ích của người chăn nuôi nên đàn lợn tăng lên.

Cùng với chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng được xã chú trọng. Đàn gia cầm chủ yếu tập trung vào nuôi gà, vịt và tăng dần qua các năm.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, song Chi bộ Đảng xã Toàn Thành cũng rất chú trọng đến công tác văn hóa - xã hội. Nhận thức vai trò to lớn của công tác giáo dục, xã đã đẩy mạnh công tác vận động con em các gia đình đến lớp, đồng thời cũng đầu tư củng cố thêm cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng dạy và học của toàn thể học sinh và giáo viên trong xã. Phong trào thi đua “Hai tốt” được đông đảo học sinh và thầy, cô giáo tham gia, nên chất lượng giáo dục ngày càng phát triển.

Song song với công tác giáo dục, xã tiến hành lãnh đạo toàn thể nhân dân tiến hành công tác thực hiện cuộc vận động xây dựng và thực hiện quy ước nếp sống mới, cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, các tệ nạn xã hội là cuộc đấu tranh lâu dài và phức tạp, nhưng nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của chính quyền, phong trào đã chuyển biến một bước khá dài. Các hình thức tuyên truyền hết sức phong phú như: thông qua phim ảnh, các phong trào văn nghệ quần chúng; xây dựng quy ước giảm bớt ma to, cưới lớn; tích cực vận động nhân dân dần bỏ những tập tục mê tín dị đoan. Đến năm 1965, các tệ nạn mê tín như cúng ma, cầu thần, bói toán trong xã giảm từ 70 - 90%.

Về công tác quốc phòng an ninh, Chi bộ xã xác định, đây là giai đoạn rất nhạy cảm, nhất là, đế quốc Mỹ thường xuyên cho các phần tử phản động tuyên truyền xuyên tạc, chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền

Bắc, đồng thời đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam. Để đối phó với mọi tình huống xảy ra, dưới sự chỉ đạo trực tiếp từ Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ Đảng xã Toàn Thành đã xác định: phải đặt công tác đề phòng âm mưu khiêu khích phá hoại của địch thành một trong những công tác thường xuyên. Lực lượng dân quân, du kích trong xã phải được huấn luyện các phương án sẵn sàng chiến đấu, vây bắt biệt kích nhảy dù. Nhân dân trong xã cũng làm tốt công tác phòng không nhân dân. Xã đã chỉ đạo toàn thể nhân dân tiến hành các cuộc diễn tập thường xuyên như: tổ chức các đội cứu thương; phòng cháy chữa cháy; tổ sẵn máy bay; xây dựng mạng lưới thông tin, trạm quan sát máy bay, ụ phòng không chiến đấu... góp phần nâng cao tinh thần tự tin đánh giặc, chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ lần thứ nhất năm 1965.

Để lãnh đạo phong trào cách mạng của xã phát triển, ngay từ năm 1961, xã Như Cố, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy đã xác định: Công tác củng cố xây dựng Đảng là nhiệm vụ thường xuyên của Chi bộ. Chi bộ Đảng đã mở các đợt củng cố trong 2 năm (1961 - 1962), nhằm làm cho đảng viên có đủ trình độ, khả năng quản lý hợp tác xã. Về tổ chức, Chi bộ đã chia các tổ Đảng theo đơn vị hợp tác xã, xác định rõ trách nhiệm của mỗi tổ Đảng với từng hợp tác xã, mỗi đảng viên được giao nhiệm vụ rõ ràng. Lãnh đạo xã thường xuyên kiểm tra đôn đốc, đánh giá chất lượng

đảng viên theo nhiệm vụ được giao. Đầu năm 1965, Chi bộ triển khai cuộc vận động xây dựng “*Bốn tốt*” do Trung ương Đảng phát động, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cho đảng viên và được các đồng chí hưởng ứng. Qua học tập mục đích, yêu cầu và tiêu chuẩn của cuộc vận động xây dựng “*Bốn tốt*”, nhiều tổ Đảng đăng ký thi đua xây dựng tổ Đảng “*Bốn tốt*” và tỷ lệ đạt cao. Chi bộ Đảng ngày càng được củng cố vững chắc cả về số lượng và chất lượng. Trong thời gian này, Chi bộ Đảng xã Toàn Thành được đánh giá là một trong những đơn vị khá nhất về công tác xây dựng Đảng<sup>(1)</sup>. Thông qua các cuộc vận động thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước và cuộc vận động xây dựng Đảng, trong 5 năm (1961 - 1965), Chi bộ Đảng xã Toàn Thành đã kết nạp được 7 đảng viên mới.

Ngày 12/5/1964, theo Quyết định số 150-QĐ/NV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn, xã Toàn Thành đổi tên là xã Như Cố<sup>(2)</sup>.

Như vậy, từ năm 1954 đến năm 1965, sau hơn 10 năm thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ Đảng xã Toàn Thành - Như Cố đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc khôi phục và cải tạo kinh tế - xã hội chủ

<sup>(1)</sup> *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, tr.167.

<sup>(2)</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (1975 - 2005)*, Bắc Kạn, 2005, tr.407.

nghĩa và kế hoạch kinh tế Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Mặc dù còn nhiều khó khăn, song những thắng lợi đó đã góp phần cổ vũ tinh thần nhân dân trong xã bước vào thời kỳ mới đầy khó khăn và gian khổ.

## Chương V

# CHI BỘ - ĐẢNG BỘ XÃ NHƯ CỐ TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CHỐNG LẠI CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM (1965 - 1975)

**I. Chi bộ - Đảng bộ xã Như Cố trực tiếp lãnh đạo nhân dân chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, giữ vững sản xuất, phát triển văn hóa, xã hội (1965 - 1968)**

Sau khi cuộc “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ (1961 - 1965) thất bại hoàn toàn, năm 1965, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn lại tiếp tục thực hiện một cuộc chiến tranh mới, lấy tên là “*Chiến tranh cục bộ*”, trên chiến trường miền Nam và đồng thời dựng lên “*Sự kiện Vịnh Bắc Bộ*”, gây ra cuộc chiến tranh ở miền Bắc bằng không quân và hải quân với mục đích “*Đưa miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá*”. Đứng trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 3/1965) ra Nghị quyết xác định: “*Trong cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân*

*cả nước chống đế quốc Mỹ, miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn, miền Bắc vẫn là hậu phương lớn, nhưng nhiệm vụ của miền Bắc vẫn là vừa xây dựng vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam*<sup>(1)</sup>.

Trong điều kiện cả nước có chiến tranh, nhiệm vụ của Như Cố cũng như nhiệm vụ của nhân dân toàn miền Bắc là “*Vừa chiến đấu, vừa sản xuất*”, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đồng thời chi viện sức người, sức của, cùng đồng bào miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà. Do yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh cho phù hợp với điều kiện mới, ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 103-NQ/TVQH đã phê chuẩn việc hợp nhất 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái.

Trước những nhiệm vụ chính trị to lớn đặt ra trong tình hình mới, năm 1965, Chi bộ Đảng xã Như Cố đã tiến hành tổ chức Đại hội lần thứ IV (nhiệm kỳ 1965 - 1969). Đại hội bầu đồng chí Hà Văn Cát làm Bí thư Chi bộ<sup>(2)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1945 - 1975), Những sự kiện lịch sử quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.123.

<sup>(2)</sup> Năm 1966, đồng chí Hoàng Văn Chung được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ thay đồng chí Hà Văn Cát.

Đầu năm 1967, theo Quyết định số 111-QĐ/NV của Bộ Nội vụ, xã Như Cố và 9 xã, thị trấn khác của huyện Bạch Thông sáp nhập vào huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

Ngày 10/8/1967, căn cứ vào số lượng đảng viên sinh hoạt trên địa bàn Như Cố, đáp ứng yêu cầu cần có sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các mặt, Huyện ủy Phú Lương đã ra quyết định chuẩn y thành lập Đảng bộ xã Như Cố trên cơ sở chi bộ Đảng trước đó. Đồng chí Hoàng Văn Chung được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Dương Văn Quý làm Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Thị Điện làm Thường vụ<sup>(1)</sup>.

Trước chủ trương của Chính phủ đặt ra về sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn này là: *“Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi; cây công nghiệp tăng, bảo vệ sản xuất tốt, chiến đấu anh dũng và tổ chức tốt đời sống”*, trong những năm 1966 - 1967, xã Như Cố đã tập trung hết sức vào công tác sản xuất nông nghiệp, chỉ đạo nhân dân chuẩn bị giống tốt, đủ phân bón, gieo trồng đúng thời vụ; mở các lớp tập huấn kỹ thuật chăm bón, phòng trừ sâu bệnh cho cán bộ kỹ thuật hợp tác xã; hướng dẫn bà con nông dân phát hiện và phòng trừ sâu bệnh. Nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, năng suất lúa gieo cấy

<sup>(1)</sup> Nghị quyết số 37-NQ/HU ngày 10/8/1967 của Huyện ủy Phú Lương về việc công nhận Ban Chấp hành Đảng ủy, Chi ủy mới.

năm (1966 - 1967) đạt bình quân 25 tạ/ha. Cùng với cây lúa, xã cũng đẩy mạnh trồng màu, tổ chức các hợp tác xã chuyên trồng rau xanh phục vụ đời sống nhân dân và đáp ứng nhu cầu chiến đấu nên sản lượng hoa màu ngày càng tăng.

Năm 1967, trong thời gian này, do thời tiết khắc nghiệt, hạn hán kéo dài, sương muối, đã làm ảnh hưởng đến năng suất lúa trên toàn xã. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Phú Lương, xã đã chỉ đạo nhân dân làm thủy lợi, chống hạn cứu lúa và hoa màu. Chính vì vậy, tuy năm 1967, diện tích gieo trồng có giảm hơn so với năm 1966, nhưng năng suất của xã vẫn đạt 27 tạ/ha.

Là một xã miền núi, nên Như Cố có nhiều khả năng phát triển rừng, cây công nghiệp. Thời gian trước đây, xã Như Cố là một trong 3 xã có tình trạng phá rừng làm nương rẫy đặc biệt nghiêm trọng trong toàn huyện. Tuy nhiên, sang năm 1967, công tác tu bổ, tái sinh rừng có nhiều chuyển biến. Như Cố cùng với một số xã khác như Nông Thịnh, Sơn Cẩm, Cổ Lũng là những xã làm tốt công tác bảo vệ rừng, tu bổ rừng tốt nhất toàn huyện. Huyện Phú Lương đã nhận định: *“Phong trào trên 4 xã này so với huyện ta vẫn còn nhỏ bé, nhưng đây là một nhân tố mới, là sự chuyển biến có tính chất cách mạng”*<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Báo cáo Tổng kết kế hoạch năm 1967 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương.

Về chăn nuôi, do thời tiết khắc nghiệt, tình hình đàn trâu, bò bị chết rét nhiều, đã ảnh hưởng đến sức kéo, thiếu phân bón, nên đó là một trong những khó khăn, thách thức lớn cho nhân dân trong đợt sản xuất vụ mùa năm 1967. Tuy nhiên, trong thời gian này, đàn lợn vẫn khá ổn định. Đàn lợn tập thể năm 1967 tăng hơn năm 1966 là 1,77%. Trong khi đó, đàn lợn trong các gia đình xã viên còn tăng cao hơn.

Mặc dù có nhiều khó khăn, song phong trào hợp tác hóa tiếp tục được củng cố và phát triển. Từ tháng 3/1967, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Phú Lương, nhất là sau Đại hội đại biểu huyện Phú Lương lần thứ X (ngày 19/5/1967), tình hình Đảng bộ ngày càng được củng cố, đã lãnh đạo các hợp tác xã và nông dân tích cực hơn nữa trong việc tiến hành vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật. Mọi mặt trong hợp tác xã được ổn định hơn và từng bước tiến lên. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, kinh tế tập thể hợp tác xã ngày càng phát huy sức mạnh trong thời chiến. Tính đến năm 1967, tình hình hợp tác xã Như Cố có nhiều chuyển biến, từ các hợp tác xã nhỏ, lúc này xã có 4 hợp tác xã là: hợp tác xã Bản Cây do ông Hà Văn Đặng làm Chủ nhiệm, ông Nguyễn Văn Đạo làm Phó Chủ nhiệm; hợp tác xã Nhì Ca do ông Dương Văn Mèo làm Chủ Nhiệm, ông Lương Cập Bàn làm Phó Chủ nhiệm; hợp tác xã Nà Luống do ông Triệu

Phúc Long làm Chủ nhiệm, ông Đặng Đăng Kinh làm Phó Chủ nhiệm; hợp tác xã Khuổi Chủ do ông Đặng Đăng Sương làm Chủ nhiệm, ông Triệu Xuân Báo làm Phó Chủ nhiệm. Quan hệ sản xuất mới được xây dựng và củng cố. Tuy nhiên, nhìn chung quy mô còn nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật mới bước đầu được xây dựng, việc áp dụng kỹ thuật vào sản xuất còn chậm.

Bên cạnh hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng được củng cố thêm một bước, nội dung hoạt động phục vụ cho sản xuất bước đầu có những chuyển biến, xã viên tham gia vào hợp tác xã tăng lên, cán bộ hợp tác xã được cử tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán về công tác tăng cường quản lý nguồn tiền vốn tiết kiệm của nhân dân, từ đó đã tăng cường huy động tiền tiết kiệm trong nhân dân tương đối hiệu quả.

Năm 1967, hợp tác xã mua bán Như Cố hoạt động tốt hơn so với năm 1966, bán hàng công nghệ phẩm phục vụ cho nhân dân cả năm đạt 107,3%, vượt 1,3% so với năm 1966<sup>(1)</sup>. Hợp tác xã mua bán cũng thực hiện tốt vai trò của mình, đảm bảo các nhu cầu thiết yếu cho nhân dân các dân tộc trong xã như muối ăn, dầu thắp sáng, giấy bút học sinh, vải vóc, thuốc chữa bệnh...

---

<sup>(1)</sup> Báo cáo Tổng kết kế hoạch năm 1967 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương.

Mặc dù trong tình trạng chiến tranh song công tác giáo dục của xã cũng được chú trọng. Xã Như Cố đã xác định: vấn đề dạy và học là một nhu cầu cần thiết và quan trọng của địa phương, coi đó là một bộ phận trong chiến lược con người, có ảnh hưởng lớn tới quá trình đi lên mọi mặt của địa phương trong tương lai. Vì thế, Như Cố quyết tâm phấn đấu để tất cả trẻ em đến tuổi đều được đến trường. Các trường lớp được tu sửa, xây dựng thêm đáp ứng nhu cầu học ngày càng cao của con em trong xã. Số lượng học sinh tham gia lớp học đúng độ tuổi ngày càng đông. Để nâng cao chất lượng dạy và học, Đảng bộ xã Như Cố cũng rất chú trọng đến công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên. Hằng năm, tất cả giáo viên đều được cử tham gia vào lớp tập huấn do Huyện ủy tổ chức vào mỗi kỳ nghỉ hè. Nhìn chung, mặc dù còn rất khó khăn nhưng tất cả các giáo viên đều rất chú ý đến đạo đức người thầy, trau dồi thêm kiến thức, nghiệp vụ, nhiệt tình, yêu nghề và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trên mặt trận văn hóa, xã tiếp tục củng cố các tổ, đội văn nghệ quần chúng, chú ý và làm phong phú các nội dung biểu diễn, động viên cổ vũ tinh thần yêu nước, căm thù giặc trong nhân dân. Từ năm 1966, xã Như Cố thành lập Ban thông tin văn hóa. Tuy mới được thành lập nhưng phòng ban này đã hoạt động rất sôi nổi, góp phần động

viên nhân dân hăng hái, tích cực trong lao động sản xuất và nghĩa vụ chống Mỹ, cứu nước. Năm 1967, trong 24 xã với 12 tổ, đội văn nghệ trong toàn huyện, đội văn nghệ xã Như Cố được đánh giá là một trong 7 tổ hoạt động tốt nhất<sup>(1)</sup>. Đội văn nghệ xã đã tự sáng tác, tự biên tự diễn để phục vụ cho nhu cầu sản xuất, chiến đấu, được bà con nhân dân yêu thích.

Song song với phát triển văn hóa, giáo dục, nhiệm vụ phát triển y tế cũng được Đảng bộ xã Như Cố chú trọng. Trạm xá xã được củng cố, đội ngũ cán bộ y tế cũng được tăng cường. Trong năm 1966 - 1967, trong xã có nhiều bệnh dịch như sốt rét, cúm, thương hàn... nhưng nhờ có sự vào cuộc kịp thời của lãnh đạo xã và tinh thần trách nhiệm cao của các cán bộ y tế trong xã nên dịch bệnh được dập tắt kịp thời, đảm bảo sức khỏe của nhân dân trong toàn xã.

Để đạt được những thành công to lớn trong những năm tháng chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 - 1968), Chi bộ - Đảng bộ xã Như Cố rất chú trọng đến công tác xây dựng Đảng, tuyên truyền và áp dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, phát huy được sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong toàn xã.

---

<sup>(1)</sup> 7 tổ văn nghệ hoạt động tốt nhất bao gồm: Nông Thịnh, Yên Đổ, Ôn Lương, Túc Tranh, Động Đạt, Yên Cư, Như Cố.

Công tác phát triển đảng viên được coi là nhiệm vụ trọng tâm đối với yêu cầu xây dựng Đảng. Trong thời kỳ này, số lượng đảng viên mỗi năm đều tăng. Chất lượng đảng viên cũng ngày càng được nâng cao. Thực hiện phong trào “*Bốn tốt*” do Trung ương Đảng phát động, các tổ Đảng hoàn thành các nhiệm vụ được giao, năm 1965, 80% đảng viên xếp loại khá và tốt. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, công tác xây dựng Đảng trong Đảng bộ xã cũng còn một số hạn chế như: công tác giáo dục đảng viên mới chưa đạt kết quả cao, chưa sâu rộng; tư tưởng bảo thủ, quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng còn tồn tại khá phổ biến...

Cùng với phát triển kinh tế, ổn định về chính trị, thời gian này, nhân dân xã Như Cố cũng như nhân dân cả nước bước vào cuộc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ rất gay go, ác liệt.

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, nhân dân xã Như Cố, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện Phú Lương, đã cùng với cả nước trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng, thực hiện quyết tâm “*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Một trong những nhiệm vụ cấp bách là phải tăng cường lực lượng vũ trang cả về số lượng và chất lượng theo Nghị quyết 11 (tháng 3/1965) và Nghị quyết 12 (tháng 12/1965) của Đảng, thực hiện tốt phương châm: “*Lấy huấn luyện làm trọng tâm, lấy phòng thủ trị an sẵn sàng chiến đấu làm mục tiêu xây*

*dựng đơn vị quyết thắng*”, nên số lượng dân quân tự vệ của xã hằng năm đều tăng, hoàn thành tốt các chương trình huấn luyện, sẵn sàng phục vụ chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Với những thành tích đó, trung đội dân quân Khuổi Chủ, Khuôn Bang và tiểu đội dân quân Bản Cây được Huyện đội Phú Lương công nhận là đơn vị quyết thắng<sup>(1)</sup>.

Năm 1967, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra hầu hết các tỉnh miền Bắc. Trước sự ném bom ác liệt của đế quốc Mỹ, các tuyến đường trên địa bàn huyện bị hư hại nhiều bị địch thường xuyên ném bom với mục đích cắt đứt mạch máu giao thông. Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân trong xã cùng với nhân dân toàn huyện ngày đêm cất cử nhân công tiến hành san lấp hố bom, sửa chữa cầu cống.

Thực hiện chỉ thị *“Phát động một tháng đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân”* ngày 25/3/1967 của Tỉnh ủy Bắc Thái, xã Như Cố dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Phú Lương, đẩy mạnh công tác phòng không sơ tán, giãn dân ở những khu tập trung, tổ chức xây dựng hệ thống hầm hào, công sự chiến đấu, sẵn sàng đánh trả các cuộc tấn công bằng máy bay của đế quốc Mỹ. Đảng bộ đã

---

<sup>(1)</sup> Thông tin do đồng chí Hà Văn Tung cung cấp và được thống nhất tại Tọa đàm Lịch sử Đảng bộ xã Như Cố ngày 26/4/2017.

phát động nhân dân trồng cây tán rộng để che tầm nhìn của máy bay địch; đào hào xung quanh nhà trường, gia đình trên toàn bộ địa bàn xã; mỗi gia đình phải đào 1 hầm chữ A gần nhà để sẵn sàng xuống hầm trú ẩn ngay khi phát hiện thấy máy bay địch.

Trong thời gian chống chiến tranh phá hoại của địch (1965 - 1968), xã Như Cố bị máy bay Mỹ ném bom xuống 3 thôn: Nà Luống, Bản Quất, Bản Cây trong đó, thôn Bản Cây có ông Hà Quán Lâm, thôn Bản Quất có ông Hà Sỹ Hồ bị bom bi bắn vào chân, bà Nguyễn Thị Việt bị bom bi bắn vào bụng. Cũng trong thời gian này, trên địa bàn xã có 2 máy bay tránh tên lửa do bị quân ta bắn đuổi, bay đến Khuổi Giàng cất bom, bị rơi xuống khe, bốc cháy nhưng không có thiệt hại về người<sup>(1)</sup>.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng trải qua những năm tháng trực tiếp sản xuất, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, Chi bộ - Đảng bộ xã Như Cố đã hoàn thành tốt 2 nhiệm vụ song song đó là “*Vừa chiến đấu, vừa sản xuất*”, từng bước trưởng thành và hoàn thiện về mọi mặt. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ - Đảng bộ xã Như Cố, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, chính trị, y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh đều được giữ vững; đời sống

---

<sup>(1)</sup> Tư liệu do ông Trần Văn Minh, thôn Khuổi Chủ; ông Ma Văn Nguyên, thôn Nà Roòng cung cấp và đã được thống nhất tại Tọa đàm Lịch sử Đảng bộ xã Như Cố ngày 26/4/2017.

Tuy nhiên, bước vào năm 1968, xã Như Cố cũng như toàn huyện Phú Lương gặp rất nhiều khó khăn, thiên tai liên tiếp xảy ra như: dịch sâu đục thân hoành hành rộng khắp trên các cánh đồng trong toàn xã, làm cho diện tích mạ bị khô héo, chết lụi; tháng 7/1968, tình trạng thời tiết nắng gay gắt diễn ra liên tục, gây ra hạn hán kéo dài, nhiều cánh đồng không có nước tưới, bị hoang hóa. Từ ngày 09/8/1968, trận mưa lớn kéo dài trên diện rộng đã làm nước sông Cầu và các khe suối trong xã dâng cao gây lụt lớn. Trên địa bàn xã, nhiều diện tích lúa bị ngập úng, làm 7 máy bơm nước ở Hợp Thành và Như Cố bị cuốn trôi<sup>(1)</sup>, hầu hết các công trình thủy lợi trong xã đều bị hư hỏng nặng.

Để khắc phục hậu quả thiên tai, Đảng bộ xã đã chỉ đạo nhân dân thực hiện các biện pháp hết sức tích cực để hạn chế những thiệt hại nặng nề. Để phòng chống sâu đục thân, xã đã chỉ đạo toàn thể nhân dân phun thuốc trừ sâu trên diện rộng, không sử dụng mạ ở những đám ruộng bị sâu làm hư hại từ 70% trở lên; đối với đám mạ bị sâu làm hư hại dưới 70%, trước khi cấy phải tẩm mạ qua thuốc trừ sâu; tiến hành gieo thêm mạ mới phục vụ đủ mạ cấy lúa. Để khắc phục khô hạn do nắng nóng, xã chỉ đạo toàn thể nhân dân, tập trung nhân lực, tu sửa

---

<sup>(1)</sup> Huyện ủy Phú Lương, *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955 - 2000)*, 2005, tr.130.

nao vét kênh mương, đắp bờ, lắp máy bơm nước tưới ruộng, thu hẹp diện tích bị hạn, đẩy nhanh tốc độ cấy lúa mùa; đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, vận động nhân dân tích cực trồng các loại cây hoa màu, đưa hệ số quay vòng đất tăng từ 1,2 lần năm 1967 lên 1,7 lần năm 1968. Để khắc phục hậu quả do lũ lụt gây ra, ngay đêm 08, rạng ngày 09/8/1968, xã chỉ đạo nhân dân tiến hành di chuyển tài sản của tập thể và của nhân dân từ chỗ thấp lên chỗ cao, tổ chức chỉ đạo các thôn, xóm sẵn sàng đối phó với lũ, đồng thời tập trung lãnh đạo giải quyết hậu quả của lũ lụt, ổn định đời sống nhân dân.

Trước sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy và sự tích cực của bà con xã viên, đến cuối tháng 8/1968, cơ bản xã đã cấy xong diện tích lúa mùa. Năm 1968, tuy diện tích gieo cấy lúa không đạt so với kế hoạch đề ra, sản lượng thóc giảm, nhưng nhờ thúc đẩy trồng cây hoa màu nên năng suất lương thực vẫn đạt so với năm 1967. Cùng với sản xuất lương thực, thực phẩm, nghề rừng và chăn nuôi cũng có những bước phát triển, góp một phần vào việc ổn định đời sống nhân dân sau những hiện tượng thiên tai, thời tiết cực đoan gây ra.

Trước những khó khăn về sản xuất năm 1968, Huyện ủy Phú Lương đã tiến hành họp hội nghị, đưa ra phương hướng phát triển kinh tế trong 2 năm (1969 - 1970) là "tập

trung lãnh đạo sản xuất nông - lâm nghiệp, coi trọng đúng mức phát triển công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp để phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và đời sống nhân dân. Trong sản xuất nông nghiệp, lấy thâm canh tăng năng suất cây trồng và tăng vụ là chính; đồng thời phát triển cân đối cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi; trong lâm nghiệp, lấy bảo vệ, trồng và khai thác rừng là nội dung chủ yếu<sup>(1)</sup>. Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã phát động 4 cao trào “Thủy lợi, giao thông, lâm nghiệp, phân bón”.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, cán bộ và nhân dân xã Như Cố đã tập trung nhân lực, ra sức tu sửa các công trình thủy lợi, quyết tâm đảm bảo nước tưới cho 60% diện tích gieo cấy. Tính riêng 6 tháng đầu năm 1969, xã đã huy động được hàng chục nhân công tham gia làm công tác thủy lợi, đào, đắp được hàng trăm mét khối đất, đá; hoàn thành nhiều tuyến kênh mương; tiến hành tu sửa nhiều ao, hồ đảm bảo chất lượng tốt, sẵn sàng cho các vụ gieo trồng năm 1969 đạt kết quả cao.

Để cải tạo lại đồng ruộng, xã đã phát động cao trào làm phân bón trong toàn thể nhân dân cho vụ mùa từ

---

<sup>(1)</sup> Huyện ủy Phú Lương, *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955 - 2000)*, 2005, tr.132.

tháng 4 đến tháng 7/1969. Nhân dân trong toàn xã đã tích cực làm phân chuồng, phân xanh; ngoài ra, xã còn được huyện cung cấp cho phân đạm, lân, kali để nâng cao năng suất.

Nhờ có sự tập trung lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân và các hợp tác xã, năm 1969, xã đã gieo cấy hết diện tích, đảm bảo kế hoạch. Ngoài ra, diện tích trồng ngô, khoai lang, sắn... cũng tăng cao, góp phần giải quyết vấn đề ổn định lương thực trong đời sống nhân dân.

Bước sang năm 1970, tình hình thời tiết tương đối ổn định, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó, Nhà nước lại có chính sách mới về ổn định nghĩa vụ đóng góp lương thực của các xã, hợp tác xã nên đã động viên bà con trong xã hăng hái tham gia lao động sản xuất.

Đặc biệt, năm 1971, sau Hội nghị lần thứ 11 của Huyện ủy Phú Lương, ngoài các chủ trương phát triển văn hóa, xã hội, chính trị, Hội nghị cũng đã đề ra phương hướng phát triển kinh tế, chăn nuôi trong 2 năm (1971 - 1972), trong đó đặc biệt chú trọng đến việc tiến hành khoanh vùng chăn nuôi, trồng trọt trên toàn bộ các xã trong huyện. Dựa trên cơ sở đất đai, khí hậu, xã Như Cố cùng với các xã: Yên Đĩnh, Thanh Bình, Nông Thịnh, Nông Hạ, Quảng Chu và thị trấn

Chợ Mới nằm trong vùng quy hoạch số 4 của huyện, trong đó, các cây trồng chủ yếu tập trung là: thâm canh tăng vụ về lúa, ngô và khoai lang, ban đầu đưa diện tích lúa 2 vụ lên 40% tổng diện tích, năng suất bình quân chung 40 tạ/ha. Cây công nghiệp chủ yếu là trồng mía, chè; chăn nuôi đảm bảo bình quân 2 con lợn/ha gieo trồng; phát triển nuôi cá.

Với những chính sách đúng đắn của Huyện ủy và sự chỉ đạo sâu sát của cấp ủy Đảng, vụ đông xuân năm 1970 - 1971, xã cũng tiến hành đưa các giống lúa mới vào sản xuất như lúa Mộc tuyền, Nông nghiệp 5, Nông nghiệp 8. Cùng với lúa, nhân dân trong xã còn tích cực trồng thêm ngô, sắn, chè, thuốc lá, rau xanh, để tăng sản lượng lương thực và đóng góp cho Nhà nước.

Với chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện, ngoài trồng trọt, xã Như Cố cũng rất chú trọng đến phát triển chăn nuôi. Năm 1968, thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy về việc *"Phải tích cực khẩn trương chăm sóc, bảo vệ và phát triển đàn trâu, bò, lợn trong đó, chú trọng đàn trâu, bò và lợn nái sinh sản, nhằm đáp ứng sức kéo và cung cấp giống cho tập thể và hộ gia đình. Phấn đấu mỗi hộ gia đình trên 2 đầu lợn, từ 50 - 70 con gà, vịt, ngan, ngỗng một năm"*<sup>(1)</sup>. Đề án phát triển chăn nuôi trong 2

---

<sup>(1)</sup> Huyện ủy Phú Lương, *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955 - 2000)*, 2005, tr.134.

năm (1969 - 1970) cũng nhấn mạnh: “*phải đẩy mạnh chăn nuôi, kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, đưa chăn nuôi dần trở thành ngành chính ngang dân với trồng trọt; phải triệt để phát huy ưu thế chăn nuôi tập thể, nhất là trâu, bò, lợn; tất cả các xã và hợp tác xã đến cuối năm 1969, trên 1ha gieo trồng phải có 2 con trâu cày, kéo và 3 con lợn*”<sup>(1)</sup>. Căn cứ vào Nghị quyết và đề án của cấp trên, Đảng bộ xã Như Cố đã tích cực làm chuồng, trại nuôi trâu, bò tập trung, đảm bảo chuồng trại thoáng mát về mùa hè, ấm áp, kín gió về mùa đông. Đến năm 1970, bình quân mỗi hộ nuôi khoảng 2 con lợn, khoảng 1,5 con trâu, cứ 1ha diện tích có khoảng 1,5 con trâu cày, kéo; trong gia đình lúc nào cũng có khoảng 5 - 7 con gia cầm.

Về sản xuất lâm nghiệp, trong thời gian này xã Như Cố được coi là một xã có tình hình phá rừng nghiêm trọng nhất trong huyện. Đầu năm 1971, huyện Phú Lương đã nhận định: sản xuất lâm nghiệp của huyện gặp rất nhiều khó khăn do nạn đốt rừng, phá rừng làm nương rẫy ở các xã Như Cố, Yên Định, Bình Văn. Diện tích rừng bị đốt lên tới khoảng 300ha<sup>(2)</sup>. Trước thực trạng đó, thực hiện sự chỉ đạo của huyện Phú Lương, Đảng bộ xã Như Cố đã kiên quyết khắc phục khó khăn, tích cực bảo vệ rừng già, trồng

<sup>(1, 2)</sup> Huyện ủy Phú Lương, *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955 - 2000)*, 2005, tr.134, 147.

cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, nghiêm cấm chặt phá rừng bừa bãi, khẩn trương giải quyết vấn đề định canh, định cư... Tuy nhiên, do xã chưa có biện pháp quản lý, giáo dục, ngăn chặn tích cực; đội sơn tràng của xã làm công tác tu bổ, bảo vệ rừng chưa hiệu quả; hơn nữa, do tập quán đốt rừng làm nương rẫy của bà con nên tình trạng phá rừng trên địa bàn xã chưa được khắc phục, thậm chí còn có xu hướng gia tăng. Đến năm 1974, Huyện ủy đưa ra chủ trương tất cả các hợp tác xã đều phải làm nghề rừng, trồng cây, tổ chức đội chuyên khai thác tu bổ và bảo vệ rừng, nghề rừng ở Như Cố có bước phát triển mới.

Cùng với phát triển sản xuất, thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy năm 1968 về đẩy mạnh củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, trọng tâm là chỉ đạo tốt cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong xã tiếp tục được đẩy mạnh, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố. Năm 1968, xã Như Cố cùng một số xã khác như Chợ Mới, Yên Ninh, Động Đạt... đạt trên 90% số hộ nông dân vào hợp tác xã, trở thành những xã điển hình về phong trào xây dựng hợp tác xã trong toàn huyện. Đến năm 1970, số hộ tham gia vào hợp tác xã đạt hơn 95%.

Tuy nhiên từ cuối năm 1970, do tình hình một số đảng viên có tư tưởng tiêu cực, công thần, địa vị, lười sinh hoạt Đảng thường xuyên, ít tham gia lao động tập thể với hợp

tác xã, thiếu nhiệt tình, bảo thủ, trì trệ... nên nhiều đảng viên xin ra khỏi hợp tác xã, trong khi đó, Đảng bộ xã không kịp thời có biện pháp lãnh đạo để ngăn chặn; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng có lúc bị buông lỏng đó chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến các hợp tác xã nằm trong tình trạng không ổn định. Đến cuối năm 1971, tỷ lệ số hộ dân tham gia vào hợp tác xã giảm từ 95,2% (vào quý III năm 1970) xuống còn 80,4%. Sang năm 1972, mặc dù thực hiện tốt Nghị quyết 195 và Nghị quyết 19 của Trung ương, Chỉ thị 905 của Ủy ban hành chính tỉnh, xã Như Cố có nhiều biện pháp khắc phục, nhưng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong xã vẫn không được cải thiện. Đến cuối quý I năm 1972, tỷ lệ số hộ nông dân tham gia vào hợp tác xã giảm xuống còn 68%. Sang năm 1973, hợp tác xã xảy ra tình trạng lấn chiếm ruộng đất, năng suất lao động thấp, hợp tác xã chưa được củng cố vững chắc.

Ngày 20/11/1973, Huyện ủy Phú Lương mở Hội nghị tổng kết 13 năm (1960 - 1973) xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đánh giá tình hình, Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng phong trào hợp tác hóa năm 1974 và những năm tiếp theo. Thực hiện chủ trương, đường lối của Huyện ủy, toàn Đảng, toàn dân xã Như Cố đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia vào hợp tác xã. Vì vậy, số hộ tham gia vào hợp tác xã

tăng từ 68% năm 1972 lên 74% năm 1974, trong đó hợp tác xã Bản Quất của xã Như Cố trở thành một trong những hợp tác xã điển hình của toàn huyện.

Cùng với phát triển sản xuất, Đảng bộ cũng đẩy mạnh công tác phát triển giáo dục trên toàn xã, từ năm 1968 đến năm 1975, số học sinh tham gia lớp học đúng độ tuổi ngày càng tăng. Từ năm 1974 đến năm 1975, tình hình giáo dục trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 1974 - 1975, trường học đặt tại địa bàn thôn Nhì Ca đã tiếp tục trở thành thôn hoàn chỉnh bậc học từ lớp 1 đến lớp 4 trong hệ đào tạo giáo dục phổ thông 10 năm.

Công tác y tế xã cũng tiếp tục được giữ vững và mở rộng. Trạm xá xã được xây dựng khang trang, đội ngũ y tá được tăng cường và luôn luôn thường trực kịp thời thăm khám cho bệnh nhân, cửa hàng thuốc được mở bán phục vụ nhu cầu mua thuốc của nhân dân, các y tá thầy thuốc hết sức nhiệt tình, đạo đức người thầy thuốc được phát huy tốt nên đã gây được niềm tin trong nhân dân.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong thời gian này cũng phát triển. Nội dung hoạt động biểu diễn chủ yếu tập trung vào các chủ đề: tình yêu quê hương đất nước, cách mạng, thi đua sản xuất..., đáp ứng được yêu cầu tuyên truyền phục vụ cho các đợt vận động chính trị lớn.

## ***2. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, tiếp tục chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thống nhất nước nhà***

Phong trào thi đua lao động sản xuất năm 1968 của xã có nhiều chuyển biến, nhưng chưa mạnh, chưa đồng đều và vững chắc, tình hình sản xuất phát triển kinh tế còn chưa toàn diện, năng suất thấp... hơn nữa trong thời gian này, lực lượng phản động trên địa bàn huyện Phú Lương hoạt động mạnh như dải truyền đơn; xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước nên công tác xây dựng Đảng trong thời gian này phải được tổ chức thường xuyên, nhằm củng cố và phát triển Đảng, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên cũng như toàn thể nhân dân không bị dao động, nâng cao ý thức tự giác, giữ vững niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam và công cuộc khôi phục phát triển kinh tế ở miền Bắc đang thu được nhiều thắng lợi, thì ngày 02/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của dân tộc Việt Nam từ trần. Biến đau thương thành hành động, thực hiện “*Di chúc*” của Người, Đảng bộ và nhân dân Như Cố quyết tâm tích cực tăng gia sản xuất, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, cùng nhân dân cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược thỏa mong ước của Người.

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, cuối năm 1972, xã Như Cố đã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, đề ra mục tiêu phát triển giai đoạn (1973 - 1975). Đại hội đánh giá những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ trước, đề ra phương hướng và các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn mới. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Dương Văn Quý được bầu làm Bí thư Đảng ủy.

Nhanh chóng triển khai đưa Nghị quyết Đại hội vào thực hiện, trong đó chú trọng triển khai thực hiện 3 cuộc vận động chính trị lớn: lao động sản xuất; phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên; nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên "Lớp Hồ Chí Minh" đưa Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc "Nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng". Thực hiện tốt chủ trương của Đảng, đến năm 1975, xã đã cử nhiều đảng viên tham gia học tập, đạt tỷ lệ 90%.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng còn yếu, nhất là khâu tổ chức thực hiện. Trình độ quản lý kinh tế, trình độ văn hóa khoa học kỹ thuật còn thấp, nhiều đảng viên chưa nhận thức được đầy đủ, đúng đắn sâu sắc về đường lối, chủ trương của Đảng

nên có tư tưởng bảo thủ, quan liêu, đó là nguyên nhân dẫn đến tình trạng hợp tác xã không ổn định.

Ngày 16/4/1972, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi *“Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, triệu người như một nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên quyết chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”*<sup>(1)</sup>. Tiếp đó, ngày 15/6/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái đã ra Nghị quyết 17 về *“Giữ vững và phát triển sản xuất trong thời chiến, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm, động viên sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến”*. Quán triệt lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ và Nghị quyết 17 của Tỉnh ủy, Đảng bộ xã Như Cố đã triển khai đợt học tập cho hầu hết các cán bộ, đảng viên trong xã, nâng cao ý thức, tư tưởng và xác định vai trò to lớn của người đảng viên trong việc lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao phó.

Không đạt được mục tiêu chiến tranh, lại thất bại nặng nề trong đợt tập kích bằng máy bay B52 ném bom xuống Hà Nội, Hải Phòng từ ngày 18 đến ngày 29/12/1972, ngày 15/01/1973, giới cầm quyền Mỹ tuyên bố *“Chấm dứt mọi*

<sup>(1)</sup> Huyện ủy Phú Lương, *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương tập II (1955 - 2000)*, 2005, tr.154.

hoạt động quân sự bao gồm ném bom, bắn trọng pháo và thả mìn” trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 27/01/1973, Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Trước những thắng lợi đó, để khắc phục những mặt yếu kém còn tồn tại trong nội bộ Đảng, Đảng bộ xã Như Cố đã tổ chức cho các đảng viên tham gia học tập Nghị quyết 195 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và học tập Nghị quyết 02 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về nâng cao chất lượng đảng viên, trong đó, xã đã xác định: Lấy việc củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất làm trọng tâm; nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên về công tác quản lý hợp tác xã, kỹ thuật cấy lúa... đồng thời kiểm điểm sâu sắc những ưu, khuyết điểm trong công tác, lãnh đạo; củng cố phong trào hợp tác xã.

Tóm lại, thông qua chủ trương và phương hướng, nhiệm vụ qua các kỳ Đại hội của Đảng bộ xã, cũng như thông qua các đợt giáo dục chính trị, công tác xây dựng và phát triển Đảng xã Như Cố từ năm 1968 đến năm 1975 đã đạt được một số kết quả lớn.

Thứ nhất, Đảng bộ xã Như Cố đã làm tốt khẩu hiệu “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, hoàn thành phong trào “Năm dứt điểm” trong một thời gian ngắn, công tác giao thông, thủy lợi thực hiện tốt; đẩy nhanh công tác chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn. Qua đợt

học tập “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” và đợt học tập “Làm theo Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch”... hiện tượng biểu hiện hữu khuynh, bảo thủ, trì trệ cá nhân tư lợi, ngại khó, ngại khổ, mất đoàn kết, thiếu ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật đã được khắc phục dần, nâng cao trình độ đấu tranh phê bình và tự phê bình trong nội bộ.

*Thứ hai*, đi đôi với công tác giáo dục chính trị, Đảng bộ xã cũng rất chú trọng về mặt tổ chức, bố trí, phân công đảng viên trên các lĩnh vực của hoạt động sản xuất, chiến đấu với các công tác như: xây dựng tổ chức Đảng phù hợp với tổ chức đơn vị sản xuất, công tác, mỗi đội sản xuất đều có tổ Đảng. Trong quá trình chỉ đạo về mặt tổ chức đã thực hiện tốt công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và lựa chọn cán bộ từ hợp tác xã đến Đảng ủy, cho nên, lực lượng cán bộ được trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Để đảm bảo tính chất trong sạch vững mạnh của Chi bộ, xã đã hoàn thành công tác đối với cán bộ, đảng viên có quan hệ lý lịch không tốt, đề ra chế độ quản lý cán bộ, đảng viên được chặt chẽ hơn theo nội dung 5 quản.

*Thứ ba*, về công tác phát triển Đảng, nói chung, số đảng viên mới phát triển có chất lượng tốt, đều là những người ưu tú, xuất sắc, trưởng thành trong lao động sản xuất và tích cực tham gia những phong trào chung của địa phương. Họ là những người đã trải qua những thử thách khá lâu

dài, là đối tượng cảm tình trước khi vào Đảng, được giáo dục về mục đích lý tưởng, tính chất Đảng, vai trò và nhiệm vụ của người đảng viên.

Cùng với phát triển Đảng, công tác củng cố chính quyền cũng được Chi bộ đặc biệt chú trọng. Dưới sự lãnh đạo tập trung, thông qua sự thống nhất của các cấp ủy Đảng, vai trò của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính xã đã phát huy tác dụng là cơ quan quyền lực của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Đảng đề ra, nên trong những năm qua phong trào chung của xã có nhiều chuyển biến lớn.

Từ năm 1968 đến năm 1975, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, xã Như Cố đã trải qua 3 đợt bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, qua mỗi lần bầu cử, Đảng ủy đều thể hiện vai trò lãnh đạo, tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân đi bầu cử đạt kết quả cao. Hội đồng nhân dân xã có nhiều đổi mới trong việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của chính quyền và bám sát những yêu cầu chính đáng của cử tri. Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân xã được chú trọng và tăng cường, từng bước thực hiện công khai hóa và dân chủ hóa trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân bầu Ủy ban hành chính xã. Trong giai đoạn này, các đồng chí Dương Văn Quý, Nguyễn Thị Điện, Dương Văn Kỳ giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Trong thời gian này, để đẩy mạnh công tác thanh niên, xã đã tổ chức những đợt giáo dục về đường lối, chính sách, về tình hình nhiệm vụ mới, về phẩm chất đạo đức cách mạng của người đoàn viên, đồng thời lãnh đạo đoàn viên thực hiện tốt phong trào *"Thanh niên ba sẵn sàng"*, *"Xây dựng Đoàn bốn tốt"*, *"Đoàn được mang tên Bác Hồ vĩ đại"*... Đoàn cũng thực hiện tốt các phong trào chung của Đảng như động viên về chính trị, vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, đưa điều lệ hợp tác xã về làng... qua đó ý thức của đoàn viên được nâng cao, đưa lực lượng thanh niên trong xã trở thành lực lượng nòng cốt trong sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Hưởng ứng những phong trào trên, thanh niên đã đóng góp hàng nghìn ngày công cho công tác làm giao thông và thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng, xây dựng cánh đồng 5 tấn, tham gia lên đường nhập ngũ trực tiếp đánh Mỹ, số ở lại tham gia đội ngũ dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ hậu phương, thanh niên còn góp phần quan trọng trong việc thực hiện các chính sách và tổ chức đời sống, xứng đáng là cánh tay đắc lực và là đội hậu bị của Đảng. Tuy nhiên phong trào thanh niên còn những điểm yếu như: phong trào phát triển không đồng đều; trình độ hiểu biết về kỹ thuật còn yếu, văn hóa còn thấp, tổ chức chưa được củng cố tốt, một số tệ nạn xã hội cũng chưa được khắc phục.

Đi đôi với công tác thanh niên, Đảng bộ xã đã rất chú trọng đến công tác giáo dục thiếu niên nhi đồng. Mặc dù trong tình hình thời chiến, đời sống còn khó khăn, nhưng Đảng bộ cũng đã cố gắng giải quyết, tạo điều kiện cho các cháu thiếu niên, nhi đồng có trường học, chú ý đảm bảo sinh hoạt thường ngày như: ăn, ở, chăm sóc sức khỏe. Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, thời gian này, trong xã có nhiều cháu đạt được danh hiệu "*Cháu ngoan Bác Hồ*", nhiều em tuổi còn nhỏ nhưng đã làm được nhiều việc có ý nghĩa.

Quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng về công tác phụ vận, xác định rõ vị trí, vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ đã coi trọng giáo dục, động viên và kiện toàn tổ chức phụ nữ. Các phong trào thi đua như "*Ba đảm đang*", "*Bảo vệ bà mẹ trẻ em*" được diễn ra thường xuyên, lồng ghép với các cuộc vận động lớn do Đảng phát động nên phong trào phụ nữ trong xã nói chung có nhiều chuyển biến tốt, các chị em đã đảm nhiệm phần lớn công việc trong lao động sản xuất và đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước, phục vụ chiến đấu, đảm đang công việc gia đình, để chồng con yên tâm chiến đấu và công tác. Qua quá trình làm việc, nhiều chị em đã tỏ ra có năng lực và hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ được phân công, xứng đáng với danh hiệu "*Dũng cảm, đảm đang chống Mỹ, cứu nước*".

Thực hiện chủ trương của Đảng và cuộc vận động chính trị với khẩu hiệu *"Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"*, xã Như Cố đã thể hiện rõ quyết tâm: dù trong bất kỳ tình huống nào cũng đảm bảo lực lượng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến lớn. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Chỉ huy Xã đội hoạt động thường xuyên, nêu cao tinh thần cảnh giác, đề phòng các phần tử xấu trà trộn, gây rối tại địa phương. Nhờ vậy, tình hình trật tự trị an trên địa bàn được giữ vững. Xã đội thường xuyên thực hiện công tác huấn luyện dân quân, đảm bảo sẵn sàng đối phó với các tình huống bất ngờ. Mỗi chiến sỹ dân quân luôn giữ vững ý chí chiến đấu, sử dụng thành thạo những loại vũ khí được trang bị và nắm bắt các phương án tác chiến. Trong công tác tuyển quân, Đảng bộ lãnh đạo Xã đội tăng cường công tác tư tưởng, vận động thanh niên đi khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Xã Như Cố được Huyện đội Phú Lương xét đề nghị Tỉnh đội Bắc Thái tặng danh hiệu tiểu đội, trung đội quyết thắng cho các đơn vị: tiểu đội quyết thắng cho dân quân, du kích thôn Bản Cây; trung đội quyết thắng cho dân quân, du kích liên thôn Khuân Bang - Khuổi Chủ. Thời kỳ này, đồng chí Dương Sĩ Đế là Xã đội trưởng xã Như Cố.

Bước sang năm 1975, do tình hình chiến trường có nhiều chuyển biến tích cực có lợi cho cách mạng Việt Nam, yêu cầu chi viện cho miền Nam trở thành nhiệm vụ số 1 và là tình cảm thiêng liêng cao cả của toàn Đảng, toàn



## Chương VI

# ĐẢNG BỘ XÃ NHƯ CỐ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 - 1985)

### I. Khôi phục kinh tế và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1975 - 1980)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oanh liệt, hào hùng của dân tộc ta. Đó là thắng lợi vĩ đại nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, là thắng lợi vẻ vang của 30 năm chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta. Thắng lợi vĩ đại đó tạo ra bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam. Tháng 8/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp Hội nghị lần thứ 24, quyết định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc,

đưa đất nước bước vào chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thời kỳ cách mạng mới, Như Cố có những thuận lợi rất cơ bản, là xã có tiềm năng về đất đai và lao động; Đảng bộ và nhân dân có truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước, tự lực tự cường, lao động cần cù sáng tạo, tiết kiệm, nỗ lực vươn lên giành nhiều thắng lợi trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, sau những năm khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, Như Cố đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc ổn định cuộc sống, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất trước mắt và lâu dài. Hòa chung khí thế đại thắng mùa xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, với truyền thống và kinh nghiệm trong đấu tranh giành độc lập, tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng, phát huy tinh thần cách mạng sôi nổi, hăng hái thi đua thực hiện nhiệm vụ sản xuất, khôi phục kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, Đảng bộ và nhân dân xã Như Cố cũng phải đối mặt với những khó khăn, thử thách. Trải qua những năm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, kinh tế của xã vẫn là sản xuất nhỏ, độc canh, thuần nông; tiềm năng về lao động, đất đai chưa được tận dụng và khai thác có hiệu quả; lương thực,

thực phẩm và hàng tiêu dùng còn thiếu thốn. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn; thời tiết rét đậm kéo dài, bão lũ, hạn hán ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn, Đảng bộ và nhân dân Như Cố quyết tâm đoàn kết, phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu đề ra.

Bắt tay vào thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), khôi phục kinh tế, sản xuất nông nghiệp được xác định là nhiệm vụ cơ bản, trước mắt. Trong những năm 1975 - 1976, xã gặp nhiều khó khăn trong sản xuất do thời tiết thất thường (thời tiết rét đậm kéo dài, nhiệt độ xuống rất thấp) làm mạ chiêm xuân bị chết. Vụ mùa năm 1976, lại khô hạn kéo dài làm cho diện tích gieo cấy bị thiếu nước nghiêm trọng. Thêm vào đó là sâu bệnh phá hoại trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất của nhân dân.

Nhằm giải quyết khó khăn, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Phú Lương, nhận định sản xuất vụ mùa là nhiệm vụ trọng tâm số 1 trong quý III năm 1975, Đảng bộ đã nhanh chóng đề ra những biện pháp cụ thể nhằm khắc phục khó khăn do những diễn biến bất lợi thời tiết gây ra.

Đảng ủy chỉ đạo làm tốt công tác khai hoang, phục hóa, sử dụng tối đa diện tích đất sản xuất, không để thừa ruộng

nào bị bỏ hoang. Để đảm bảo đủ nước tưới, cấp ủy vận động nhân dân làm thủy lợi, huy động hàng chục nhân công, hàng trăm ngày công, cải tạo và tu bổ những mương cũ, rò rỉ gây thất thoát nước. Nhờ đó, diện tích đất canh tác trước kia vốn thiếu nước, chỉ canh tác được 1 vụ nay đã chuyển thành đất trồng 2 vụ. Đến năm 1976, diện tích gieo cấy toàn xã là 1.315ha, trong đó diện tích cấy 2 vụ lúa chiếm hơn 50%. Nhân dân tích cực hưởng ứng các phong trào làm phân xanh, tăng cường bón phân chuồng và phân hóa học. Năm 1977, phân bón cho vụ mùa tại xã là 370 tấn, đạt 3 tấn/ha canh tác. Bên cạnh đó, các biện pháp khoa học kỹ thuật, những công cụ cải tiến được đưa vào sản xuất và cho hiệu quả rõ rệt. Về cơ cấu giống, các loại giống năng suất cao như Nông nghiệp 8, Nông nghiệp 5, IR23, Bao thai lùn, Mộc tuyến... chiếm đại đa số diện tích canh tác, thay thế các giống cũ dài ngày, năng suất thấp. Các chiến dịch chống hạn, phong trào nuôi bèo hoa dâu, diệt trừ sâu bệnh... góp phần giữ vững năng suất và sản lượng trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt và có nhiều biến động.

Nhờ áp dụng các biện pháp tích cực nên trong 5 năm (1975 - 1980), sản lượng lương thực của xã đạt khoảng 200 tấn/năm, năm sau cao hơn năm trước, năng suất bình quân đạt khoảng 35 tạ/ha.

Đảng ủy tập trung chỉ đạo nhân dân phát triển cây màu. Các giống ngô, khoai, sắn, đỗ tương, đậu,... được đưa

vào trồng với diện tích khoảng 2ha (năm 1977). Nhờ áp dụng các biện pháp kỹ thuật, nên sản lượng màu đạt khá. Ngoài việc cung cấp nguồn lương thực cho nhân dân, các loại cây màu còn là nguồn thức ăn cho chăn nuôi.

Một số loại cây công nghiệp cũng được chú ý đưa vào trồng như chè, lạc... với diện tích ngày càng tăng. Cây chè vốn đã được trồng rải rác trong dân, nhưng diện tích trồng còn manh mún, chưa được quan tâm để đưa vào sản xuất hàng hóa. Bước vào thời kỳ mới, theo đề án kinh tế của huyện, cây chè được đầu tư phát triển mở rộng hơn và hứa hẹn mở ra hướng mới trong sản xuất cho nhân dân.

Trong thời kỳ này, chăn nuôi cũng được chú trọng và bước đầu có kết quả tích cực. Nhờ vào việc mở rộng diện tích, đưa cây màu vào trồng thâm canh, nên nguồn thức ăn cho chăn nuôi về cơ bản được đáp ứng. Đàn gia súc ngày càng được phát triển. Đàn gia cầm trong xã cũng tăng so với thời kỳ trước. Hộ gia đình nào cũng nuôi để đáp ứng thực phẩm và đóng góp cho Nhà nước. Cấp ủy cũng chỉ đạo kiên quyết chấm dứt việc thả rông gia súc để bảo vệ cây trồng và lấy phân phục vụ thâm canh.

Trong lâm nghiệp, Đảng ủy nhận thức vai trò của rừng, coi đó là thế mạnh của địa phương trong phát triển kinh tế. Một mặt cấp ủy tăng cường chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể, phối hợp bảo vệ các diện tích rừng

nguyên sinh, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm, phá hoại rừng, khai thác gỗ trái phép, mặt khác, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân phát triển nghề rừng, tăng cường trồng rừng ở các diện tích đồi núi trọc.

Nhờ những kết quả đạt được trong sản xuất, thời kỳ này xã luôn hoàn thành việc đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1979, Như Cố đóng góp cho Nhà nước 782kg thóc, 9 con trâu và 536kg thịt lợn.

Đi đôi với chỉ đạo sản xuất, Đảng ủy chỉ đạo triển khai tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 208-CT/TW ngày 16/9/1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 61-CP ngày 05/4/1976 của Hội đồng Chính phủ “Về cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”. Đảng bộ tập trung tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước công tác quản lý, củng cố hợp tác xã, đưa hợp tác xã nông nghiệp lên quy mô lớn và đẩy mạnh phát triển sản xuất. Sau khi hợp nhất, hợp tác xã toàn xã đã nhanh chóng giải quyết những vấn đề tồn tại của các hợp tác xã cũ, đi vào ổn định và thực hiện ba quản: quản lý sản xuất, quản lý lao động và quản lý tài vụ. Cấp ủy tiếp tục củng cố Ban quản trị các hợp tác xã, tập trung chỉ đạo sản xuất, kiên quyết khắc phục những thiếu sót trong quản lý và điều hành, triệt để thu hồi đất bị lấn chiếm, công hữu hóa các ruộng tư... Công tác củng cố quan

hệ sản xuất trong nông nghiệp được thực hiện một cách nghiêm túc, phong trào sản xuất của hợp tác xã từng bước ổn định và có mặt phát triển. Cuộc vận động tổ chức lại sản xuất trong hợp tác xã nông nghiệp được Đảng ủy chỉ đạo chặt chẽ và triển khai mạnh mẽ, theo phương châm vững chắc, từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Về quản lý phân công lao động, hợp tác xã tổ chức xã viên thành các đội chuyên: làm đất, phân bón, sản xuất giống, thủy nông... Các đội chuyên làm việc theo chế độ khoán việc, vừa chịu sự điều hành của Ban quản trị hợp tác xã. Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, Đảng ủy dần xóa bỏ sự phân công lao động khép kín trong các đội sản xuất, thực hiện phân công lao động theo chuyên môn hóa. Hợp tác xã thực hiện chế độ khoán việc là chủ yếu, tính ngày công trả điểm. Phân phối trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc quy định thống nhất của Nhà nước: vừa thực hiện phân phối bằng hiện vật, vừa phân phối bằng tiền, trong đó phân phối bằng hiện vật là chủ yếu. Về lương thực duy trì phân phối theo định suất.

Cùng với kinh tế, phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể quần chúng triển khai. Cấp ủy vận động nhân

dân thực hiện xóa bỏ tình trạng ăn uống linh đình trong ma chay, cưới hỏi... loại trừ dần các tệ nạn như: cờ bạc, bói toán, cầu cúng... Các thôn, xóm đã xây dựng được quy ước nếp sống trong đám hiếu, đám hỷ, hội họp, xây dựng nền nếp, ý thức lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm. Hệ thống thông tin phát triển, góp phần tích cực trong việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin cổ động, thể dục thể thao được chú trọng. Hằng năm, xã đều tổ chức hội diễn nghệ thuật quần chúng, thu hút rộng rãi nhân dân tham gia.

Trong giáo dục, phong trào thi đua "*Đạy tốt, học tốt*" được tiếp tục đẩy mạnh, gắn với thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục và tập trung xây dựng theo hướng giáo dục xã hội chủ nghĩa ở tất cả các ngành học, bậc học. Đội ngũ giáo viên phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng; số học sinh qua các năm học đều tăng. Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao, dù còn gặp nhiều khó khăn trong đời sống, song Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Như Cố luôn dành sự quan tâm và đầu tư cho phát triển giáo dục.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh với sự tham gia tích cực của nhân dân. Địa phương thực hiện nghiêm túc phong trào "*Ba dứt điểm*" (nhà tắm, giếng nước, hố xí hợp vệ sinh) và đạt kết quả

cao. Trạm xá xã làm tốt công tác khám và chữa bệnh ban đầu, đảm bảo cấp phát thuốc cho nhân dân. Công tác vệ sinh phòng dịch cũng được triển khai tốt, vì vậy trong thời kỳ này các ổ bệnh, dịch bệnh được kịp thời phát hiện và dập tắt.

Giữa lúc nhân dân ta đang ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, các thế lực thù địch câu kết với bọn phản động trong nước tiến hành những âm mưu thâm độc, ra sức chống phá cách mạng Việt Nam. Ở biên giới Tây Nam, bè lũ diệt chủng Pôn-pốt Iêng-Xary liên tiếp gây chiến tranh, làm thiệt hại lớn về người và tài sản của nhân dân ta. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc diễn ra không bình thường. Tình hình an ninh biên giới phía Bắc đã có những diễn biến phức tạp. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn - an ninh quốc gia, củng cố vững mạnh mọi mặt, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra để bảo vệ toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ là nhiệm vụ cấp bách. Tháng 02/1979, Trung Quốc đưa quân tấn công vào biên giới phía Bắc Việt Nam. Toàn dân tộc bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ bờ cõi, biên cương Tổ quốc. Hưởng ứng Lệnh Tổng động viên của Chủ tịch nước, Ban Chỉ huy quân sự phân công lịch trực ban, chuẩn bị các phương án tác chiến khi tình hình xấu xảy ra. Lực lượng thanh niên sẵn sàng lên đường chiến đấu bảo vệ chủ quyền đất nước, đảm bảo quân số

cấp trên giao. Nhân dân trong xã quyên góp các đồ dùng cần thiết như chăn, màn, quần, áo, khăn mặt để gửi đến đồng bào, chiến sỹ biên giới, thể hiện tấm lòng của hậu phương với tiền tuyến.

Trong bối cảnh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc có nhiều diễn biến phức tạp, công tác bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xã được tăng cường. Ban Công an xã làm tốt công tác quản lý nhân khẩu; phát động rộng rãi phong trào toàn dân tham gia công tác trị an, nhất là trong các đội sản xuất, nhà trường. Lực lượng dân quân tự vệ không ngừng được củng cố, phối hợp với lực lượng công an giữ gìn trật tự ở các khu dân cư, sẵn sàng bổ sung cho quân đội thường trực...

Trong điều kiện kinh tế - xã hội của xã còn nhiều khó khăn, các chính sách xã hội, nhất là chính sách đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng vẫn được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Phong trào chăm sóc thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng đạt kết quả thiết thực. Chính sách hậu phương quân đội được thực hiện chu đáo. Những gia đình gặp khó khăn, rủi ro, hoạn nạn, người già yếu, cô đơn được quan tâm giúp đỡ.

Những thành tích đạt được trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng trên đây của xã Như Cố có được

là sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên và nhân dân, trong đó, vai trò của Đảng bộ là rất quan trọng.

Công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng bộ chú trọng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác chính trị tư tưởng luôn được đặt lên vị trí hàng đầu. Việc triển khai, quán triệt, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được Đảng ủy thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian và đảm bảo chất lượng. Qua học tập, nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng lên, từ đó xác định trách nhiệm, ra sức khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Nghị quyết của Đảng được quán triệt, triển khai sâu rộng trong toàn Đảng bộ và đến đoàn thể quần chúng nhân dân, trên cơ sở đó phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao trình độ lý luận và nhận thức về tình hình, nhiệm vụ chung của toàn Đảng bộ và của từng chi bộ trong giai đoạn cách mạng mới, nhằm không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, cấp ủy Đảng đã cử nhiều cán bộ đi học bồi dưỡng, đào tạo tập trung tại các lớp do cấp trên mở. Qua các lớp học tập này, trình độ của cán bộ, đảng viên và đội ngũ lãnh đạo được nâng lên rõ rệt, đáp ứng tốt công việc và các nhiệm vụ mà cấp trên giao.

Trong 5 năm (1975 - 1980), Đảng bộ đều tiến hành các kỳ Đại hội theo đúng quy định và Điều lệ Đảng. Qua các kỳ Đại hội Đảng bộ, tổ chức cơ sở Đảng và cấp ủy được kiện toàn, củng cố một bước. Các kỳ Đại hội đều đánh giá tình hình, những thành tựu cũng như kết quả đạt được, nhìn nhận rõ hạn chế và những yếu kém cần phải khắc phục, đồng thời chỉ rõ phương hướng lãnh đạo trong các nhiệm kỳ tiếp theo. Qua mỗi kỳ Đại hội, vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng càng được tăng cường, lực lượng đảng viên trẻ được bổ sung vào ban lãnh đạo, tạo sức bật mới trong lãnh đạo, chỉ đạo. Trong thời gian này, các đồng chí Dương Văn Kỳ, Cao Văn Đường làm Bí thư Đảng ủy.

Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng cũng được Đảng bộ chú ý. Đảng ủy quan tâm thực hiện tốt phong trào phấn đấu xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, phát triển. Thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy tiến hành phát thẻ đảng viên trong Đảng bộ. Việc phát thẻ đảng viên là công tác quan trọng, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc để nâng cao hơn nữa ý thức Đảng, có tác dụng tích cực trong đẩy mạnh đấu tranh phê bình, tự phê bình, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, tinh thần phấn đấu cách mạng, thúc đẩy cuộc *"vận động xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch"*, đưa công tác đảng viên vào nền nếp, ngăn

ngừa kẻ địch và phần tử xấu lọt vào Đảng, góp phần làm trong sạch nội bộ, nâng cao một bước sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, giảm tỷ lệ cơ sở Đảng yếu kém.

Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm, qua các phong trào thi đua cơ sở trong toàn Đảng bộ, đã bình xét, lựa chọn và kết nạp được 6 đoàn viên, thanh niên, quần chúng tích cực vào Đảng<sup>(1)</sup>.

Thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, công tác kiểm tra kỷ luật của Đảng bộ có nhiều tiến bộ, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy thực hiện kiểm tra theo chương trình Điều lệ Đảng; kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đối với các chi bộ và đảng viên. Công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng được thực hiện nghiêm túc, góp phần làm trong sạch đội ngũ và nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Qua kiểm tra, trong 5 năm đã phát hiện, tham mưu xử lý 22 trường hợp, trong đó thi hành kỷ luật 15 trường hợp.

Công tác vận động quần chúng được quan tâm, Đảng ủy đã có nhiều sự cố gắng trong công tác vận động quần chúng. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân, công đoàn đã có nhiều phong trào thi đua yêu nước và mang lại hiệu quả thiết thực.

<sup>(1)</sup> Báo cáo tổng kết 2 năm (1979 - 1980) của Đảng ủy xã Như Cố.

Những cố gắng trong công tác xây dựng Đảng đã góp phần tích cực vào việc nâng cao nhận thức chính trị, trình độ đảng viên được nâng lên, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, uy tín của Đảng được nâng cao, mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng được tăng cường và củng cố.

Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, Đảng ủy Như Cố đã quan tâm và thường xuyên củng cố bộ máy chính quyền, tăng cường vai trò hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Trong giai đoạn 1976 - 1979, Đảng bộ xã Như Cố lãnh đạo thắng lợi 2 cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (năm 1977 và năm 1979). Thông qua cuộc bầu cử, bộ máy chính quyền đã được kiện toàn, tăng cường cán bộ, đảng viên trẻ, có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý nhà nước. Hội đồng nhân dân trong các nhiệm kỳ duy trì sinh hoạt đúng định kỳ, xây dựng tốt quy chế chương trình hoạt động toàn khóa. Công tác quản lý từng bước được nâng cao, quản lý hành chính, kinh tế, xã hội bằng pháp luật. Thông qua hoạt động của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân lao động được phát huy.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân các cấp đã tập hợp, tổ chức động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia tích cực, có hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã phát huy vai trò trung tâm đoàn kết, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân ra sức thi đua lao động sản xuất, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã phát động các phong trào "*mua công trái xây dựng Tổ quốc*", phong trào "*ủng hộ đồng bào bị lũ lụt*"... đạt kết quả tốt. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò tích cực trong việc giới thiệu và hiệp thương các đại biểu ứng cử, đề cử để bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, đảm bảo dân chủ, đúng luật, thể hiện sự đoàn kết, thống nhất và trí tuệ của toàn dân.

Hội Phụ nữ xã đẩy mạnh phong trào "*người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chị em phụ nữ luôn đi đầu trong các phong trào lao động sản xuất. Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, các hội viên đã tích cực tham gia làm thủy lợi cải tạo đất, phấn đấu gieo cấy hết diện tích, đảm bảo thời vụ. Phong trào thi đua "*Hai tốt*" trong ngành giáo dục, đào tạo và nhiều phong trào khác chị em tham gia tích cực, mang lại hiệu quả thiết thực. Hội Nông dân tổ chức, động viên hội viên tích cực hưởng ứng phong trào thi đua "*tác đất, tác vàng*", tham gia mạnh mẽ vào việc củng cố phong trào hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm... Đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia phong trào "*Thi đua lao động sản xuất xã hội chủ nghĩa*", xung kích trong phong trào lao động sản xuất, áp

dụng khoa học kỹ thuật vào chăm sóc lúa, phòng trừ sâu bệnh, làm thủy lợi, hăng hái làm đường giao thông và xung phong lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

Trong 5 năm (1975 - 1980), thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế 5 năm (1975 - 1980), phát huy truyền thống cách mạng, truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, Đảng bộ và nhân dân xã đã vượt qua khó khăn thử thách, giành được nhiều thành tích trên tất cả các lĩnh vực: sản xuất, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tuy vậy, trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ còn nhiều hạn chế, lúng túng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ khôi phục phát triển kinh tế, năng suất và sản lượng nông nghiệp đạt thấp. Xã viên biểu hiện tư tưởng cầm chừng, lao động sản xuất trễ nải; thiếu kinh nghiệm về chuyên môn kỹ thuật, đưa cơ giới vào sản xuất nông nghiệp làm cho cây lúa, cây màu kém phát triển; đời sống cán bộ, đảng viên và nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, bị ảnh hưởng lớn của cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp kéo dài kìm hãm sản xuất, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu đi lên sản xuất lớn, chiến tranh biên giới phải huy động sức người, sức của bảo vệ Tổ quốc. Mặc dù còn có những hạn chế, thiếu sót, song trong 5 năm (1975 - 1980), thành tựu đạt được là cơ bản và có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề để Đảng bộ và nhân dân xã Như Cố bước vào thực hiện nhiệm vụ 5 năm (1981 - 1985).

## II. Tập trung phát triển nông nghiệp theo Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (1980 - 1985)

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), bên cạnh những thuận lợi, cả nước nói chung, Như Cố nói riêng còn nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nổi cộm, bức xúc đòi hỏi phải giải quyết cấp bách. Đất nước vẫn trong tình trạng vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, thiên tai liên tiếp xảy ra, nền kinh tế kém phát triển, trì trệ, lạm phát tăng nhanh, đời sống nhân dân tiếp tục giảm sút.

Trong khó khăn thử thách, Đảng tìm hướng đi và cơ chế quản lý kinh tế mới. Tháng 8/1979, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) chủ trương “*giải phóng mọi năng lực sản xuất*” với tinh thần chỉ đạo “*làm cho sản xuất bung ra*”. Trên lĩnh vực nông nghiệp, thực tiễn “*khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động*” ở Hải Phòng được Trung ương Đảng nghiên cứu rút kinh nghiệm và xây dựng cơ chế khoán mới trong nông nghiệp. Ngày 21/10/1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo 22 ghi nhận những ưu điểm của khoán sản phẩm và cho phép các địa phương làm thử hình thức khoán sản phẩm đối với cây lúa. Tháng 12/1980, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) quyết định mở rộng thực hiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư

Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “*khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động*” trong hợp tác xã nông nghiệp. Mục đích của khoán sản phẩm là bảo đảm phát triển sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống xã viên, tăng tích lũy của hợp tác xã và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng có ý nghĩa quan trọng trong việc mở đường thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Chỉ thị được đánh giá là cột mốc đầu tiên, bước đột phá táo bạo vào mô hình hợp tác hóa, tập thể hóa nông nghiệp của nước ta và mở ra khả năng, cho phép hộ gia đình được làm chủ một số khâu sản xuất, sử dụng đất đai, tài nguyên; có quyền tiêu thụ sản phẩm làm ra khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Hợp tác xã từ chỗ là tổ chức hành chính kinh tế chuyển mạnh sang hình thức kinh doanh tổng hợp, là cơ sở cho những bước đổi mới để thoát khỏi tình trạng bế tắc và khủng hoảng quan hệ sản xuất ở nông thôn. Khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, xã viên hồ hởi đón nhận và đồng tình ủng hộ.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo “*làm cho sản xuất bung ra*” và nội dung yêu cầu của Chỉ thị 100 về “*khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động*”, Đảng bộ xã đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập hiểu rõ

khoán sản phẩm là hình thức quản lý và trả công lao động gắn với trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp; đồng thời, thấy rõ đây là sự chuyển biến một bước từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh. Qua học tập, đại đa số xã viên, nông dân phấn khởi, đồng tình thực hiện. Theo Chỉ thị 100, hợp tác xã đảm nhiệm 5 khâu (nước, làm đất, giống, phân bón, bảo vệ thực vật), xã viên đảm nhiệm 3 khâu (gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch).

Cấp ủy Đảng cũng tập trung chỉ đạo cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, tiếp tục thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý lao động, cải tiến quản lý tài vụ trong hợp tác xã nông nghiệp. Theo đó, Đảng ủy xã yêu cầu hợp tác xã phải xây dựng được quy hoạch và kế hoạch sản xuất, tiến hành khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trên cơ sở hợp tác xã và đội sản xuất, bảo đảm tốt các khâu làm đất, giống mạ, tưới tiêu nước, phòng trừ sâu bệnh; khoán phải do xã viên tự nguyện lập nhóm với nhau, tránh tình trạng khoán hời, khoán trắng, chi phí và công điểm cao hơn mức ở hợp tác xã, tránh tình trạng ruộng đất bị chia cắt manh mún, việc giao diện tích phải dựa trên khả năng lao động của xã viên để đảm bảo thực hiện thâm canh, không chia bình quân đầu người lao động.

Ban quản trị hợp tác xã đã xây dựng và chỉ đạo tốt kế hoạch lao động, trên cơ sở đó sử dụng hợp lý lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hợp tác xã theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với điều kiện của khoán mới; ổn định quy mô hợp tác xã và đội sản xuất cho phù hợp với trình độ quản lý và yêu cầu của phát triển sản xuất.

Đầu năm 1981, xã Như Cố bước vào triển khai thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW gọi tắt là Khoán 100 với khí thế sôi nổi, khẩn trương và hiệu quả. Chỉ qua vụ đông xuân và vụ mùa năm 1981, ưu thế của cách khoán mới đã được khẳng định, lợi ích đã thật sự trở thành động lực kích thích sản xuất, nông dân tự bỏ tiền ra mua phân đạm, trâu, bò cày kéo; chi phí được tính toán cụ thể, rõ ràng, tiết kiệm; ngăn chặn đáng kể tệ tham ô, lãng phí; kế hoạch sản xuất được bàn bạc dân chủ từ cấp ủy Đảng, chính quyền, hợp tác xã, đội sản xuất đến người lao động, sát thực tế và tạo hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Thắng lợi của Khoán 100 thể hiện bằng kết quả sản xuất nông nghiệp trong năm 1981, diện tích, năng suất và sản lượng cây trồng đều tăng khá. Tổng diện tích gieo trồng đạt hơn 1.300ha, năng suất đạt 25 - 30 tạ/ha. Chăn nuôi tập thể và gia đình phát triển mạnh. Tổng đàn gia súc năm 1981 đạt cao hơn năm trước. Những thắng lợi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp năm 1981 đã tạo ra những thuận lợi mới, đời sống nhân dân ổn định, tư tưởng phấn

khởi, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng được nâng cao.

Để đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp, trong 5 năm, Đảng ủy tiếp tục tích cực chỉ đạo dân quân, thanh niên, xã viên tham gia xây dựng và tu bổ hệ thống thủy nông nhằm đảm bảo đủ nước tưới tiêu cho sản xuất cũng như chống lụt trong mùa bão lũ. Trong thời gian này, nhiều kênh mương nội đồng đã được cải tạo, mở rộng diện tích đủ nước tưới cho 2 vụ lúa.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, sau Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 23/6/1980 của Bộ Chính trị “*về cải tiến công tác phân phối, lưu thông*”, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) họp ngày 03/7/1984 đã thảo luận và ra Nghị quyết về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế. Tháng 6/1985, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) tập trung bàn về giá - lương - tiền, Hội nghị chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Thực hiện các chủ trương và nghị quyết của Trung ương, công tác phân phối lưu thông có nhiều chuyển biến, hợp tác xã mua bán tích cực hoạt động phục vụ đời sống nhân dân và thu mua nông sản thực phẩm của nhân dân làm nghĩa vụ với Nhà nước, tăng cường lưu thông hàng hóa để phát triển sản xuất. Hợp tác xã tín dụng đã tích cực huy động vốn cổ phần và quỹ tiết

kiệm. Số tiền gửi tiết kiệm của người dân góp phần hỗ trợ cho những gia đình thiếu vốn có điều kiện phát triển kinh tế. Tuy nhiên, công tác phân phối, lưu thông còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng kịp với yêu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân. Hợp tác xã mua bán và tín dụng còn nhỏ bé và hoạt động kém hiệu quả. Việc cải tạo và xây dựng thương nghiệp chưa kết hợp chặt chẽ, chưa đồng bộ, hiệu quả thấp.

Sự nghiệp giáo dục, đào tạo được duy trì và phát triển. Các kỳ thi tốt nghiệp ở các cấp học và tỷ lệ lên lớp bảo đảm khá tốt. Năm 1981 là năm học đầu tiên thực hiện chương trình cải cách giáo dục, Đảng bộ chỉ đạo công tác giáo dục - đào tạo tập trung phát triển theo đúng tinh thần mà Đảng đã đề ra “...*đào tạo nên những con người mới, những người lao động làm chủ tập thể, thiết tha yêu nước và có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Phải bảo đảm cho thế hệ trẻ dần dần làm chủ được kho tàng văn hóa, kiến thức của loài người, biến được kiến thức thành niềm tin, thành thế giới quan và phương pháp tư duy khoa học, từ đó trang bị cho con người khả năng suy nghĩ sáng tạo và hành động đúng đắn phù hợp với lý tưởng cao cả của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội...*”<sup>(1)</sup>. Dù điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, song với tinh thần thi đua dạy tốt, học tốt, giáo viên

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 43, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.101.

và học sinh tại địa phương quyết tâm vượt qua và đạt được những thành tựu đáng khích lệ.

Hoạt động thông tin có tiến bộ, một số cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho việc tuyên truyền được cấp ủy Đảng củng cố, giáo dục truyền thống cách mạng của quê hương, góp phần xây dựng cuộc sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Phong trào xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa được duy trì và phát triển. Đảng ủy tổ chức các đợt tuyên truyền chống mê tín dị đoan, hướng dẫn các hoạt động lễ hội theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm. Các hoạt động văn hóa thông tin đã hướng về cơ sở phục vụ các tầng lớp nhân dân. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển khá, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong đời sống tinh thần ở nông thôn.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Trạm xá xã thực hiện tốt nhiệm vụ chăm lo sức khỏe cho nhân dân, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thuốc men và đội ngũ nhân viên y tế phục vụ chữa bệnh cho nhân dân. Phong trào vệ sinh phòng bệnh tiếp tục được duy trì và phát triển, công tác quản lý sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Trong 5 năm, địa bàn xã không có ổ dịch nào xuất hiện. Trạm xá cùng với các ban ngành, đoàn thể vận động, hướng dẫn các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh

để thực hiện kế hoạch hóa gia đình, kết hợp với tuyên truyền để giảm tỷ lệ phát triển của dân số.

Thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị “Về kiên quyết đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch”, công tác quốc phòng, an ninh được củng cố và tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ngăn ngừa các âm mưu hành động phá hoại của bọn phản động. Công tác tuyển quân, đăng ký nghĩa vụ quân sự được Đảng bộ lãnh đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng luật. Số thanh niên nhập ngũ hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Lực lượng dự bị động viên tổ chức luyện tập và báo động sẵn sàng chiến đấu đều đạt kết quả cao.

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, Đảng bộ Như Cố thường xuyên chú trọng công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể. Đảng ủy mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị, học tập quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, Huyện ủy; chỉ đạo cử cán bộ, đảng viên giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị sơ cấp, trung cấp, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng cho các bí thư chi bộ, chi ủy viên và các lớp đối tượng kết nạp Đảng. Từ năm 1981 đến năm 1985, Đảng bộ tiến hành đều đặn các kỳ Đại hội theo quy định của Điều lệ Đảng. Qua mỗi kỳ Đại hội, sức chiến đấu của đảng viên

được nâng lên rõ rệt. Trong giai đoạn này, các đồng chí Hoàng Văn Chung, Hà Văn Tung giữ chức Bí thư Đảng ủy.

Công tác kiểm tra Đảng được tăng cường, giúp Đảng bộ đôn đốc việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng, đồng thời, sâu sát vào cơ sở, phát hiện, xác minh, kết luận những trường hợp liên quan đến cán bộ, đảng viên có biểu hiện trì trệ, thoái hóa, biến chất, góp phần củng cố, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Cùng với củng cố, xây dựng Đảng là kiện toàn bộ máy chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Ba vấn đề cơ bản để kiện toàn bộ máy nhà nước ở địa phương được quan tâm chỉ đạo là: xây dựng cơ chế quản lý mới, sửa đổi phương pháp làm việc và bố trí đúng cán bộ. Ủy ban nhân dân xã phát huy tốt vai trò trong điều hành, quản lý nhà nước bằng pháp luật, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân trong mọi mặt hoạt động của địa phương. Trong giai đoạn này, đồng chí Đinh Văn Lạ đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Cao Văn Đường làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Như Cố.

Các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã trong năm 1981, 1985 đều được tiến hành dân chủ, công khai, minh bạch. Hội đồng nhân dân duy trì các cuộc họp theo định kỳ, thường xuyên tiếp xúc cử tri, nắm bắt và phản ánh với Đảng bộ, chính quyền cấp trên những tâm tư, nguyện

vọng, những vướng mắc của người dân để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Qua thực tiễn công tác, Mặt trận, các tổ chức đoàn thể chọn lựa được những người có năng lực để đào tạo cán bộ phong trào. Hình thức tổ chức sinh hoạt bước đầu được đổi mới, chất lượng hoạt động nâng lên và thu hút số đoàn viên, hội viên ngày càng đông. Mặt trận Tổ quốc đã triển khai tốt các công tác tiết kiệm, phong trào tương thân tương ái, giúp đỡ các gia đình khó khăn, xây dựng thôn bản đoàn kết, tạo được sự đồng thuận, gắn bó trong các khu dân cư. Hội Phụ nữ phát động rộng rãi phong trào thi đua "*Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", Hội Nông dân thi đua sản xuất giỏi; lực lượng đoàn viên, thanh niên luôn xung kích trong lao động và sản xuất...

Trong 10 năm phấn đấu khôi phục và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế, Đảng bộ và nhân dân Như Cố đã đạt được những thành tích đáng khích lệ. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, cơ sở hạ tầng được quan tâm cải tạo nâng cấp, đời sống nhân dân từng bước được ổn định, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ngày càng được phát huy có hiệu quả. Dù còn có những hạn chế, song Đảng bộ và nhân dân xã Như Cố quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng mới: Bước vào cùng cả nước thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.



Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Như Cố



Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Như Cố



Trạm y tế xã Như Cố - xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2010



Trường Mầm non Như Cố



Trường Tiểu học Như Cố I đạt chuẩn quốc gia năm 2008



Trường Tiểu học Như Cố II đạt chuẩn quốc gia năm 2016



Trường Trung học cơ sở Như Cố đạt chuẩn quốc gia năm 2009



Nông dân xã Như Cố làm đất chuẩn bị sản xuất vụ xuân